

**Tạp San Thế Đạo**  
**Quartly Magazine**  
**Issue 56 - May 2013**



**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**  
**3076 Oakbridge Dr**  
**San Jose, CA 95121-1716**  
**Phone: 408-238-6547**

# MỤC LỤC

01	Luật Tam Thể ( Đức Cao Thượng Phẩm) . . . . .	03
02	Bài Đọc Sau Đàn Cúng (HT. Nguyễn Trung Đạo)) . . . . .	27
03	Đức Phật Di Lặc & Đức Chúa tái lâm trong Đạo Cao Đài (Quang Thông) . . . . .	42
04	Tất Đạt Ta Cô Đàm (Wikipedia) . . . . .	53
05	Ở đời chứa chan (Tràm Cà Mau). . . . .	67
06	Vườn thơ bạn đọc . . . . .	75
07	Thiệp Mời: Lễ An Vị Thánh Tượng Thánh Thất Cao Đài Houston TX, Đại Hội Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại, Đại Hội Ban Thế Đạo Hải Ngoại . . . . .	79
08	Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại . . . . .	83
09	Danh sách cơ sở, đồng đạo, thân hữu yểm trợ Tập San Thế Đạo . . . . .	84
10	Tóm lược Hội Tương Tế Cao Đài . . . . .	88
11	Phân ưu . . . . .	90
12	Tâm thư kêu gọi yểm trợ xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston TX của Thánh Thất Cao Đài Houston TX, của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại . . . . .	101
13	Tâm Thư kêu gọi yểm trợ sửa chữa Thánh Thất của Thánh Thất San Diego, CA. . . . .	107
14	Xây cất Thánh Thất tại VN. . . . .	110
15	Tin Tức Tóm Lược . . . . .	117
16	Non Bộ (Lê Tấn Tài USA sưu tầm). . . . .	122
17	Tình Thương & Công Chính (HT. Lê Văn Thêm) . . . . .	132
19	Ngài Huyền Trang (Thích Thiện Siêu). . . . .	144
20	Giảng Đạo chơn ngôn (Nguyễn Văn Kinh). . . . .	166

# Luật Tam Thể

**Ghi Chú:** Những bài Thánh Giáo này được sưu tầm từ các Đoàn Cơ học hỏi riêng của quý Hiền Huynh như viên Bộ Pháp Chánh, được đóng thành sách với tựa là "Luật Tam Thể" và được phổ biến ở Việt Nam cũng như ở hải ngoại. Mặc dầu chưa được Hội Thánh kiểm duyệt, nhưng thể theo yêu cầu của một số đạo hữu nay chúng tôi xin được ấn tống ra đây hầu có thêm tài liệu để cùng nhau học Đạo. Nếu có điều gì sơ xuất kính xin quý bậc cao minh chỉ giáo và tha thứ cho.

**Đêm 28 tháng 7 Canh Dần ( 1950 ).**

**Phò Loan: Luật sự Khoẻ, Hưởng.**

**Hầu Đoàn: Truyền Trạng Phước, Luật sự Khen, Nhung.**

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào các em.

Bần Đạo đêm nay đến dạy các em về mặt tinh thần Đạo Đức.  
Bần Đạo giải về Tam thể con người cho các em nghe.

Con người có ba thể:

- Thể thứ nhất là xác thân do cha mẹ sanh ra.
- Thể thứ nhì gọi là Đệ Nhị xác thân của Đức Phật Mẫu ban cho.

-Thể thứ ba là Linh hồn, do Đức Chí Tôn ban cho.

Ba thể ấy phải hiệp lại mới thành con người, nhưng bản chất nó khác nhau.

- Thể thứ nhất là xác thân, có ngũ quan, biết cảm giác xúc động, do nơi khí bầm của cha mẹ mà biến tướng ra. Nó cũng như con vật.

- Thể thứ hai là Đệ Nhị xác thân, tức nhiên là Chơn Thần của con người. Người ta gọi là cái vía hay là hào quang đó. Nó do theo cái thể thứ nhất mà biến hình, cũng như đồ bắt kế con vật.

- Thể thứ ba là linh hồn, do Đức Chí Tôn ban cho, tức nhiên là một điểm linh quang của Chí Tôn chiết xuống, để cho con người biết hiểu, và khôn ngoan hơn loài vật. Người ta gọi là "thiên hạ" đó. Vậy thể thứ ba như người cầm cương con vật.

Ba thể ấy khi nào được hiệp một, thì con người ấy mới thấu hiểu cả Thiên Cơ của Đức Chí Tôn. Một khi con người đã thấu hiểu được Thiên Cơ, thì người ấy đã đoạt Đạo. Bởi vậy, cho nên người tu phải tập luyện thể nào, cho Tam Thể ấy được tương liên với nhau, thì con người mới trở nên sáng suốt hơn kẻ thường tình.

Phương luyện đặng tương hiệp Tam Thể thì Đức Hộ Pháp đã có dạy lâu rồi, các em quên sao?

Truyền Trạng Phước bạch:

- Dạ phải bài nói về Phương Luyện Kỹ để vào con đường thứ ba của Đại Đạo không?

- Phải. Bữa khác Bần Đạo sẽ về tiếp thêm.

Bần Đạo kiếu.

### **Đêm 5 tháng 8 Canh Dần. Phò Loan: Luật sự Khỏe, Khen**

Cao Thượng Phẩm.

Bần Đạo chào các em nam nữ.

Hôm nay Bần Đạo chỉ dạy các em về Tam Thể xác thân con người. Đêm trước Bần-Đạo đã có giảng rồi, nhưng vì đến thời cúng mà Bần Đạo phải ngưng bút, thành ra không hết ý nghĩa của nó. Vậy nay Bần Đạo xin tiếp thêm cho các em hiểu rõ.

Về Tam Thể xác thân của con người, Bần Đạo đã giảng riêng từ bản chất của nó, cho các em hiểu rồi. Nay Bần Đạo nói về sử dụng Thiêng Liêng của nó.

Đệ Nhứt xác thân cũng như con vật, do khí bẩm của cha mẹ mà biến thành. Nó thuộc về hữu hình, luôn luôn chịu ảnh hưởng của ngoại vật, hơn là ảnh hưởng của tinh thần. Nếu nó chẳng

chịu sự kềm thúc của linh hồn, là Đệ Tam xác thân thì cũng như con vật mà không có người cầm cương. Nếu con vật mà không có người cầm cương gìn giữ nó thì các em tưởng coi con vật ấy nó phải thế nào?

Luật Sự Khen và Khỏe bạch:

- Dạ, sẽ trở nên buông lung.

- Phải đó, bởi lẽ ấy mà những người tu cần phải thắng những cái dục vọng của Đệ Nhứt xác thân. Đệ nhứt xác thân rất có ích cho toàn thể con người. Nhưng nếu chẳng thắng được những điều dục vọng của nó, thì cũng rất có hại cho con người chẳng ít.

Luật Sự Hưởng bạch:

- Thưa Đức Ngài, thân thể con người do những tế bào cấu tạo thành hình, nó là chất sanh. Một khi con người bỏ xác cho đất thì chất sanh ấy đi đâu? Chẳng lẽ mất luôn, hoặc nó đi theo Đệ Nhị và Đệ Tam xác thân?

- Đó là một việc mà Bần Đạo cần phải giải rõ cho các em được tận hiểu, để có dịp đi truyền Đạo sau này.

Trong Đệ Nhứt xác thân đã có ngũ quan, biết xúc động; và các tế bào để cho Đệ Nhứt xác thân cử động, đi đứng, làm cho con người có cái sống thực tế theo con mắt thấy hằng ngày của loài người đó. Nhưng đến khi mà người ta gọi là chết thì Đệ Nhứt xác thân phải ra thế nào? Không lẽ nó bị tiêu diệt? Vì nó đã có cái sống sẵn trong bản thể của nó. Như vậy thì cái xác chết nó đi đâu, hay cũng bị tiêu tan dưới nắm mồ, mà người ta gọi là nơi an nghỉ ngàn thu của con người. Nó thuộc về Bí Pháp, để Bần Đạo nói rõ trong mấy câu hỏi đó.

Đã nói rằng Đệ Nhứt xác thân nó không chết mà tại sao con người chẳng còn cử động được, và phải để cho người khác chôn cái xác dưới nắm mồ. Ấy là nó phải chịu luật tiến hóa của Tạo Doan, thay cũ đổi mới, để cho Đệ Nhứt xác thân trở nên đẹp để đặng phù hợp với Linh Quang sáng suốt của Đức Chí Tôn ban cho nơi mặt thế này, để thay thế cho ngài đặng bảo vệ cơ sanh

hóa của Ngài cho được tồn tại.

Như trước kia, con người mới được sanh ra thì thân thể xấu xa, ăn lông ở lỗ, chẳng khác chi hình tượng con vật. Với thân hình ấy, mặc dầu Đức Chí Tôn đã ban cho một Chơn Linh Thánh Đức cũng khó mà tạo nên một xã hội văn minh hay cơ khí được.

Lúc đầu loài người có rất ít, có thể sống trong hang, hoặc ở kẹt đá được. Chớ như ngày nay, nhân loại đã nhiều, cần phải lấp sông, phá rừng, trang bằng chơn núi mà ở chưa đủ thay, nên phải có sự thay đổi xác thân để cho con người học hỏi, cho tinh vi, và đoạt được cơ sanh hóa của Tạo Đao, thì con người càng ngày mới khai thác những nơi hầm mỏ, và rừng rú mà tổ chức một xã hội văn minh. Cách ăn, thói ở cũng đơan trang hơn khi xưa và hơn loại tìm được cơ bí mật của Tạo Đao, mà làm nên những máy móc để thay thế cho sức người. Sự giao thông giữa xứ này đến xứ khác, từ xưa hẳn là không phương thế đi được. cũng nhờ khoa học mà đặng như thế. Rồi lần hồi, loài người sẽ đoạt đặng cả sự bí mật của Tạo Đao mà thay thế cho Đức Chí Tôn làm chủ cơ sanh hóa của Ngài.

Đệ Nhứt xác thân phải bị luật thay đổi, chớ không phải chết đâu. Khi xác thân này bị luật thay đổi của Tạo Đao thì nó không khi nào còn huần hình lại được với Đệ Nhị xác thân và Đệ Tam xác thân theo em nói, mà nó phải lộn với đất để nuôi những chất sanh như là thảo mộc, rồi từ thảo mộc sẽ nuôi đến thú cầm, rồi cũng từ thú cầm, nó lại nuôi cho loài người, cũng như người ta bón phân đó. Nó vẫn ở lộn cùng đất mà thôi, chớ không thể bay đi đâu được.

Đã nói rằng xác thân nó lộn với đất, thì lẽ dĩ nhiên đó là đất rồi. Cái xác nào cũng phải biến thành đất cả. Chỉ có lâu hay mau do sự chôn cất nó kín hay hở, hoặc chắc hay không chắc đó thôi.

Đã nói rằng ở mặt thế này không chi là bền cả, vì nó do vật chất biến sanh, thì phải chịu luật tiêu diệt hay là luật thay đổi của Tạo Đao. Đến như sắt hoặc đá, chắc là bao, nhưng nó còn có giới hạn thời gian mà tiêu mòn.

Để kết luận về Đệ Nhứt xác thân, Bần Đạo cho các em hiểu

rằng mỗi sự gì ở thế, cũng không bền bỉ cả. Nó phải chịu **luật thay đổi, hay luật luân hồi** tùy theo vật hay người. Luật thay đổi và luật luân hồi rất có ích cho cơ sanh hóa của Tạo Doan, vì mỗi lần thay đổi hoặc luân chuyển, là mỗi lần tiến hóa cao lên. Nên luận về Bí Pháp, thì không có gì là mất hay chết cả. Bởi trong cái chết nó có ảnh hưởng cho cái sống; và trong cái mất, nó có ảnh hưởng cho cái còn. Vậy cho nên Đệ Nhứt xác thân phải chịu luật thay đổi mà người ta gọi là chết đó. Nó không phải là mất, mà nó còn mãi với vạn vật. <sup>1</sup>

Bần Đạo xin kiếu.

**Đêm 7 tháng 8 Canh Dần. ( DL 18/9/1950 ).**

**Phò Loan: Luật sự Nhung, Khen.**

**Hầu Đàn: Thừa Sử Hải, Truyền Trạng Phước,**

**Luật sự Khỏe, Ảnh, Hưởng, Khoe.**

**Cô Thư Ký: Ngôn.**

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào các em nam nữ.

Hôm nay Bần Đạo giải tiếp về Đệ Nhị xác thân.

Đệ Nhị xác thân mà chúng ta thường gọi cái vía, tức là bản năng của chúng ta đó. Bản năng ấy là Chơn Thần, mà chủ của nó tức nhiên là Phật Mẫu.

Chơn Thần là một thể vô hình bất tiêu, bất diệt, luôn luôn tiến hóa hay ngưng trệ, do mỗi lần tái kiếp được dày công hay đắc tội. Nói cho rõ hơn nữa, thì nó là lục đục thất tình đó. Vậy khi lục đục thất tình được điều độ, là nhờ Đệ Tam xác thân điều khiển nổi, bằng không, thì nó vì Đệ Nhứt xác thân, tức là hình

---

*1- Phần bổ túc: Trong bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp đêm 14 tháng 3 năm Kỷ Sửu (1949) về “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” có đoạn:*

*Đức Chí Tôn ban cho mỗi kiếp sống chúng ta có một lần chết. Mỗi cái chết có cái tử khí, tử khí ấy là một khối dạng làm “Tòa sen” cho chúng ta, tức nhiên định vị cho chúng ta đó vậy.*

vật sai biểu theo bản chất của nó.

Vậy Đệ Nhị xác thân là hình bóng đi lập công, bồi đức. Thoảng như nó trọn nghe lời của Đệ Tam xác thân thì được trọn lành mà về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, mà chúng ta gọi là đắc quả. Còn nương theo thú chất hình vật là Đệ Nhứt xác thân, là phải luân hồi chuyển kiếp mãi mãi, chúng ta thường nói là bị đọa đó.

Mỗi khi bị đọa thì tùy theo sở năng của kiếp vừa qua mà biến hình; hoặc giả lơ lửng ở chốn không trung, nơi mà các điển giao hợp, chờ cho đến đúng thời hay đúng hạn, để mà thăng lên hay giáng xuống. Vì thế người trần hay gặp nó hiện hình mà cho rằng ma hay quỷ. Những Chơn Linh ấy hoặc do phạm thệ, hay trốn thệ mà phải bị như vậy. Đến lúc bị các điển nổ tan mà biến mất, theo Tam Kỳ Phổ Độ gọi là bị Ngũ Lô tru diệt đó. Những Chơn Linh đó nếu nhẹ tội thì được nhẹ nhàng hơn một chút, nên khi các điển phối hợp thì bay lên cao một chút, đặng khỏi tan, nhưng cứ vờ vẫn mãi ở đó đặng nhìn lại cuộc thế chuyển xoay, mà chúng ta gọi là tận đọa tam đồ bất năng thoát tục.

-Truyền Trạng Phước bạch: .....?

Nó giống với nguyên căn của nó là khi mà nó biết giữ sự trung dung điều hòa của nó, vì người ta, có đủ lực dục thất tình mới trọn hiểu biết sự thay đổi của càn khôn vũ trụ, mới lập được công đức, bằng nó quá chịu theo Đệ Nhứt xác thân, tức là lực dục thất tình đã đi quá hạn, làm cho chệnh lệch lẽ yêu ái của Phật Mẫu hằng có, thì nó phải bị chẳng đồng thể.

-Truyền Trạng Phước bạch: .....?

Khi thoát xác thì chơn linh nào phạm tội lại càng đau đớn hơn nhiều, vì lẫn âm điển của đất luôn luôn lôi kéo.

-Truyền Trạng Phước bạch: - Có phải vì loi d' attraction không?

- Phải đó, vì cơ mà bị luân hồi chuyển kiếp đó. Kỳ sau, Bần Đạo giải tiếp thể thứ ba. Để Bần Đạo cho một bài thi nói về thể thứ nhứt, và một bài thi nói về thể thứ hai, các em đọc đi đọc lại có ích lắm đó!



## Thi

Bản chất vốn sanh bởi địa hoàn,  
Âm dương nhờ đó mới thành căn.  
Nhựa nhành do bởi con vi tổ,  
Máu huyết nảy sanh vật hữu sanh.  
Nhờ hưởng khí Trời nên được sống,  
Nương theo vị đất đặng hằng sanh.  
Kiếp căn bao thuở đà tiền định,  
Vi tổ đến hồi trở lại căn.

Nguyên lai bốn chất vốn trung bình,  
Lục đục thất tình vẫn vẹn thanh.  
Phật Mẫu ban cho nên đức tính,  
Chí Tôn trau sửa được thành hình.  
Ruộng cày sáu mẫu lo vun quén,  
Nhà ở bảy căn gắng vẹn gìn.  
Trở lại ngôi xưa nhờ khéo dưỡng,  
Yêu thương Phật Mẫu tạo nên hình.

Đó, các em coi thì đủ rõ Đệ Nhứt xác thân và Đệ Nhị xác thân là gì rồi.

Bần Đạo thặng.

**Đêm 6 tháng 8 năm Canh Dần ( 19/9/50 ).**

**Phò Loan: Thừa Sứ Hải, Luật Sự Khỏe.**

**Hầu Đàn: Truyền Trạng Phước,**

**Luật Sự Hưởng, Nên, Du, Ảnh**

**Lễ Sanh Hương Nương, và hai vị Nữ Phái.**

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào các em nam, nữ. Hôm nay Bần Đạo xin giải tiếp về Đệ Tam xác thân.

Đệ Tam xác thân là linh hồn do Đức Chí Tôn ban cho, để điều khiển Đệ Nhứt và Đệ Nhị xác thân, tức nhiên là người cầm cương, là nền tảng cho sự tiến hóa của con người, thì lẽ dĩ

nhiên nó phải chịu sự thay đổi theo thân sanh của con người, tùy theo sự sáng suốt của nó. Cũng có khi một Chơn Linh sáng suốt mà lại ngự vào một Đệ Nhứt xác thân xấu xa để giúp cho Đệ Nhứt xác thân được lập công bồi đức trong một kiếp sanh, nhưng điều đó rất ít. Phần nhiều là một Chơn Linh sáng suốt đều ngự trong một Đệ Nhứt xác thân tốt đẹp. Nên về khoa bói toán của Thiên lý học, người ta có thể đoán được người, khi người ta thấy cái thể bên ngoài của Đệ Nhứt xác thân (tướng tại tâm sanh).

Trong Tam Thể xác thân chỉ có Đệ Tam xác thân là có phận sự quan trọng hơn cả, vì nó phải chịu trách nhiệm đối với Chí Tôn khi trở về ngôi vị của mình.

Sứ mạng đặc biệt của Đệ Tam xác thân là phải chế ngự Đệ Nhứt và Đệ Nhị xác thân cho theo luật Thiên nhiên của Đức Chí Tôn. Nếu nó chẳng kèm thúc được tánh dục vọng phàm phu của Đệ Nhứt xác thân thì nó phải bị thiên khiển và thất phận nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Sở hành của Đệ Tam xác thân rất khó khăn. Vì nếu mang một xác thân xấu xa thì cũng khó lập công. Còn như mang một xác thân tốt đẹp thì cũng rất có hại cho phận sự của nó. Biết bao Chơn linh xuống phàm để lập công cũng vì lẽ khó khăn ấy mà phải chịu nhiều trở ngại trong phận sự đến đời phải bị đọa, vì nó không đủ phương thế kèm thúc Đệ Nhứt xác thân, mà phải bị Đệ Nhứt xác thân lôi cuốn vào đường tội lỗi. Đức Chí Tôn là chủ của nó, theo lẽ thì phải giữ nó được trong sạch mới phải chớ, tại sao để cho nó bị vật thể hữu vi này lôi kéo vào đường tội lỗi như vậy?

Một điều thắc mắc cho toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu này phải tự hỏi lấy mình. Nhưng nếu chẳng có tâm linh sáng suốt thì khó mà tìm hiểu cho đặng lẽ huyền vi bí mật ấy.

Có hỏi tức nhiên Bần Đạo phải trả lời để các em thấu rõ lẽ huyền vi mầu nhiệm ấy, để sau này đi truyền giáo cho nhơn sanh.

Đã nói rằng Đệ Tam xác thân là nền tảng cho sự tiến hóa của nhơn loại, thì lẽ dĩ nhiên nó phải chịu sự khảo thí trong trường

thi của Đức Chí Tôn lập nơi mặt thế này. Nếu một Chơn Linh thắng được cái thế thứ nhứt và chế ngự được những dục vọng của nó, thì mới được thăng vị. Còn như thắng thế thứ nhứt không đặng thì phải chịu hình phạt. Đó là luật công bình của Đức Chí Tôn, có công thì thưởng, có tội thì trừng. Thoảng như, Đức Chí Tôn không dùng phương pháp ấy, để lọc lựa các hành động của chơn linh, thì làm sao mà phân biệt được hàng phẩm cao hay thấp, tùy theo công nghiệp của Đệ Tam xác thân cho đặng.

Thừa Sứ Hải bạch: .....

-Khi Đệ Nhị xác thân bị ngũ lôi tru diệt thì Đệ Tam xác thân phải bị đọa mãi mãi cho đến khi có cuộc ân xá của Đức Chí Tôn thì mới được tái kiếp lại mà lập công chuộc tội.

Còn điều gì các em không hiểu cứ hỏi.

Thừa Sứ Phước: - Xin giải về loài vật.

-Đó là ngoài vấn đề Tam Thế xác thân của con người, khi khác Bản Đạo sẽ giảng về loài vật.

Để kết luận về Đệ Tam xác thân của con người, Bản Đạo nói cho các em hiểu rõ thêm nữa để khỏi phải mờ hồ hay là thắc mắc. Đã nói rằng Đệ Tam xác thân là kẻ cầm cương thì cũng hiểu rõ nó như thế nào rồi, vì sở hành và bản năng của nó giống như người cầm cương . Nếu nó sáng suốt mà chế ngự được Đệ Nhứt xác thân theo luật thiên nhiên của Đức Chí Tôn, thì nó được phần khen thưởng của Đức Chí Tôn, như kẻ cầm cương biết cẩn thận trong phận sự của chủ giao điều khiển con vật, và cái xe thì được chủ hậu đãi. Còn nếu Đệ Tam xác thân chẳng thắng đặng Đệ Nhứt xác thân, mà còn bị lôi cuốn vào đường tội lỗi nữa, thì phải bị sa đọa cũng như kẻ cầm cương không biết cẩn thận để điều khiển con vật, hầu làm lợi ích cho chủ, thì phải bị rầy và quở phạt, có khi bị chủ đuổi đi là khác.

Đó, các em hiểu chưa?

Bạch, đã hiểu rồi.

Bản Đạo khen đó chút.

Thăng.

**Đêm 16 tháng 9 Canh Dần.**  
**Phò Loan: Thừa Sứ Hải, Luật Sự Nhung.**  
**Hầu Đàn: Thừa Sứ Hối, Luật Sự Khỏe, Khen, Hưởng;**  
**Giáo Hữu Thượng Giác Thanh.**

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào mấy em.

Hôm nay Bần Đạo dạy cho mấy em hiểu rõ nguyên căn biến chuyển tuần hườn của vạn vật.

Vạn vật trong vũ trụ không vật nào hơn hay kém. Trước sau đều đồng một thể là Chơn Linh lập đời, định thể đặng các phẩm Tiên Phật có nơi học hỏi, và thi dụng tài năng hầu tô điểm thêm phẩm giá Thiên Liêng vị. Do lẽ đó, các phẩm chưa đủ sức lo tròn địa vị phải luân hồi chuyển kiếp mà bồi bổ thêm. Lúc khai Thiên lập Địa thì các đẳng Chơn Hồn ấy phải đi từ vật chất lên thảo mộc, thú cầm, rồi mới chuyển kiếp làm người được. Tính ra, mỗi phẩm đi từ đầu chí cuối mà không bị lầm lạc, thì phải đủ chín chục ngàn kiếp (90.000) mới trở về Thiên Liêng vị được. Vì cơ mà các đẳng Chơn hồn lúc bị lầm lạc, sa đọa, phải luân hồi chuyển kiếp mãi mãi, chưa về đặng nơi cõi Thiên Liêng Hằng Sống.

Các Chơn hồn ấy, lúc mới là hóa nhân, thì còn bản chất thật thà, vì chưa bị sự cám dỗ của vật chất cho mấy. Sự cám dỗ ấy lại cũng do các Chơn hồn còn nhỏ phẩm kiếp, muốn cho các Đấng trên mình đồng về một lượt, mới bày cơ thử thách. Lần lần, các Chơn hồn nhiễm vật chất, rồi do vật chất ấy, mà tạo thành hình thể hữu vi đặng phô bày cho hết lẽ huyền vi ra thiệt tướng. Vì vậy, chúng ta thấy sự biến chuyển của Tạo Đao càng ngày càng tăng tiến là lẽ đó.

Khi loài người đã lột hết lẽ huyền vi cho nhau đặng hiểu rồi thì cơ bí mật chẳng còn nữa. Do đó mà sự qui cổ phải trở lại đặng cho các nguyên nhân thấy rõ mọi đường học hỏi về sự biến chuyển là lẽ nào. Ngày nay các nguyên nhân xuống thế mà hiện còn ở tại thế, đã chuyển kiếp mấy lần chín chục ngàn kiếp

rồi. Bởi thế mà Chí Tôn xây cơ chuyển thế cho các nguyên nhân thấy rõ sự huyền vi bất khả xâm phạm của Thiên Điều, là dấu cho tay phàm kiếmặng sự bí mật của Tạo Hoá mà họ có thể kiếmặng sự sanh của Đức Chí Tôn hằng dễ hay chăng?

Ngày nay các nguyên nhân đã thấy rõ sự tiến hóa của họ về vật chất là mầm tiêu diệt, nên tự họ phải nhường bước trước hình phạt Thiên Liêng. Họ đã hiểu đặng huyền vi bí mật của vũ trụ mà họ không hiểu lẽ sanh tồn do đâu mà có. Vì vậy mà lần hồi, họ chỉ nhờ học hỏi nơi đạo đức mới hiểu lẽ ấy do đâu. Lần này, vì các Chơn Linh xuống phàm quá lâu nên Đức Chí Tôn muốn đem về hết một lượt, rồi cho trở xuống học lại lớp khác. Bởi cớ, Tam Nguơn tận mãn, thì nhứt nguơn kế tiếp là vậy.

Còn quý nhơn là những Chơn hồn của Quý Vương nơi Tam Thập Lục Động cho xuống đặng cho làm các bài vở cho các nguyên nhân học hỏi. Vì cớ, cho nên các nguyên nhân mà tội lỗi cũng phải đến cõi Phong đô chịu sự giáo hóa mà định trí, định thân, rồi chuyển kiếp nữa, chớ chẳng hề vì Quý vương mà tiêu diệt cho đặng.

Mấy em đã rõ chưa. Để bữa khác, Bần Đạo dạy thêm nữa, bữa nay chừng đó cũng vừa đủ. mấy em ráng học nghe! Bần Đạo chào mấy em.

Thăng.

### **Đêm 23 tháng 9 Canh Dần.**

#### **Loài vật.**

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào các em.

Đã hèn lâu, Bần Đạo hứa với các em để giải về loài vật. Hôm trước, Bần Đạo đã giải về Tam Thể xác thân của con người cho các em hiểu rồi, nay Bần Đạo giải luôn về loài vật cho các em hiểu rõ.

Về sự tiến hoá của Bát Hồn, loài vật đứng vào phẩm thứ ba. Nó cũng biết cảm xúc như loài người vậy, nó cũng biết thương, biết

ghét, nhưng nó không được khôn ngoan như loài người.

Loài vật chia làm hai loại: Loại Thượng cầm, và loại Hạ thú.

- Loại Thượng cầm có tính chất giống như loài người, là có thứ chim biết nói, nó nhớ cũng như loài người. Ngày xưa, người ta dùng chim để đi thơ từ chỗ này sang chỗ khác.

- Còn loại Hạ thú, có thú khôn ngoan như loài người, nó cũng biết nghe, và biết vâng lời sai biểu của loài người, lại cũng có thứ giống về bản chất loài người như con khỉ chẳng hạn.

Về loài vật dấu cho Thượng cầm hay Hạ thú đều có thọ một điểm linh quang của Đức Chí Tôn ban cho cũng như loài người vậy.

Từ loài vật nó cũng thay đổi nhiều kiếp mới tiến hoá lên loài người được, và chính nó cũng do sự tiến hoá mà biến hình. Cũng có nhiều khi loài người làm nên tội ác trong kiếp sanh, mà phải bị luật thiên khiến trừng phạt, rồi cho đầu thai trở lại làm loài vật. Cái Bí Pháp của các nền Đạo giáo đã khai mở từ xưa, cũng như giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đều dạy cho môn đồ về sự tiến hoá của Bát Hồn, và về sự luân hồi chuyển kiếp, hoặc về sự bị giáng cấp của Bát Hồn và do Luật Thiên Điều phân định chí công.

Vậy một khi bàn đến loài vật, thì người có Đạo ai cũng nhìn rằng là bậc thứ ba của Bát Hồn. Nó cũng có thể tiến hoá lên phẩm người, và cũng có thể biến trở lại thảo mộc, tùy theo sở hành gián tiếp của nó, nên có thể được hai bản chất của loài người và của thảo mộc.

Thăng.

**Đêm 11 tháng giêng Tân Mão.  
Phò Loan: Luật Sự Nhung, Khen.  
Hầu Đàn: Chư vị Luật Sự.**

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào các em nam, nữ.

Hôm nay Bần Đạo dạy về sự phân biệt hữu hình và vô vi.

Trong vũ trụ, vạn vật thấy đều là hữu hình, nhưng trong cái hữu

hình lại là vô vi biến tướng. Một hình thể lại là một sự cấu-tạo của những tế bào. Những tế bào ấy lại kết tụ bởi khí ngũ hành, khí ngũ hành biến chuyển bởi âm dương; âm dương ấy lại điều động được là nhờ khí Hư vô vận chuyển. Vì cố, trong mỗi xác thân dù vật chất, thảo mộc, thú cầm hay loài người, thủy đều do sự biến chuyển của khí Hư vô.

Vậy thì mỗi hình vật hữu vi, đã phải chịu nơi quyền năng vô biên của khí Thái Cực mà được trở nên hình tướng. Những tế bào là những hạt điển quang của âm dương chi khí. Trong mỗi tế bào đều có hạt điển âm và hạt điển dương vận chuyển. Do sự khác nhau chỗ hạt điển âm nhiều hay ít mà sự sáng suốt của khối linh quang được tỏ rõ cùng không. Hễ âm nhiều thì phải nặng trĩu. Còn về mặt vô hình, thì chỉ là Lương Nghi biến hoá mà thôi, vì cố nên không phải là hình tướng hữu vi của vũ trụ được.

Vậy thì, vô vi là cơ biến hoá, còn hữu hình thì lại là sự biến chuyển. Hai đàng là hình với bóng, hễ hình đã mất tức là các tế bào đã tan rã, thì khí Lương Nghi trở lại cõi Hư vô, đó là thăng về Thượng giới. Còn như những kẻ bị tội phải trầm luân khổ hải, hay là phải chuyển kiếp tái sinh là do những tế bào khi tan ra lại lẫn lộn điển âm cùng với điển dương, nên chẳng thể rời nhau được, khiến cho khí Lương Nghi ở trong thể xác không hiệp được với khí Lương Nghi của khí Hư vô. Vì vậy mà phải luân hồi mãi mãi cho tới ngày tế bào đã phân rõ âm dương mới thôi. Vậy thì, ở trong sự hữu hình lại có vô vi ẩn chuyển; còn vô hình lại là khí điển quang mà thôi. Các em đã rõ chưa?

Thôi Bản Đạo kiếu.

**Đêm 23 tháng 11 Tân Mão ( 21/ 12/ 51 ).**  
**Phò Loan: Thừa Sứ Phước, Luật Sự Nhung.**  
**Hầu bút: Luật Sự Hưởng.**

Cao Thượng Phẩm

Bản Đạo chào mấy em.

Bản Đạo thấy mấy em có điều thắc mắc, Bản Đạo cũng cần

giải rõ cho các em được hiểu.

Mấy em đã hiểu rõ thế nào là nguyên nhân, hoá nhân, và qui nhân rồi đó chớ. Vậy nói thử cho Bản Đạo nghe.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Thừa Đức Ngài, nguyên nhân là những người tạo được phẩm vị nhiều kiếp.

- Không phải.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Là Nguyên Linh Đức Chí Tôn cho xuống trần.

- Mà xuống trần để làm gì?

Thừa Sứ Phước bạch:

- Để diu dắt hoá nhân đi lên đường tiến hoá.

- Cũng chưa đúng. Để học hỏi về cơ tấn hoá. Cũng có phần nguyên nhân đến đặng mở cơ giáo hoá; song không ở trong số một trăm ức của Chí Tôn đã cho xuống thế từ buổi thượng nguơn. Còn hoá nhân là gì?

Thừa Sứ Phước bạch:

- Cầm thú tấn hoá lên loài người.

- Phải vậy. Nhưng họ đi từ vật chất lên đến loài người, và đoạt được phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật do nơi công quả tạo nên.

Còn Quỷ nhân là gì?

Thừa Sứ Phước bạch:

- Thuộc hàng hóa nhân và nguyên nhân phạm tội.

- Chỉ có hoá nhân phạm tội tình mà trở nên quỷ nhân.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Và còn nguyên nhân phạm tội?

- Nguyên nhân do một Chơn linh của Chí Tôn chiết ra, nếu họ phạm tội thì Chơn linh ấy trở về, và Chơn thần phải tái kiếp đặng đền bù tội lỗi. Chừng tội lỗi đền xong, thì Chơn linh sẽ trở lại, mà diu dẫn Chơn thần thêm nữa, trên đường tấn hoá của họ.

Thừa Sứ Phước bạch: - Khi hoá nhân và nguyên nhân đồng phạm tội?



Nguyên nhân thì Chơn thần của họ được tạo ra ngay từ kiếp người. Còn hoá nhân là khi phân Lương Nghi biến thành Bát Quái mà tạo ra vật chất, thì họ chỉ là vật chất biến thể, lần đến loài người, nên Chơn thần của họ vẫn còn là thể chất, bởi cơ mới từng theo quỹ vị.

Nguyên nhân có cựu vị, nếu trong trường thì tấn hóa mà họ đoạt được thì phẩm vị ấy sẽ được cao thăng. Còn như Chơn thần quá ư mê muội thì cựu vị của họ phải để trống. Còn như hoá nhân thì khi họ tạo được phẩm vị, rồi họ mới được hưởng hồng ân của Chí Tôn ban cho điểm linh quang. Nguyên nhân và hoá nhân khác nhau ở chỗ đó.

Chừng hóa nhân lập được vị rồi lại còn muốn lập vị thêm nữa, thì lúc xuống thế đặng lập công thêm nữa, cũng được gọi là nguyên nhân.

Nguyên nhân thì có Chơn linh chế ngự, còn hóa nhân khi tạo được vị, mới được ban bố hồng ân hưởng được Linh quang. Còn như khi chưa tạo được vị, họ chỉ có giác hồn chế ngự họ thôi.

Mấy em đã hiểu rõ nguyên nhân và hóa nhân thế nào chưa?

Thừa Sứ Phước bạch:

- Dạ hiểu, nhưng hóa nhân chưa có Chơn linh thì họ là thú?
- Chơn thần của Phật Mẫu ban cho họ, sao lại gọi là thú? Thú tức là thể chất chứ?

Thừa Sứ Phước bạch:

- Dạ thú cũng có Chơn thần?
- Nhưng nó chưa được có giác hồn như người, tức là nó chưa có lương năng.

Luật Sứ Hưởng bạch:

- Dạ xin cho biết về lương tri và lương năng là thế nào?
- Lương tri là trí biết tự nhiên do nơi não cân mà có. Còn lương năng là năng lực do trí biết ấy nảy nở.

Đêm nay cũng đã nhiều, bữa khác Bản Đạo giảng dạy thêm. Bản Đạo kiếu.

## TAM THỂ XÁC THÂN (Đợt thứ hai)

Tái Cầu:

Bát Nương

Chị chào mấy em.

Muốn học hỏi phải ra công, dày sức thì mới mong thấu được kết quả, mấy em cũng vậy.

Thừa Sứ Phước bạch: - Dạ mấy em cố gắng, nhưng còn tối tăm quá.

- Cười... Vậy chớ ngọn đèn khêu chưa sạch bấc, chùi chưa sạch bóng, hỏi tỏ rạng sao được. Hãy lau bộ não đi.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Chừng nào bỏ xác phàm mới hoàn toàn sáng suốt được.

- Lẽ dĩ nhiên, nhưng sự học hỏi trong khi còn mang xác phàm thì cơ tấn hóa mới có giá trị.

Khi học Đạo, muốn học điều gì phải coi đi coi lại, rồi suy gẫm cho rõ lý. Chừng hiểu được tường tận rồi mới học qua điều khác, chớ muốn học cho biết luôn một lượt, thì đến tận thế đó mấy em.

Lau bộ óc là đừng cho sự hám biết, và khí giận xen vào. Phải hòa hoãn, thư thái và trì chí suy gẫm thì sẽ được kết quả. Chị khuyên mấy em ráng xem sách và tra cứu đặng tâm lý thì đến khi học Đạo rất dễ chớ chẳng chi. Đạo pháp là khoa huyền bí vô vi, mấy em phải dày công mới được.

Bây giờ chị cho thi, rồi ngâm cho chị nghe.

### Thi:

Đông về bắc đến tận hiên mai,  
Gõ cửa kêu ai dạ luống hoài.  
Gió lạnh cành mai xơ xác lá,  
Sương mù bóng hạc chập chờn cây.  
Ngân Kiều ngấm lại xa xôi khách,  
Kim Khuyết nhìn ra vắng vẻ bầu.

Mở trí đón đường phong tuyết phủ,  
Đông về bắc đến tận hiên mai.

Chị lui nghe mấy em.

Thăng.

**Đêm mông 4 tháng 12 Tân Mão.**  
**Phò Loan: Thừa Sứ Phước, Luật Sự Nhung.**  
**Hầu Đàn: Luật Sự Hợi, Hưởng, Tỳ, Du;**  
**Giáo Hữu: Thượng Tỳ Thanh.**

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào mấy em.

Mấy em đã được học hỏi nhiều trên đường Bí Pháp, nhưng bởi từ trước vì Thần chưa định, điển chưa thuần, nên những bài học tập có phần không rõ rệt, hay là có chỗ khuyết điểm. Vậy từ đây Bần Đạo khởi dạy lại cho thêm rõ và bồi bổ thêm.

Nói về Đệ Nhứt xác thân, hay là thể xác, thì sự cấu hợp của nó do những tế bào, trong đó có điển tử dương và điển tử âm mà tạo thành. Mỗi thể xác đều do những tế bào, mà trong nguyên tử tinh trùng cấu tạo bởi những hạt nguyên tử; trong đó, có một điển tử dương và chín điển tử âm, thể xác nào cũng vậy, có khác nhau là do nơi Đệ Nhị xác thân mà thôi. Thể xác ấy là nguyên tinh của thảo mộc và vật chất tạo nên. Bởi cớ, khi thể xác đã trở về đất thì trở nên đất.

Nói về Đệ Nhị xác thân, Chơn khí là sự tiết khí của Chơn tinh hoặc trong sạch, hoặc ô trược mà đổi nên hình sắc. Như Chơn khí toàn trong trắng, chí Thánh, thì nó là một hào quang sáng chói, còn chưa được Thánh chất thì nó là màu hồng; còn như ô trược, thì nó lại là màu tím. Những hào quang ấy bao phủ lấy thể xác đặng tiếp điển cùng Chơn linh hay Chơn thần.

Thoảng như Chơn khí bị lay động, thì nó hoàn toàn vẫn là thể chất hay là vật chất khí. Do đó, mà những người chưa được tinh sạch, hay định tĩnh vẫn bị thể chất lôi cuốn và không thể đi cao

hay tầm hiểu cao hơn được, nó cấu tạo bởi hơi của Chơn tinh bốc ra.

Chơn thần hiệp với Chơn khí gọi là Đệ Nhị xác thân. Chơn thần ấy gọi là điểm linh của Phật Mẫu ban cho, nên nó thuộc về âm, gọi là âm khí, hay âm quang.

Còn Đệ Tam xác thân, là điểm Chơn linh, tức là dương khí hay là dương quang, do nơi ngôi Thái Cực, tức là Chí Tôn chiếu xuống. Âm khí tiếp dương khí mới làm cho Chơn khí được nhẹ nhàng tinh khiết; ví như hơi nước được nấu lại một lần nữa mà biến thành không khí. Khi Chơn khí được tinh ba thì điểm của dương khí mới rọi thẳng được đến Nê hườn cung, mà làm cho người trở nên sáng suốt, minh mẫn.

Về Tam Thể xác thân cấu tạo bởi nguyên lý ấy, mấy em coi lại mấy bài trước thì thêm rõ. Nói cho thật hữu vi thêm nữa, thì Thái Cực là một khí Chơn Dương; do đó, mà chỉ có thanh khí mới có thể tiếp được Linh quang chiếu rọi.

Mấy em hãy ráng học tập, một ngày kia hữu dụng, và sẽ biết về mặt Bí Pháp Tâm Truyền. Đây chỉ là Bí Pháp Khẩu Tụng mà thôi. <sup>2</sup>

Bần Đạo kiếu.

Thăng.

**Đêm 9 tháng 12 Tân Mão ( D.L. 6/1/1952 ).**

**Phò Loan: Thừa Sứ Phước, Luật Sự Nhung.**

**Hầu Đàn: Luật Sự Hưởng, Hợi.**

Cao Thượng Phẩm

Bần Đạo chào các em.

Về Tam Thể xác thân, Bần Đạo tiếp dạy cho mấy em được

*2-Thêm vào:*

- *Điểm tử cấu hợp thể xác của người do một điểm tử dương và chín điểm tử âm;*

- *Còn Chơn khí thì một dương ba âm;*

- *Chơn linh thì một dương một âm.*

- *Còn Ngôi Thái Cực chỉ có một dương mà thôi.*

thêm phần hiểu biết cho rõ ràng. Đêm nay, Bản Đạo giải về Đệ Nhứt xác thân. Hôm trước, Bản Đạo đã chỉ rõ Tam Thể xác thân là gì, bây giờ trở lại phân tách rõ ràng từ xác thân một.

Đệ Nhứt xác thân là sự cấu hợp bởi tinh trùng, mà tinh trùng ấy nảy sanh do nơi vật chất thảo mộc và thú cầm, vì cơ nó thuộc về thể chất tức là vật chất hình, tiếng Pháp gọi là Matière ou Corps Matériel. Hình thể hữu vi của thể xác là một cái máy của Tạo Hoá đã làm ra bằng các nguyên liệu do nơi vật chất chiết thành vi tố, dựng xứ dụng cơ lập thể. Những tinh trùng cấu tạo nên một thể xác, là do khí bẩm của lẽ âm dương phạm thể; bởi có xác thân trong sạch, mà cũng có xác thân ô trước. Thể xác tạo thành bởi vật chất, nên nó là vật chất biến hình đó thôi.

Vậy thì, Đệ Nhứt xác thân là một cái máy để cho cơ Tạo Hóa xứ dụng, mấy em đã hiểu rõ về Đệ Nhứt xác thân chưa? Có em nào chưa hiểu cứ hỏi.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Xin Đức Ngài giải rõ cho biết sự nuôi sống của tế bào?
- Xác thân ấy được sống là nhờ các tế bào còn liên kết, sự liên kết ấy có được là nhờ khí âm dương được lưu thông trong lục phủ ngũ tạng. Một khi trong lục phủ ngũ tạng bị bế tắc thì lẽ tự nhiên khí âm dương bị ngưng trệ, làm cho mạch máu ngừng lại, và liền lúc đó, các tinh trùng tiết ra một khí cực âm, nên các tế bào không còn liên đới mà chỉ đóng riêng từ tế bào một mà thôi. Bởi những cơ ấy, mà Đệ nhứt xác thân không còn cử động được nữa, và trở nên lạnh cứng.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Dạ, đó là nói về khí âm dương làm cho các tế bào kết hợp, tức sự sống cho Đệ nhứt xác thân, nhưng còn sự nuôi sống Đệ nhứt xác thân bằng thực phẩm, xin Đức Ngài giải cho.
- Về thức ăn để nuôi sống vật thể thì chỉ có các vi tố mà thôi, khi đồ ăn vào tỳ vị rồi tự nhiên biến hóa thành một chất hồ, do sự làm cho tiêu hóa của chất nước cường toan, khi chất hồ ấy đi qua ruột non, thì những vi tố cần dùng nuôi thể xác lướt qua màng mỏng của ruột non mà biến thành máu. Khi máu ấy về

tim, hấp thụ được khí âm dương của vũ trụ do phổi đem vào, thì nó chia vi tố ra làm bốn phần:

- Một phần để làm cho xương được nở nang.
- Một phần làm cho da thịt được đầy đủ.
- Một phần làm cho ngũ tạng được điều hòa.
- Một phần làm cho gân được dẻo dai.

Còn như tóc và lông là hơi bài tiết của chất thịt tạo thành. Trong cả thể chất lướt lại thành một chất tinh ba gọi là tủy; do nơi tủy ấy biến thành tinh, do nơi tinh biến thành sự minh mẫn của thị giác và trí não.

Thừa Sử Phước bạch:

- Như vậy tế bào không cần đến thực phẩm?
- Phải vậy, các tế bào có lẽ sống riêng biệt của nó chớ không cần đến vi tố.

Thừa Sử Phước bạch:

- Nếu vậy một đứa trẻ sơ sinh rồi trưởng thành, số tế bào gia tăng do đâu mà có?
- Những tế bào được tăng gia ấy là những tế bào ở trong bốn thứ vi tố đã phân ra đó, nó có tự nhiên chớ không phải nhờ vi tố mới có nó.

Luật Sự Hưởng bạch:

- Thưa, vi tố có phải tiếng Pháp gọi Vitamine không?
- Phải.

Thừa Sử Phước bạch:

- Xin Ngài giải rõ về sự ảnh hưởng tốt xấu của sự ăn chay, và ăn thịt đối với Đệ nhứt xác thân.
- Nói về ảnh hưởng tốt xấu của sự ăn chay, và nhục thực, thì các tế bào không phương di hại chi cả. Chỉ có hại cho lục phủ ngũ tạng mà thôi, bởi nhục thực thì phần nhiều trong các con vật hay có vi trùng, nên ăn thịt thì những vi trùng trộn theo vi tố mà phá hoại; lại nữa, thịt là chất sanh hơi độc, vì vậy làm cho thân thể hoá ra mệt nhọc, biếng nhác. Đó là cái hại cho thể

xác. Còn cái hại cho tinh thần thì trong thịt đã chứa sẵn các thứ chất, do đó, làm cho tinh thần thường bị mê muội, như là có hại cho đệ lục giác quan là Thần. Còn ăn chay thì khỏi bị vi trùng phá hoại, và không bị hơi độc làm cho mệt nhọc.

Thừa Sứ Phước bạch:

- Nếu nói ăn thịt có vi trùng làm hại tạng phủ, thì nấu cho chín, tức vi trùng phải chết rồi còn đâu mà phá hại?

- Cười . . . Nếu nói rằng nó bị chết thì đúng có phân nửa, bởi vì vi trùng cũng kết cấu bằng tế bào thì không bao giờ chết. Bởi vậy, thực nhục mà nấu kỹ, nếu trong người khỏe mạnh thì những tế bào vi trùng vẫn nằm yên, khi nào mà thể xác bị yếu, thì nó lại kết cấu mà làm hại cơ thể.

Đệ nhứt xác thân như vậy là đủ rồi.

Bần Đạo kiếu.

Thăng.

### **Bài học bổ túc.**

Rút trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 1, Đức Chí Tôn có dạy về Đệ nhứt xác thân:

"Phàm xác thân con người, tuy mắt phàm coi thân hình như một, chớ kỳ trung nơi bốn thân vốn một khối chất chứa vàn vàn, muôn muôn sanh vật. Những sanh vật ấy cấu kết nhau mà thành khối (La Formation des cellules). Vật chất ấy có tánh linh, vì chất nuôi sống nó cũng đều là sanh vật, tỷ như rau , cỏ, cây, trái, lúa, gạo... mọi lương vật đều cũng có chất sanh.

Nếu nó không có chất sanh, thì thể nào tươi tắn và chứa sự sống, như nó khô rũ thì là nó chết, mà các con nào ăn vật khô héo bao giờ. Còn như nhờ lửa mà nấu thì là phương pháp tẩy trừớc đó mà thôi, chớ sanh vật bị nấu chưa hề phải chết.

Các vật thực vào tỳ vị, lại biến ra khí, khí mới biến ra huyết. Nó có thể huờn ra như hình, mới có sanh sanh, tử tử của kiếp nhưn loại. Vì vậy mà một giọt máu là một khối Chơn linh. "

**Đêm 11 tháng 12 năm Tân Mão ( D.L 7/1/1952 ).**

**Phò Loan: Thừa Sứ Phước, Luật Sự Nhung.**

**Hầu Đàn: Luật Sự Tử, Hưởng.**

**Thơ ký Minh.**

Vô Danh Tiên Trưởng

Bần Đạo xin chào chư quý vị.

Rừng Đạo Pháp sâu xa, trí người phàm nông nổi, Bần Đạo khuyên chư vị khá dày công đào tạo âm dương thuần mỹ, mới rõ thấu cơ mầu. Vạn vật hữu hình, càn khôn vô tướng, thấy thấy chung đồng nhưt lý hư không, sắc nên không, không biến sắc.

Xin chư quý vị ráng tự mình mở điểm quang minh, còn côi hư linh đã giúp về hình thức đã nhiều lắm rồi. Thoảng như đem phơi bày đủ lẽ, thì chẳng hoá ra giả tướng hay sao?

Học một, nghiệm mười mới được đó đa!

Bần Đạo hằng mến chư quý vị, muốn đôi lời kỷ niệm đó thôi. Còn phần giáo hoá đã có Thượng Phẩm Chơn Tiên và Bát Nương Tiên Nữ. Bần Đạo xin làm một bài thi:

### **Thi**

Nối gót Tiên Gia ráng lần dò,  
Thầy không có bóng ráng lờng lo.  
Động đào đưa khóa tùy phương mở,  
Nét tục định thần liệu thế lo.  
Sẵn lái, sẵn buồm còn thiếu khách,  
Đủ linh, đủ phương mãi nhiều tơ.  
Khai tâm nhờ định không vì thế,  
Tình dục xin khuyên chớ hững hờ.

Bần Đạo xin lui bước.

Thăng.



## Tái Cầu

Cao Thượng Phẩm

Đêm nay Bần Đạo giảng tiếp về Đệ nhị xác thân.

Đệ nhất xác thân là vật thể hữu hình nó nuôi dưỡng Chơn tinh, do đó, có bốc ra chất hơi gọi là Chơn khí. Ví dụ, một nồi nước để lên hơi vậy.

Chơn khí ấy có một ánh sáng riêng của nó, gọi là hào quang mà tiếng Pháp gọi là Aura. Nhờ hào quang biến đổi hình sắc, mà nơi cõi hư linh thấu triệt hành tàng, tâm ý của mỗi người.

Chơn khí là một điển quang của thể xác bốc ra, nên nó dung hợp với điển âm dương trong thể xác. Bởi cớ, nó là trung gian tiếp điển của Chơn Thần, là của Phật Mẫu và Chơn Linh của Chí Tôn. Khi thể xác bị ô trược, thì Chơn khí có một chất làm cho Chơn Thần không tiếp được Nê hườn cung, tức là nơi phát sanh ý chí. Còn như ý chí xao động, thì Chơn khí phải xao động, làm cho lạc điển của Chơn Thần tiếp xuống.

Chơn khí là một khí chất trong Đệ Nhị xác thân, cả Chơn khí và Chơn Thần hiệp lại mới đủ.

Chơn Thần là một điểm linh của Phật Mẫu sanh ra. Chơn Thần đến với xác thân, đặng khai trí cho con người, theo bên Phật giáo gọi là Giác Hồn đó. Cả Chơn khí và Chơn Thần thì gọi là cái Phách; còn riêng về Chơn Thần thì gọi là Vía đó vậy.

Chơn Thần đến đặng giữ thể xác đặng trọn bước trên con đường tấn hoá. Song vì bốn chất của Chơn Thần là Âm quang, nên thường vì những nỗi khó khăn của thể xác mà hay dung túng cho thể xác, được phù hợp với chất sanh của thể xác là thú chất.

Trong mọi người đều có thất tình lục dục, những tình dục ấy phát sanh ra, do nơi lục phủ ngũ tạng, nhưng chủ của nó là Chơn Thần đó vậy.

Khi Chơn Thần kèm thúc không nổi, thì lục dục thất tình dấy động, làm cho Chơn khí tiết ra một chất ô trược, khiến cho Chơn Thần không đến đặng, mà chế ngự được nữa. Lấy ví dụ

là một kẻ có manh tâm làm điều gian ác, khi họ khởi thi hành công việc ấy, họ được nghe một tiếng nói vô hình mà người ta thường gọi là lương tâm cắn rứt. Tiếng nói ấy là của Chơn Thần đó vậy. Song kẻ ấy cố tâm làm công việc đã suy tính, và từ đó, không còn được nghe tiếng nói của Thiêng Liêng kia nữa. Lúc đó là Chơn Thần không còn đến được, bởi Chơn khí ô trược ngăn cản.

Khi Chơn Thần đã bị xác thân cải ý, thì Chơn Thần phải theo luôn xác thân ấy, đặng kiểm phương gội rửa, bởi cố, những người gian ác khi được lời giảng dạy về hành tàng của người thì liền đó, có một lời nói vô hình biểu phải cải hối. Thoảng như thể xác ấy được định tỉnh, thì Chơn Thần chế ngự luôn lục đục thất tình, mà cải thiện cho thể xác ấy, tiếng thường gọi đó là giác ngộ vậy.

Còn luận về tội lỗi, thì Chơn Thần phải luôn luôn theo thể xác, bởi cố khi thể xác phải chuyển kiếp đến đâu, Chơn Thần phải theo đến đó. Khi thể xác đã mất sự sống của nó thì điển của âm dương trong thể xác bay ra cùng với Chơn Thần. Hễ là thể xác trong sạch thì khí dương hợp với Chơn Thần bay về cõi Thiêng Liêng và do nơi Nê hườn cung là cửa. Còn thể xác ô trược thì khí âm tiết ra hợp với Chơn Thần mà giáng xuống vật chất đặng chờ cơ chuyển kiếp, mà do nơi đầu ngón chân cái là cửa. Mấy em còn điều chi không hiểu về Đệ nhị xác thân nữa không?

Thừa Sứ Phước bạch:

- Thừa Ngài, để chờ học lại.

**(Còn tiếp)**

# BÀI ĐỌC SAU ĐÀN CÚNG

## \* Thuyết Đạo Sau Mỗi Đàn Cúng

Theo lời dạy của ĐỨC CHÍ TÔN và theo TÂN LUẬT thì sau mỗi Đàn Cúng, vị Chức Sắc chủ lễ phải nói Đạo cho Thiện Nam, Tín Nữ tham dự Đàn Cúng nghe hiểu.

Ngày 5-4-1927, Đức Chí Tôn giảng cơ có dạy về việc thuyết Đạo nguyên văn như sau :

*“ Thầy để lời cho các con biết rằng : Phần nhiều các Giáo Hữu không xét biết trách nhiệm của mình, con phải nhắc cho chúng nó hiểu. Mỗi Giáo Hữu ít nữa phải thông cội rễ nền Đạo; chúng nó năng tìm biết Thánh Ngôn của Thầy đã dạy và thay phiên nhau mà nói Đạo cho Thiện Nam, Tín Nữ hiểu. Nhiều Giáo Hữu không biết nét chi về việc Đạo; chớ Tín Đồ không trông học hỏi đến đặng, thì Chức Sắc còn có bổ ích chi. Con phải nhắc cho chúng nó và Hội Thánh phải hội một tháng một kỳ mà chỉ dẫn cho nhau về việc thuyết Đạo trong mỗi Đàn, nghe! Thầy ban ơn cho các con ”*  
(TNHT.I.82 - in 1972) .

Sau đây là lời dạy trong Quyển Tân Luật.

TÂN LUẬT Điều thứ 19 .- *Một tháng hai ngày sóc vọng, bốn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy đạo. Trừ ra ai có việc được chể.*

Như vậy, sau mỗi Đàn Cúng, vị Chủ Lễ có nhiệm vụ phải nói Đạo cho Thiện Nam Tín Nữ nghe, đặc biệt là sau các ngày Lễ Vía. Để góp phần vào việc đọc bài Giáo Lý sau mỗi kỳ Đàn Cúng ĐỨC CHÍ TÔN, chúng tôi sưu tầm một số BÀI ĐỌC SAU ĐÀN CÚNG, ngắn gọn, đọc khoảng trên dưới 10 phút, hầu giúp cho quý vị Chủ Lễ đỡ mất thì giờ.

Xin giới thiệu một số chủ đề sau đây.

**Ghi Chú :** Tài liệu “**Bài Đọc sau Đàn Cúng**” này chỉ có tánh cách tham khảo, rất mong được sự phản hồi góp ý của Quý Cơ Sở Đạo và của Quý Huynh Tỷ để bài soạn được hoàn chỉnh.

**Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo**

# ĐẠO CAO ĐÀI MỘT NỀN TÂN TÔN GIÁO

\* \* \*

Các tôn giáo khai mở từ thời Nhị Kỳ Phổ Độ, sau hơn hai ngàn năm truyền bá cứu độ nhơn sanh, lần lần bị người đời canh cải làm sai lạc chơn truyền, nên phần nhiều các tôn giáo ấy đều bị Ngọc Hư Cung bế lại, người tu thì nhiều mà đắc quả thì rất ít. Như vậy cần phải có một nền tôn giáo mới để thay thế, đặng độ rỗi nhơn sanh

## 1.- LỆ TRUYỀN Y BÁT TRONG PHẬT GIÁO

Y Bát là cái áo cà sa và cái bình bát vu của một vị sư, là hai món rất cần thiết của một vị sư thuộc phái khất sĩ của Phật Giáo.

Trước khi Đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn (479 trước Dương Lịch), Đức Ngài đem cái áo cà sa và cái bình bát vu của Ngài trao lại cho Ngài Ma Ha Ca Diếp để làm tín vật truyền ngôi Tổ Sư Phật Giáo cho Ma Ha Ca Diếp.

Như vậy Ma Ha Ca Diếp đã trở thành Sơ Tổ hay Nhất Tổ của Phật Giáo Ấn Độ.

Về sau, Ma Ha Ca Diếp truyền Y Bát lại cho A Nan làm Nhị Tổ.

Các vị Tổ Sư nối tiếp kế truyền gìn giữ Phật Pháp, điều hòa Giáo Hội, đến đời Tổ Sư thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma.

Bồ Đề Đạt Ma, vị Tổ Sư đời thứ 28 bên Ấn Độ, đem Phật Giáo truyền vào nước Trung Hoa, nên Ngài trở thành Sơ Tổ hay Nhất Tổ của Phật Giáo Trung Hoa (520 Dương Lịch).

Tại nước Trung Hoa, Y Bát được lần lượt truyền cho các vị Tổ Sư kế tiếp, cho đến vị Tổ Sư thứ 33, tức thứ 6 ở nước Trung Hoa Đó là Lục Tổ Huệ Năng.

Từ đời Lục Tổ Huệ Năng về sau, không còn lệ truyền Y Bát nữa vì Lục Tổ Huệ Năng tuân mật lệnh của các vị Tổ Sư đời

trước chôn giấu Y Bát ở một nơi bí mật.

Huệ Năng và Thần Tú đều là học trò của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, Tổ Sư đời thứ năm của Phật Giáo Trung Hoa, nhưng Đại Sư Thần Tú không được thọ truyền Y Bát.

Y và Bát của Đức Phật Thích Ca là hai bảo vật thiêng liêng. Con người vào thời Mạt Pháp ít học ít tu, dễ sanh lòng tham dục, không ngại dùng bạo lực để tranh đoạt báu vật. Thật vậy, chính vị Đại Sư Thần Tú khi hay tin Ngũ Tổ đã truyền Y Bát cho Huệ Năng, liền cho đệ tử đuổi theo Huệ Năng để tranh đoạt Y Bát nhưng thất bại. Các vị Tổ Sư ý thức được điều đó, nên đã truyền mật lệnh cho Lục Tổ Huệ Năng chôn giấu Y Bát một cách bí mật cho tuyệt tích luôn, để tránh việc tranh giành báu vật mà có thể làm hại lẫn nhau.

Lục Tổ Huệ Năng phát huy Phật Giáo ở miền Nam nước Trung Hoa. Còn Đại Sư Thần Tú thì đem Phật Giáo truyền bá lên phương Bắc.

Do đó, Phật Giáo Trung Hoa chia làm hai : Nam Tông và Bắc Tông.

- Nam Tông của Lục Tổ mới là chánh tông.

- Bắc Tông không phải là chánh tông, nên Phật Giáo thất chơn truyền kể từ đời Đại Sư Thần Tú.

\* Ngày 5-4 Bính Dần (5-6-1926), Đức Thích Ca Như Lai giảng cơ tại Hội Phước Tự, Cần Giuộc, có dạy như sau :

“ Chư Sơn nghe dạy :

Vốn từ Lục Tổ thì Phật Giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành ; Chánh Pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất Chánh Giáo, lập riêng pháp luật, buộc mỗi Đạo Thiên...

Vì Tam Kỳ Phổ Độ, Thiên Địa hoàng khai, nơi ‘Tây Phương Cực Lạc’ và ‘Ngọc Hư Cung’ mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi ; tại Tăng Đồ không kiếm chơn lý mà hiểu.

Lắm kẻ đã chịu khổ hành đạo... Ôi ! Thương thay ! Công có công, mà thưởng chưa hề được thưởng ; vì vậy mà TA rất đau

lòng.

TA đến chẳng phải cứu một mình chư Tăng mà thôi ; vì trong thế hiểm bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật phải đọa hồng trần, TA đương lo cứu vớt.

Chư tăng, chư chúng sanh hữu căn, hữu kiếp, đặng gặp kỳ Phổ Độ này là lần chót; phải ráng sức mà lo tu hành, đừng mơ mộng hoài trong giả luật ” (TNHT.I.19,20 - in năm 1972).

\*Ngày 26-2 Bính Dần (8-4-1926), Đức Thích Ca Mâu Ni Phật giáng cơ, có dạy như sau :

“ Thích Ca Mâu Ni Phật  
Chuyển Phật Đạo,  
Chuyển Phật Pháp,  
Chuyển Phật Tăng,  
Qui nguyên Đại Đạo,  
Tri hô chư chúng sanh !

Khánh hỉ ! Khánh hỉ ... Hội đắc Tam Kỳ Phổ Độ ! Chư Thần Thánh Tiên Phật đại hỉ, phát đại tiểu. Ngã vô lự tam đồ chi khổ. Khả tụng giáo NGỌC ĐẾ viết CAO ĐÀI ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT ” (TNHT.I.12 – in năm 1972).

Tạm hiểu : Phật, Pháp, Tăng là Tam Bảo của nhà Phật. Ở đây : Phật là Đức Phật, Pháp là Giáo Lý, Tăng là Giáo Hội. Bốn câu đầu có thể hiểu là :

Đức Phật Thích Ca chuyển Phật Đạo, chuyển Phật Pháp, chuyển Phật Tăng, qui nguyên Đại Đạo, có nghĩa là chuyển toàn cả Phật Giáo về gốc là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tri hô chư chúng sanh : Chúng sanh biết chăng !?

Khánh hỷ : vui mừng.

Hội đắc Tam Kỳ Phổ Độ : Gặp được ĐĐTKPD.

Đại hỷ : Mừng lớn, tức mừng nhiều.

Phát đại tiểu : Phát cười lớn.

Ngã vô lự Tam đồ chi khổ : Ta không lo cái khổ của ba đường (Ba đường này là ba đường luân hồi khổ sở, gồm : Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh).

Khả tùng giáo Ngọc Đế : Khá theo lời dạy của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

## 2.- KHAI MỞ NỀN TÂN TÔN GIÁO

Vào đầu thập niên 1920, Đức Thượng Đế đã dùng huyền diệu cơ bút sáng lập tại Việt nam một nền Tân Tôn Giáo lấy tên là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thường gọi là Đạo Cao Đài, để cứu rỗi chúng sanh.

Mặc dầu đến ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (19-11-1926), Đạo Cao Đài mới được chính thức khai nguyên, nhưng trước đó Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng cơ để lời tiên tri rằng Đạo sắp được khai minh, và khoảng đầu thập niên 1920 mầm mống đã bắt đầu nảy sanh ra do hai Nguồn Đạo khác nhau.

**Thứ Nhất:** Người được nghe hồng danh Đức Cao Đài đầu tiên là quan phủ Ngô Văn Chiêu. Đầu năm 1920, lúc còn trấn nhậm tại Tân An (trước khi đổi đi Hà Tiên), trong một đàn cơ thỉnh Tiên, Ngài Ngô Văn Chiêu được một Đấng Thiêng Liêng giáng điện xưng tên là Cao Đài Tiên Ông dạy Đạo. Từ khi ra trấn nhậm ở Phú Quốc, Ngài Ngô Văn Chiêu được Đức Cao Đài tiếp tục dạy đạo, và vào ngày Mừng Một Tết Tân Dậu (8-2-1921), Ngài được Đức Cao Đài thâu làm Người Đệ Tử Đầu Tiên. Cũng vào năm 1921, Ngài Ngô được tiếp nhận 2 lần ánh sáng huyền diệu đầy hào quang từ một Con Mắt chiếu thẳng vào Ngài. Con Mắt ấy được gọi là Thiên Nhãn, là biểu tượng của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế. Sau đó, theo lệnh của Đức Cao Đài, Ngài Ngô đem tất cả tấm lòng thành kính để họa Thiên Nhãn mà thờ.

Giữa năm Giáp Tý (1924), Ngài Ngô được lệnh chuyển về làm việc ở Sài Gòn. Rời đảo Phú Quốc ngày 28-6 Giáp Tý (29-7-1924), Ngài Ngô về tới Sài Gòn ngày hôm sau và sống kín đáo giữa chốn phồn hoa đô hội, hằng ngày đi làm việc ở dinh Thống Đốc Nam Kỳ.

**Thứ Nhì:** Cũng vào đầu thập niên 1920, ở miền Nam Việt Nam

có phong trào xây bàn, cầu cơ, tiếp chuyện với các vong linh để họa thi, vịnh phú, hoặc lập đàn thỉnh Tiên để xin thuốc chữa bệnh.

Vào năm Ất Sửu (1925) quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang cùng làm việc ở Saigon, đêm đêm thường họp nhau ở một chỗ, khi đồn địch, lúc ngâm thơ, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử lúc bấy giờ. Lối tháng Sáu năm Ất Sửu (5-6 Ất Sửu, 25-7-1925), do gợi ý của Ngài Cao Quỳnh Cư, ba Ngài và vài vị nữa trong gia đình, bắt đầu tập Xây Bàn theo kiểu Thần Linh Học ở Âu Châu, tại nhà Ngài Cao Hoài Sang, ở phố Hàng Dừa đường Arras (nay là đường Cống Quỳnh), gần chợ Thái Bình, Sài Gòn. Trong việc xây bàn, ban đầu quý Ngài được người thân, cùng bạn bè đã qui vị, giảng diễn về chuyện trò cùng làm thơ xướng họa, rồi lần lần có các Đấng Thiêng Liêng giảng diễn ban cho thơ văn rất hay để dẫn lần vào con đường Đạo.

Trong số các vong linh về nói chuyện và làm thơ, có vong linh ông Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của hai Ngài Cao Quỳnh Diêu và Cao Quỳnh Cư, vong linh của ông Cao Hoài Ân là thân phụ của Ngài Cao Hoài Sang, cô Đoàn Ngọc Quế (tên thật là Vương thị Lễ) cháu ngoại của ông bà Tổng Đốc Phương. Cô Đoàn Ngọc Quế chính là Thất Nương ở Cung Diêu Trì có nhiệm vụ dùng văn chương thi phú để hướng dẫn các Ngài Cư, Tắc, Sang,... vào đường Đạo. Lần lần có Bát Nương, Lục Nương, Nhân Âm Đạo Trưởng, Thanh Sơn Đạo Sĩ, Đại Tiên Lê văn Duyệt, Đại Thi Hào Lý Thái Bạch, các vị trong Bát Tiên cũng về cho thơ. Đặc biệt có một Đấng Thiêng Liêng xưng danh là A, Ầ, Ồ cho nhiều bài thơ hay và dạy Đạo.

Đến thượng tuần tháng 8 âm lịch (cuối tháng 9-1925), Thất Nương chỉ các Ngài cách sử dụng Ngọc Cơ. Đêm Rằm tháng 8 âm lịch năm Ất Sửu (1925), các Ngài tụ lại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư ở đường Bourdais Saigon, nay là đường Calmette, để làm tiệc tiếp rước Cửu Thiên Nương Nương tức Đức PHẬT MẪU và Cửu vị Tiên Nương. Đức PHẬT MẪU và Cửu Vị Tiên Nương giá lâm. Sau tiệc Hội Yến Diêu Trì, hai Ngài Cao



Quỳnh Cư và Phạm Hộ Pháp ngồi vào bàn tiếp Ngọc Cơ. Đức PHẬT MẪU và Cửu Vị Tiên Nương giáng đàn, để lời chào mừng các Ngài có mặt, rồi chỉ dạy về đạo đức, phương cách tu hành, hứa hẹn thưởng giáng đàn để chỉ bảo thêm, và ban mỗi vị ban cho một bài thơ.

Khi các Ngài vững tin vào cơ bút và thế giới vô hình, Thiêng Liêng từ từ chuyển việc xướng họa thi phú qua khai cơ lập Đạo. Ngày 27-10 Ất Sửu (12-12-1925), Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (Đức Phật Mẫu) giáng dạy rằng :

“Mùng 1 này, tam vị Đạo Hữu Vọng Thiên Cầu Đạo”.

Vâng theo lời dạy của Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (Đức PHẬT MẪU) và của Đức AẢẢ, đêm Mùng 1-11 Ất Sửu, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang ăn mặc chỉnh tề, áo dài khăn đen, ra quì giữa sân trước nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, mỗi vị cầm 9 cây nhang nguyện rằng : “Ba tôi Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh” trước sự chứng kiến của đông đảo khách qua đường.

Đúng 12 giờ, thời Tý, ba Ông đồng xông trầm cho tinh khiết rồi ngồi vào bàn cơ. Đức Thượng Đế giáng cơ phán dạy như sau :

“Muốn được TA truyền Đạo phải gọi TA bằng THẦY cho tiện bề đối đãi, và TA gọi lại bằng Các Con. THẦY muốn dùng Các Con mà khai Đạo, Các Con dám lãnh trọng trách ấy chăng ?”.

Ngài Phạm Công Tắc bạch : Thầy dạy bảo thì chúng con tuân lệnh, song chúng con từ bé chí trưởng chẳng thông đạo lý chi, duy nhờ THẦY dạy bảo bấy lâu thì sự hiểu biết chưa đặng trong muôn một, e chẳng xứng đáng mà thọ lãnh trách nhiệm lớn lao này.

Đức Cao Đài Thượng Đế phán : “Chi chi có THẦY gần bên các con, miễn là các con khứng chịu, gắng để trọn tấm lòng thành thì chẳng hề chi”.

Cả ba đồng vâng chịu và sau đó ba Ngài hết lòng tôn kính Đức Cao Đài và lo dưỡng tánh tu tâm chuyên bề đạo đức.

Sau đêm Vọng Thiên Cầu Đạo, để củng cố đức tin và đạo tâm cho ba Ngài, Đức Thượng Đế cho các Đấng thường xuyên giảng dạy. Từ đây ý tứ trong các bài Thánh Giáo luôn luôn hướng về khuyến tu, giúp cho các Ngài thấm nhuần đạo lý. Tình đạo càng nồng sẽ khiến cho men đời càng phai nhạt.

Đêm Giáng Sinh 24-12-1925 (9-1 Ất Sửu), trong khi các giáo đường rộn rịp đón mừng Lễ, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang lặng lẽ họp nhau tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để lập đàn cầu cơ.

Thất Nương giảng cơ truyền ba Ngài phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy, ba Ngài nửa mừng nửa sợ, lật đật sắm đủ hương đăng trà quả, chỉnh đàn cho có nghi tiết, đoạn hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc mới ngồi lại chấp cơ. Cơ giảng như vậy :

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI  
TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT  
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,  
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.  
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,  
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.

Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà đang thấy đệ tử kính mến Ta như vậy... ”.

Tuy nhiên, đến ngày cuối năm dương lịch 31-12-1925 (16-11-Ất Sửu) thì các Ngài mới được biết AẢẢ là một tá danh của Đức Cao Đài Thượng Đế. Đức Cao Đài dạy :

“Bấy lâu THẦY vẫn tá danh AẢẢ là cốt để dò dốt các con vào đường đạo đức hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp THẦY mà khai Đạo. Các con thấy THẦY khiêm nhường dường nào chưa ? Các con nên bắt chước THẦY trong mảy mún thì mới xứng đáng là con người có đạo đức ”.

TÓM LẠI : Mãi đến cuối năm 1925, ba Ngài mới được biết :

Đấng AẢẢ chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, tá danh là : Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Trong đàn cơ ngày 7-12 Ất Sửu (20-1-1926), các Ngài Trung, Cư, Tắc, Sang,... bạch với Đức Thượng Đế :

- Xin Thầy chỉ cho các con cách thờ phượng Thầy.

Đức Thượng Đế đáp :

- Mấy con phải đến Phủ Chiêu chỉ cách cho, vì Phủ Chiêu đã thờ Thầy lâu rồi. Chừng nào mấy con đến Chiêu thì đem Ngọc Cơ theo để Thầy giảng dạy việc.

Khi các Ngài đến nhà Ngài Ngô Văn Chiêu (lầu 2, số 110 đường Bonard, nay là Lê Lợi, Sài Gòn ) thì được Ngài Chiêu đón tiếp niềm nở. Ngài Chiêu hướng dẫn cách thức thờ Thiên Nhân mà Đức THƯỢNG ĐẾ đã cho Ngài được thấy vào năm 1921. Kế đó quý vị lập đàn cầu Đức CHÍ TÔN. Đức Chí Tôn giảng cơ dạy các Ngài Trung, Tắc, Cư, Sang, Đức, Hậu,... phải hiệp với Ông Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Ngài lại dạy rằng mỗi mỗi việc chi đều phải do Ngài Chiêu là Anh Cả.

Nhờ cơ bút hướng dẫn, hai nhóm môn đệ của Đức THƯỢNG ĐẾ được gặp gỡ nhau trong tình huynh đệ vô cùng thân mật, tay bắt mặt mừng, còn hơn anh em ruột thịt cùng chung một nhà.

Mọi việc đang tiến hành tốt đẹp trong niềm hân hoan của toàn thể Quý Vị Tiên Khai, thì một điều không hay xảy đến cho Cơ Đạo: Ngài Ngô Minh Chiêu không muốn truyền bá mỗi Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu “Ngộ thân bất độ, hà thân độ” mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra để lo bề tự giác kể từ ngày 13 tháng 3 năm Bính Dần (dl 24-4-1926).

Sau khi độ thêm được nhiều nhân vật có địa vị trong xã hội như Đốc Phủ, Tri Huyện, Thông Phán, Cai Tổng, Công Chức, Giáo Viên, Thương Gia, Yết Ma,... Đức THƯỢNG ĐẾ mới bắt tay vào Đạo Sự chánh là phổ độ nhơn sanh : ra lệnh cho tổ chức một số Đàn Cơ Phổ Độ để THƯỢNG ĐẾ giáo Đạo và trực tiếp thân nhận Tín Đồ trong đại chúng.

- Đêm 23-8 Bính Dần ( 29-9-1926), 247 bổn đạo tề tựu tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, hẻm số 237 đường Gallieni, Sài Gòn (nay là đường Trần Hưng Đạo) để lập Tịch Đạo.

- Ngày 1-9 Bính Dần (7-10-1926), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt tuân lệnh Đức CHÍ TÔN, đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp tờ Khai Đạo với 28 chữ ký cho ông Thống Đốc Le Fol. Sau khi Ngài Lê Văn Trung đã nạp tờ Khai Đạo cho chánh quyền Pháp, các Vị Tiên Khai mới sắp xếp phân ra thành ba Nhóm Di Truyền Đạo ở các tỉnh.

Công việc quan trọng kế tiếp là chuẩn bị làm Lễ Khai Minh Đại Đạo trước nhơn sanh. Đức CHÍ TÔN ra lệnh cho các Chức Sắc tạm ngưng công cuộc truyền đạo ở Lục Tỉnh kể từ ngày 10-10 Bính Dần để về chung lo cho ngày Đại Lễ.

- Ngày 15-10 Bính Dần (19-11-1926) : Lễ Khai Đạo được tổ chức rất long trọng tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh. Lễ Khai Đạo được dự kiến trong vòng 3 ngày, nhưng vì nhơn sanh khắp nơi vẫn tiếp tục kéo về xin bái lễ và nhập môn cầu Đạo quá đông nên buổi lễ phải kéo dài đến khoảng 3 tháng.

Đức Thượng Đế khai Đạo vào Ngày Rằm năm Bính Dần vì những lý do như sau : Khởi đầu một chu kỳ 60 năm là năm Giáp Tý, kế đến là Ất Sửu, rồi Bính Dần... Sách có câu “ Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần”( TRỜI khai ở Hội Tý, ĐẤT yên ở Hội Sửu, NGƯỜI sanh ở Hội Dần).

- Mở Đạo cho nhơn sanh nên Đức Thượng Đế khai Đạo vào năm Bính Dần, vì “Nhơn sanh ư Dần”.

- Đức Chí Tôn cho làm Lễ Khai Đạo vào ngày Rằm tháng Mười, tức Rằm Hạ Ngươn, để chỉ đây là thời kỳ Hạ Ngươn. Theo giáo lý Cao Đài thì nhơn loại hiện đang ở vào cuối thời Hạ Ngươn Tam Chuyển, sắp bước vào thời Thượng Ngươn Tứ Chuyển.

Một điều kỳ diệu lý thú là Ba Vị Tướng Soái của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, lãnh lệnh Ngọc Hư Cung để khai mở Đạo Cao Đài là: Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang, có

tuổi lần lượt là Tý, Sửu và Dần.

Đức Cao Thượng Phẩm tuổi Tý (Mậu Tý).

Đức Cao Thượng Sanh tuổi Sửu (Tân Sửu).

Đức Phạm Hộ Pháp tuổi Dần (Canh Dần).

Như vậy, Khai Đạo Kỳ Ba, Đức CHÍ TÔN đã giao cho Ba Vị Tướng Soái của Hiệp Thiên Đài nắm giữ Tam Tài: Thiên, Địa, Nhơn. Một điều kỳ diệu lý thú nữa là: Mặc dầu Thập Nhị Thời Quân, Mười Hai Tướng Soái khác của Đức Chí Tôn, có nhiệm vụ giúp đỡ Ba Vị Tướng Soái trên trong việc Khai Đạo, được Đức CHÍ TÔN chọn từ các địa phương khác nhau, trong những thời điểm khác nhau, nhưng khi họp lại thì mới biết quý vị có tuổi thuộc 12 con giáp khác nhau :

Tý: Khai Pháp  
Sửu: Khai Đạo  
Dần: Hiến Pháp  
Mẹo: Tiếp Thế  
Thìn: Bảo Pháp  
Tỵ: Tiếp Pháp  
Ngọ: Hiến Thế  
Mùi: Bảo Thế  
Thân: Hiến Đạo  
Dậu: Tiếp Đạo  
Tuất: Bảo Đạo  
Hợi: Khai Thế

### **3.- LUẬT PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI**

Sau ngày Khai Đạo, Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ giáng cơ ban cho Pháp Chánh Truyền, là Hiến Pháp của Đạo Cao Đài.

Trong buổi đầu Khai Đạo, vâng lệnh Đức CHÍ TÔN, Quý vị Tiền Khai dựa theo Pháp Chánh Truyền để soạn thảo Luật Tu cho Đạo Cao Đài, gọi là Tân Luật, rồi dâng lên cho Thiêng Liêng duyệt.

Như vậy Luật Pháp Đạo Cao Đài có hai văn kiện quan trọng

nhất là: Pháp Chánh Truyền và Tân Luật.

#### **4.- TỔ CHỨC TRONG ĐẠO CAO ĐÀI**

Theo Pháp Chánh Truyền, Đức CHÍ TÔN lập Đạo Cao Đài với hình thể gồm có ba đài : Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài.

1.- **Cửu Trùng Đài** , phần Hữu hình của Đạo, là Cơ Quan Hành Pháp, gồm có Chức Sắc Thiên Phong, Chức Việc và Tín đồ. Cửu Trùng Đài có nhiệm vụ phổ độ nhơn sanh đem vào cửa Đạo để giáo hóa cho trở nên lành, và dạy cho tu hành lập công bồi đức.

Chưởng quản Cửu Trùng Đài là Đức Giáo Tông, Anh Cả trong Đạo.

2.- **Bát Quái Đài** , phần Vô hình của Đạo, được đặt dưới quyền chưởng quản của Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ với sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Tại Đền Thánh, ngôi thờ Đức CHÍ TÔN và các Đấng tượng trưng cho Bát Quái Đài. Các Đấng Thiêng Liêng thờ nơi Bát Quái Đài vốn là các vị Giáo Chủ của Tam Giáo, Ngũ Chi cùng các vị Tam Trấn, và các Đấng Thiêng Liêng khác.

3.- **Hiệp Thiên Đài** , phần Bán Hữu hình của Đạo, là Cơ Quan lo về Luật Pháp, gồm có những vị Chức Sắc cao cấp với hai nhiệm vụ chánh :

- Nhiệm vụ phàm trần là quản lý và bảo vệ luật pháp chơn truyền của Đạo,

- Nhiệm vụ thiêng liêng là cơ quan phò cơ bút để làm trung gian giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài.

Chưởng quản Hiệp Thiên Đài là Đức Hộ Pháp, đồng phẩm với Đức Giáo Tông về mặt vô vi.

#### **5.- THÁNH ĐỊA TÂY NINH**

Vào tháng 3 năm 1927, Hội Thánh trả chùa Gò Kén lại cho Hoà Thượng Như Nhãn để dọn về làng Long Thành nơi Thánh Thất Tạm mới xây dựng. Số tín đồ tiếp tục tăng lên đáng kể. Những

cuộc hành hương đến Thánh Thất mới đáng được ghi nhận: mỗi ngày tiếp đón cả ngàn người.

Đức Lý Giáo Tông có cho biết cuộc đất mới để xây dựng Tòa Thánh là Thánh Địa :

“ Hỷ chư Đạo Hữu, chư Đạo Muội ...

Lão cất nghĩa tại sao cuộc đất ấy là Thánh Địa ?

Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là LỤC LONG PHỒ ẤN. Ngay miếng đất dạng 3 đầu : Một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cạnh rừng bên kia... ”.

## **6.- TÔN CHỈ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI**

Tôn chỉ của Đạo Cao Đài được ghi rõ ở phần đầu của bài Sơ Văn Thượng Tấu, nội dung như sau :

“Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt ”.

Tam Giáo gồm : Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo.

Ngũ Chi gồm : Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.

Tôn chỉ này cũng đã được Quý vị Tiên Khai nói lên trong Tờ Khai Đạo gởi cho Nhà Cầm Quyền Pháp trước ngày làm Lễ Khai Đạo.

Câu Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt có nghĩa là 3 nền Tôn Giáo (Nho, Thích, Lão) ở vùng Á Đông và 5 nhánh Đạo (Phật, Tiên, Thánh, Thần, Nhơn) ở toàn thế giới đều qui về một Gốc là Đức Thượng Đế.

## **7.- CÁCH THỜ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI**

Do theo Tôn Chỉ đã đặt ra, trên Thiên Bàn hoặc Bửu Điện thờ trong Đạo Cao Đài, có hình vẽ hoặc Long Vị tượng trưng cho các Đấng Thiêng Liêng như sau :

- Trên hết là THIÊN NHÃN tượng trưng cho Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.

Kế đến là:

- Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử, là Ba Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

- Đức Phật Bà Quan Âm, Đức Lý Đại Tiên Trưởng và Đức Quan Thánh Đế Quân, là Ba Đấng Tam Trấn Oai Nghiêm thay mặt Ba Đấng Giáo Chủ cầm quyền Tam Giáo trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

- Các Đấng đại diện Ngũ Chi Đại Đạo là :

Đức Phật Thích Ca đại diện Phật Đạo,

Đức Lý Thái Bạch đại diện Tiên Đạo,

Đức Chúa Jêsus Christ đại diện Thánh Đạo,

Đức Khương Thượng đại diện Thần Đạo,

Ngôi Giáo Tông Đại Đạo đại diện Nhơn Đạo.

## **8.- MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI**

Đạo Cao Đài được lập ra cốt yếu là để “độ phần hồn của nhơn loại cho thoát khỏi chốn mê đồ, vòng tân khổ, nên mới gieo truyền khắp chốn, cốt tỉnh ngộ nhơn sanh”.

Nhiệm vụ quan trọng của Đạo Cao Đài là :

- Cứu Độ 92 ức Nguyên Nhân còn đang trầm luân nơi cõi trần trở về cựu vị.

- Tận Độ Nhơn Sanh trong thời Hạ Ngươn Mạt Kiếp của Đệ Tam Chuyển, để lập đời Thượng Ngươn Thánh Đức của Đệ Tứ Chuyển.

## **9.- GIÁO LÝ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI**

Giáo Lý của Đạo Cao Đài là sự tổng hợp có sáng tạo của tinh hoa giáo lý Tam Giáo và Ngũ Chi đã có từ xưa, hiệp với Thánh Giáo ngày nay của Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ lập thành một nền Tân Giáo Lý, dung hợp tất cả Giáo Lý, tạo thành một nền Tôn Giáo Đại Đồng, gồm đủ các phương diện của một nền Đại Đạo chơn chánh.

Giáo Lý Cao Đài dạy :

- Tôn Thờ Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng,

- Kính trọng các Đấng Giáo Chủ của các tôn giáo khác,



- Khuyên bảo thờ cúng Tổ Tiên theo truyền thống dân tộc,
- Giữ Ngũ Giới Cấm, đặc biệt là Cấm Sát Sanh, do đó người Tín Đồ Cao Đài được khuyên ăn chay ít nhất 10 ngày mỗi tháng.
- Bài trừ việc cúng bằng thịt thú vật, cũng như việc sử dụng giấy tiền vàng mã,
- Xác nhận sự hiện hữu của linh hồn nơi thể xác, và sự tiến hóa của linh hồn thông qua đầu thai chuyển kiếp,
- Dạy người tín đồ phương pháp tu hành để thoát khỏi vòng luân hồi và hưởng sự hằng sống nơi cõi thiêng liêng ...

## **10.- PHƯƠNG CHÂM CỦA ĐẠO CAO ĐÀI**

Đức THƯỢNG ĐẾ sáng lập Đạo Cao Đài với phương châm “Bác Ái và Công Bình” để tạo lại đời Thượng Nguơn Thánh Đức, mở một con đường giải thoát linh hồn cho khỏi đọa trong trong cảnh luân hồi, hầu tận độ toàn cả chúng sanh trở về nơi cõi thiêng hằng sống.

Trước Tòa Thánh Tây Ninh và trước mỗi Thánh Thất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đều có bức tượng Tam Thánh Bạch Vân Động, với:

- Đức Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, người Việt Nam, đứng đầu Bạch Vân Động,
- Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức văn hào Victor Hugo, người Pháp, làm Chủởng Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo,
- Đức Tôn Dật Tiên, một nhà đại Cách mạng của nước Trung Hoa.

Ba vị Tam Thánh ghi chép bản “Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước” tức là bản Hòa Ước Thứ Ba giữa Trời và Người. Nội dung bản hòa ước tóm gọn trong các chữ:

- Tiếng Pháp : “Dieu et Humanité, Amour et Justice”
- Hán Nôm : “Thiên Thượng Thiên Hạ - Bác Ái Công Bình”.

**(Còn tiếp)**

**HT Nguyễn Trung Đạo**

## **ĐỨC PHẬT DI LẶC VÀ ĐỨC CHÚA TÁI LÂM TRONG ĐẠO CAO ĐÀI**

**1. Những tiên tri về ngày Đức Chúa sẽ tái lâm trong Thánh Kinh.**

**Những dấu hiệu về sự tái lâm của Chúa.**

Trong Kinh Thánh, Cựu Ước và Tân Ước có rất nhiều lời tiên tri về dấu hiệu báo trước Chúa tái lâm, sau đây là một số đoạn căn bản:

Dấu hiệu rõ ràng nhất về Ngày Chúa tái lâm là sự việc trở về quê hương tái lập quốc của dân Do Thái:

- “Trong ngày đó, Chúa còn đặt tay một lần nữa đặng chuộc dân sót của Ngài, tức là kẻ sót lại bởi A-sy-ri, Ê-díp-tô, Ha-mát cùng các cù lao biển. Chúa sẽ dựng một cây cờ cho các nước, nhóm những người Y-sơ-ra-ên bị đuổi, thâu những người Du-đa lưu lạc từ bốn góc đất.” (Ê-sai 11: 11,12)

Đức Chúa Giê-su phán trong Lu-ca 21:11&25 “Sẽ có động đất lớn, có đói kém và dịch lệ”; “Sẽ có các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao; còn dưới đất, dân các nước sầu não rối loạn vì biển nổi tiếng om sòm và sóng dào.”

“Hỡi anh em, về thời và kỳ thì không cần viết cho anh em; vì chính anh em biết rõ lắm rằng ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm vậy. (ITê 5:1-3)

**Về ngày tận thế và ngày Chúa tái lâm.**

“... Nói xong những dấu hiệu thành Jérusalem và Thánh đường sẽ bị phá, Chúa cũng đáp câu hỏi về ngày tận thế và ngày Con Người sẽ đến. Ngài phán tiếp theo:

Trước ngày đó sẽ có đại họa, một đại họa từ tạo thiên lập địa cho đến bây giờ chưa từng có và sau này cũng không hề có nữa. Lúc đó nếu Chúa không rút ngắn lại những ngày khủng khiếp ấy, sẽ không một ai được cứu thoát; nhưng vì những người được

tuyển lựa Chúa sẽ rút ngắn những ngày đáng sợ ấy đi. . .

Sau những ngày đại họa ấy, tiếp đến những đêm lạ trong mặt trời mặt trăng và tinh tú: mặt trời sẽ tối tăm, mặt trăng sẽ mất sáng, tinh tú sẽ tự trời rơi xuống, và sức mạnh của các tầng trời sẽ chuyển động. Đồng thời trên mặt đất, muôn dân tộc sẽ xôn xao khóc lóc, cảm thấy như bị đè bẹp dưới áp lực lo âu trước tiếng biển động sóng gầm, và gần như chết đi vì sợ hãi. Chính lúc đó, người ta thấy Con Người ngự đến với uy quyền và vinh hiển trong đám mây. Ngài sẽ sai sứ thần của Ngài dịch loa lớn tiếng khắp bốn phương trời, để tập hợp những người được tuyển lựa lại. Rồi Ngài sẽ ngự tòa uy nghi sau khi muôn dân đã được triệu đến trước tôn nhan Ngài. Bấy giờ Ngài sẽ tách biệt người ta ra hai loại giống như người mục đồng tách biệt chiên với dê và Ngài sẽ đặt chiên bên phải, dê bên trái.

Công việc đó xong, Ngài phán với những kẻ ở bên phải rằng: “Hỡi những người được Cha Ta chúc phúc, hãy đến lĩnh nhận Nước đã sắm cho các con từ ngày khai thiên lập địa. Vì xưa kia Ta đói, các con đã cho Ta ăn. Ta khát, các con đã cho ta uống; Ta là khách trọ, các con đã đón nhận; Ta ở trần truồng, các con đã cho ta mặc; Ta ốm, các con đã thăm Ta và Ta bị ngồi tù, các con đã đến với Ta”.

Bờ ngõ, những người được tuyển lựa thưa Ngài rằng: “Lạy Chúa, có bao giờ chúng tôi thấy Chúa đói mà cho Chúa ăn, đã thấy Chúa khát mà cho Chúa uống. . .”

Nhưng Ngài sẽ phán với họ: **“Ta nói thực với các con, bao nhiêu ơn các con đã làm cho một người hèn mọn nhất trong loài người là anh em của Ta, ấy là các con đã làm cho Ta đây”**.

Sau đó, Ngài quay về phía bên trái và phán với những người ở bên này rằng: “Hỡi những người thất phúc kia, chúng bây hãy ra khỏi nơi đây và hãy vào lửa đời đời đã sắm sẵn cho ma quỷ và các sứ thần của nó. Vì xưa kia Ta đói mà chúng bây chẳng cho ăn; Ta khát mà chúng bây chẳng cho uống; Ta là khách lạ mà chúng bây không thêm cho trọ. . .”

Sau lời tuyên án của Ngài, những người thất phúc kia sẽ đi vào nơi khổ cực muôn đời, và những người có ơn tuyển lựa sẽ được lên nơi trường sinh bất tử. . .”

(trích từ sách Cuộc Đời Chúa Cứu Thế, phần III, chương 5, J. Lâm Quang Trọng)

## 2. Những Tiên Tri về Đức Phật Di Lặc ra đời qua kinh sách Phật.

“Đức Di Lặc, người Tàu cũng gọi tên Ngài là Từ Thị. Ngài cũng có tên A Dật Đa (dịch nghĩa: Vô Năng Thắng). Ngài là Bồ Tát Ma Ha Tát sẽ thành Phật kế Đức Thích Ca Mâu Ni. Trong lúc Đức Thích Ca thành Đạo và thuyết pháp, Đức Di Lặc có dự thính theo hàng đệ tử. Ngài có nghe Phật thuyết bộ Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Đức Thích Tôn có giảng về công đức và các hạnh từ những đời trước của Đức Di Lặc, và cho hay rằng về sau Đức Di Lặc sẽ thành Phật hiệu là Maitreya (Di Lặc, Từ tôn).

Tuy Đức Di Lặc còn là Bồ Tát, chớ người tu Phật đã gọi Ngài là Di Lặc Phật hay Từ Tôn rồi. . . .

Kinh Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật: Kinh này do ông Xá Ly Phất khởi thỉnh Phật Thích Ca thuyết diễn. Đức Phật giảng rằng về sau Bồ Tát Di Lặc sẽ rời cung Đâu Suất, giáng sanh nơi cõi nhơn gian, ngồi nơi cội cây Bồ đề tên là Long Hoa mà thành Phật. . .

Ngài có mở ra ba kỳ thuyết pháp: kỳ đầu độ được chín mươi sáu ức người, kỳ nhì độ được chín mươi bốn ức người, kỳ ba độ được chín mươi ba ức người.

Đức Phật Thích Ca có giảng rằng: ai muốn sanh về cõi của Đức Phật vị lai là Di Lặc thì từ nay khá tu hành Ngũ giới, Bát giới, Thập thiện, Cụ Túc giới và làm hạnh Bồ Tát”. . .

**Long Hoa Hội:** Theo kinh ông Cư-ma-la-thập dịch, pháp hội của Phật Di Lặc sẽ nhóm dưới cây hình con Rồng trở hoa vàng nên kêu là Long Hoa Hội.

Tại Long Hoa Hội Đức Phật Di Lặc sẽ thuyết pháp ba kỳ độ

chúng sanh. Kỳ Hội đầu thuyết pháp có 96 ức người đặng quả A La Hán. Kỳ Hội thứ nhì có 94 ức người đặng quả A la Hán. Kỳ Hội thứ ba thuyết pháp có 92 ức người đặng quả A La Hán. . . Đó kêu là Long Hoa Tam Hội”. ( trích Phật Học Từ Điển, Đoàn Trung Còn).

### **3. Đức Phật Di Lạc và Chúa Tái Lâm trong đạo Cao Đài**

Trong Đạo Cao Đài có những biểu tượng và kinh kệ chứng tỏ rằng Đức Phật Di Lạc cũng là đức Chúa Tái Lâm đã và sẽ xuất hiện trong cửa Đạo Cao Đài.

Thứ nhất là về hình ảnh : tượng Phật Di Lạc cỡi cọp trên nóc HTĐ Tòa Thánh, đặc biệt Đức Di Lạc trong Đạo Cao Đài mặc phẩm phục nửa bên vai trái là áo Cà sa, còn vai mặt khoác măng bào. Phải chăng sứ mạng của Ngài về cả phần đạo lẫn phần đời ?

Trước cửa Đền Thánh có 4 cột, trong đó có 2 cột chạm hình rồng đỏ và 2 cột chạm hình hoa sen tức là tượng trưng cho Long Hoa hội .

Thứ hai là: về kinh tận độ trong Đạo Cao Đài có 2 bài nói về sứ mạng của Đức Di Lạc đó là Di Lạc Chơn Kinh và kinh Đại Tường mà ý nghĩa vô cùng thâm sâu. Ngoài ra còn có một bài thi do Đức Lý Giáo Tông giảng cơ ban cho Đức Hộ Pháp, bài này nói lên nguyên căn của Đức Hộ Pháp và có liên quan đến Đức Chúa Jêsus và Đức Phật Di Lạc. Sau đây chúng ta lần lượt tìm hiểu ý nghĩa bài kinh và bài thi này. Trước nhất là bài Kinh Đại Tường:

Hỗn Nguơn Thiên dưới quyền Giáo chủ  
Di Lạc đương thâu thủ phổ duyên.  
Tái sanh sửa đổi chơn truyền,  
Khai cơ tận độ cứu tuyến diệt vong.  
Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị,  
Cỡi Tây phang đuổi quỷ trừ ma.  
Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,  
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.

Thâu các Đạo hữu hình làm một,  
Trường thi Tiên, Phật dượt kiếp khiên.  
Tạo Đời cải dữ ra hiền,  
Bảo sanh nắm giữ diệu huyền CHÍ TÔN.

Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng giảng nghĩa bài Kinh trên như sau:

C.1-2: Đức Di Lạc Vương Phật làm Giáo chủ từng Trời Hồn Ngươn Thiên. Ngài đảm đương việc thâu nhận và gìn giữ những người có duyên tu hành ở khắp nơi.

C.3: Đức Di Lạc Vương Phật sẽ giáng sanh xuống cõi trần này một lần nữa để sửa đổi tất cả giáo lý của các tôn giáo xưa, cho đúng chơn truyền, bởi vì giáo lý của các tôn giáo này, qua hơn 2000 năm truyền bá đã bị người đời canh cải làm sai lạc rất nhiều.

C.4: Đức Di Lạc Vương Phật mở ra cơ quan tận độ nhưn sanh và tiêu diệt cõi Địa ngục.

C.5: Đức Di Lạc Vương Phật mở Đại Hội Long Hoa tuyển lựa người đầy đủ công đức phong thưởng vào ngôi vị Phật.

C.6: Nơi cõi Tây phương Cực Lạc, Đức Phật Di Lạc xua đuổi và trừ khử ma quỷ không cho lộng hành.

C.7-8: Đức Phật Di Lạc chiết chơn linh giáng trần làm một vị Phật Hộ Pháp, dùng bửu pháp Giáng Ma Xử chuyển động để xua đuổi các loài tà ma yêu quái.

C.9-10: Đức Di Lạc Vương Phật thâu gom các nền tôn giáo lớn hiện nay vào một mối duy nhất, lập thành một nền Đại Đạo. Đức Chí Tôn lập ra một Trường thi Công quả tuyển phong Tiên vị và Phật vị, giao cho Đức Di Lạc làm Chánh chủ khảo, duyệt xét tội tình của nhưn sanh để chấm thi đậu rớt.

C.11-12: Tạo lập đời Thượng ngươn Thánh đức bằng cách giáo hóa người dữ thành người hiền, gìn giữ sự sống cho chúng sanh, nắm giữ quyền pháp huyền diệu của Đức Chí Tôn”

Theo hai câu 7 và 8, thì ngươn linh của Đức Hộ Pháp chính là Đức Di Lạc giáng linh.

Chúng ta nhớ lại khi mới mở Đạo, trong một đàn lễ chính Đức Chí Tôn làm phép trục xuất chơn linh ông Phạm Công Tắc và cho chơn linh Hộ Pháp nhập vào, cho nên trong các bài thuyết đạo Đức Ngài có nói rằng Phạm Công Tắc đã chết từ năm 35 tuổi. . .nghĩa là kể từ ngày Đức Chí Tôn hành pháp thì chơn linh Phật Hộ Pháp hay là Phật Di Lặc đã đến để thi hành sứ mạng.

Chúng ta cần phân biệt hai từ : giáng linh và tái sanh. Giáng linh là một chơn linh cao trọng mượn một xác thân nào nhập vào; còn tái sanh là chơn linh nhập vào thân xác khi vừa mới lọt lòng mẹ.

Tiếp đến là bài thi khoán thủ do Đức Lý giáng cơ ban cho Đức Hộ Pháp khi nhận nhiệm vụ Chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài. Cũng chính Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng giải nghĩa bài thi này như sau:

“ . . Đức Lý Giáo Tông thố lộ về nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp và quyền năng của Ngài trong bài thi khoán thủ dưới đây;

1. Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ,
2. Pháp luân thường chuyển máy Thiên thơ.
3. Chưởng quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
4. Quản suất Càn khôn định cõi bờ.
5. Nhị kiếp Tây Âu cầm máy Tạo,
6. Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
7. Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng,
8. Đài trọng hồng ân gắng cậy nhờ.

Câu 1 : cho biết Đức Ngài là Ngự Mã Thiên Quân hộ giá Đức Chí Tôn từ trước đến nay.

Câu 2 : cho biết Đức Ngài nắm về Pháp, xoay chuyển cơ Trời theo Thiên thơ đã định.

Câu 3 : Đức Ngài nắm quyền phân định ngôi vị nơi cõi Cực Lạc Thế Giới (CLTG). (Chính Đức Ngài được Đức Chí Tôn sai đi mở cửa CLTG bằng bửu pháp Giáng Ma Xử cho các chơn linh đạo đức nhập vào CLTG).

Câu 4 : Đức Ngài sẽ thay mặt Đức Chí Tôn cầm quyền cai trị

CKTG. Câu này kết hợp với bài Kinh Đại Tường cho chúng ta biết rằng, Đức Hộ Pháp sẽ giáng trần là Đức Di-Lạc Vương Phật, thay mặt Đức Chí Tôn cai trị CKTG.

Câu 5 : cho biết kiếp giáng sanh xuống trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jêsus, mở Đạo Thiên Chúa ở Do Thái rồi truyền qua Âu Châu, cứu độ các sắc dân Âu Châu.

Câu 6 : Kiếp này Ngài giáng sanh xuống nước VN làm Hộ Pháp Chưởng quản HTĐ, nắm giữ Thiên điều.

Câu 7 : Nhờ Ngài mà hình thể của Đức Chí Tôn tại thế (tức là Hội Thánh CTĐ) được nên hình tượng.

Câu 8 : Phẩm vị của Ngài rất cao trọng, hơn sanh gắng cật nhờ hồng ân của Ngài.

Chúng ta với trí não phàm phu thô thiển, không thể hiểu rõ huyền diệu của Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, nhưng qua các tài liệu vừa nêu trên, chúng ta có thể nêu lên một thuyết về Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp :

Nguyên căn của Đức Phạm Hộ Pháp là : Ngự Mã Thiên Quân, Hộ Giá Đức Chí Tôn.

- Kiếp giáng trần thứ nhất là Vi Hộ, với bửu pháp là Giáng Ma Xử, một trong Thất Thánh vào thời Phong Thần. (Thời Phong Thần, cuối Nhà Thương, khởi đầu Nhà Châu, trước kỷ nguyên Tây lịch chừng 1100 năm). Vi Hộ sau khi giúp mở ra nhà Châu xong thì trở về núi tu luyện, đắc quả Phật Hộ Pháp, gọi là Phật Vi Hộ Pháp.

- Kiếp giáng trần lần thứ nhì là Đức Chúa Jêsus mở Đạo Thánh Thiên Chúa giáo bên Âu Châu.

- Kiếp giáng trần thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc.

- Đức Ngài sẽ giáng sanh xuống trần lần nữa là Đức Di-Lạc Vương Phật, làm Giáo Chủ Hội Long Hoa, mở ra đời Thượng Ngươn Thánh đức”.

Như vậy, chính Đức Hộ Pháp là Chơn linh Chúa Jêsus Tái Lâm



và cũng là Đức Di Lạc đã đến thay thế Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Đức Ngài còn tái sinh để chủ trì Hội Long Hoa trong tương lai nơi cửa đạo Cao Đài. . .

Đoạn trên là những suy luận từ Kinh kệ và Thánh giáo các Đấng giảng cho, ngoài ra còn các chuyện kể của những người từng thân cận đức Ngài kể lại :

“ . . . Về Tòa Thánh, một hôm nọ Đức Hộ Pháp nhân dịp cúng Tiểu Đàn, có Chức Sắc Thiên Phong dự chứng, Đức Hộ Pháp cầm cây Giáng Ma Xử đưa ra bên trên trước mặt Ngài Khai Pháp đang quỳ đối mặt với Ngài, Đức Ngài nói:

Này Pierre, ngày trước ngươi đã chối Ta ba lần, lần này Ta tha cho đó. . . ”

. . . Lúc Ngài qui vị, Đức Hộ Pháp đã biết, nên ngay đêm đó, Đức Hộ Pháp sai mấy vị Bảo Thể gác, nhớ coi chừng Đức Ngài. Nhưng mấy vị Bảo Thể không để tâm. Đêm đó Ngài Khai Pháp té và chết đầu ngược xuống đất, chân ở trên bực thềm của văn phòng Hiệp Thiên Đài, kiểu té chúi nhủi. Mấy vị Bảo Thể báo cáo với Đức Hộ Pháp. Ngài rầy Bảo Thể. Đức Hộ Pháp nói:

- Pierre tới ngày liễu Đạo cũng như tiền kiếp vậy”<sup>1</sup>

Như vậy, chúng ta còn biết thêm Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa chính là ngươn linh của ông Thánh Pierre (Phê Rô), là vị đệ nhất Tông đồ của Chúa Jêsus tái kiếp.

Một bằng chứng nữa do Ngài Thừa Sứ Lê Quang Tấn kể lại trong quyển “Đức Phạm Hộ Pháp, Phật Sống của Đạo Cao Đài” như sau:

“ . . . Chẳng những người Tín Đồ mà cả 3 Ngài Chánh Phối Sư Thái Phấn Thanh, Thượng Chử Thanh, Ngọc Trang Thanh đã chứng kiến thấy rõ trong lòng bàn tay và bàn chân của Đức Phạm Hộ Pháp có dấu vết hình hoa Sen đỏ hồng bằng ngón tay. . .

. . . Thêm một nhân chứng sống động nữa là Hiền Huynh Giáo sư Thượng Tuy Thanh thuật lại cho Chức Sắc bốn đạo biết ra

---

1- Trích từ *Những Câu Chuyện Trong Đạo, Tủ Sách Đại Đạo*

là vào năm 1958 Hiền Huynh Giáo sư lên Trấn Đạo Tần Quốc (Pnom Penh) kiến diện Đức Hộ Pháp để trình bày mọi sự biến chuyển của Hội Thánh Tây Ninh vừa qua Đức Hộ Pháp đang nằm trên võng ở Báo Ân Đường tiếp Hiền Huynh Giáo sư Thượng Tuy Thanh..

Bái lễ Đức Ngài xong, Giáo sư Thượng Tuy Thanh đứng dưới chân võng trình bày mọi sự chuyển biến ở Tòa Thánh Tây Ninh – Hiền Huynh Giáo sư nhìn thấy rõ ràng trong lòng bàn chân của Đức Ngài có dấu vết hình Hoa Sen đỏ hồng chứng tỏ những vết thương mà Chúa Jesus Christ bị đóng đinh trước kia hiện ra cho Hiền Huynh Giáo sư chiêm ngưỡng để chứng minh lời phổ biến của Bốn Đạo là lòng bàn tay và lòng bàn chân của Đức Ngài ứng hiện bông Hoa Sen đỏ hồng là đúng sự thật. . .”

Còn về bằng chứng Đức Hộ Pháp là hiện thân của Phật Di Lặc cũng có câu chuyện tương truyền rằng khi đắp tượng Đức Phật Di Lặc trên nóc Hiệp Thiên Đài , các vị Tá Lý thỉnh ý đức Ngài về cái mào của Phật Di Lặc như thế nào thì đức Ngài dạy cứ đắp giống y như cái mào của Qua đây. . . Theo Pháp Chánh Truyền : “. . .Bộ Đại Phục, người phải mặc giáp, đầu đội Kim Khôi toàn bằng Vàng, trên Kim Khôi có thể Tam Sơn, giống như cái chĩa ba ngành, chủ nghĩa là Chưởng Quản Tam Thiên bên Tây Phương Cực Lạc. . .” . Do vậy ngày nay chúng ta thấy mào của tượng Phật Di Lặc cũng có thể Tam Sơn, giống như chĩa ba ngành trên chót.

Như thế hai vị là một, tuy nhiên đức Ngài không nói trắng ra một là vì đức khiêm cung, hai nữa là Ngài muốn mai danh trong màn bí mật như đoạn văn trích trong bài thuyết đạo về “Cơ Cứu Khổ Của Đạo” như sau:

“... Mặc dù Ta không dám bì với các nhà Tiên Tri buổi trước chớ Ta cũng nhận định được ngày tận thế hầu gần, giữa lúc thanh trược bất phân dầu cho có Chúa Cứu Thế ra đời mà Ngài không ẩn danh cũng bị quân nghịch bắt đóng đinh trên cây Thánh giá.

Nên Đức Di Lặc Ngài phải mai danh trong vòng bí mật, xét thời

kỳ nào cũng thế chứ không có chi lạ.

Vậy các bậc đạo đức chân tu, ai là người có đủ đức tin sửa mình cho nên chí Thánh để đợi đón rước Ngài đặng kết thúc Long Hoa Đại Hội”.

Trong bài thuyết đạo vào đêm 30 tháng 2 Âm Mùì (1955), đức Ngài cũng có giảng về Hội Long Hoa như sau:

“ . . .Tối năm Tý sẽ mở Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị tại Tòa Thánh này. Mấy em làm cho kịp, Qua nói quả quyết mấy em làm không kịp, mà Qua có qui liệu trước đi nữa thì cái tội ấy về mấy em chứ không phải về Qua, nhớ điều đó, Qua cố gắng, Qua tận trung cùng Đạo, tận hiếu cùng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, Qua chỉ ước cho giòng máu Thiêng Liêng của mấy em đây nó hưởng một điều trọng yếu không biết bao giờ, ngày giờ Qua không có thể định trước. . . . .

Mấy em cố gắng đi, từ đây tới sau cho tới ngày Long Hoa Đại hội nên hư, đặng thất, điều gì Qua lập Đại hội Long Hoa được hay chẳng Qua phú thác nơi tay mấy em đó vậy”.

Đức Hộ Pháp tự nhận sẽ lập Hội Long Hoa, mà chúng ta biết Hội Long Hoa do Đức Phật Di Lặc lập nên để phong thưởng những người đầy đủ công đức, vậy Đức Ngài chính là Đức Di Lặc Vương chứ còn ai nữa. . .

Giờ chúng ta thử điểm qua Thông Thiên Học , giáo lý Hội này cũng có nói nhiều về Đức Di Lặc sau đây là một đoạn tiêu biểu:

“ Đức Bồ Tát hiện kim là Đức Di Lặc (Seigneur Maïtreya); Ngài đã giảng phạm hai lần:

Lần thứ nhứt tại Ấn Độ 2.400 năm trước đây lấy tên là Chúa Hải đồng Christna, múa hát với các nữ mục đồng Gori.

Lần thứ nhì, tại Palestine, Ngài mượn xác Đức Jésus, nên người ta gọi Ngài là Jésus Christ. Luôn luôn Ngài nhấn mạnh về giá trị của cá nhân và sự hy sinh Bản ngã. . .”<sup>2</sup>

---

2- Trích từ sách *Quần Tiên Hội Và Sự Cai Trị Thế Gian -Bạch Liên*).

Như vậy Thông Thiên Học đã làm sáng tỏ hơn qua sự kiện Đức Chúa Jêsus Christ cũng là một hóa thân của Đức Di Lạc Bồ Tát. Và trong Tam Kỳ Phổ Độ này Ngài đến thế vừa là hiện thân của Chúa Jêsus Christ vừa là Phật Di Lạc cũng không có chi lạ.

Tóm lại, Đức Phạm Hộ Pháp chính là Đức Chúa Jêsus Christ tái lâm mà cũng là Đức Di Lạc Vương Bồ Tát thay Đức Chí Tôn đã đến mở đạo độ đời và Ngài cũng hứa hẹn sẽ đến nữa để kết thúc Long Hoa Đại Hội hay làm cuộc phán xét cuối cùng cho nhân loại như lời tiên tri trong Thánh Kinh Tân Ước. Đây là một vinh hạnh lớn lao cho người môn đệ Cao Đài. Vì chúng ta đã được học đúng trường, đúng chương trình để đi thi. Chỉ cần gắng sức chúng ta sẽ dễ dàng đậu hơn người học ở trường khác.

Cầu mong cho tất cả chúng ta được về dự hội Long Hoa mà hình ảnh đã được Đức Hộ Pháp diễn tả trong quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

**\* Quang Thông**  
(01-2013)

### **Các Link đã dẫn:**

1-<http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/books/pdf/pdf2/Nhung-Cau-Chuyen-Trong-Dao.pdf>

2-<http://tusachcaodai.files.wordpress.com/2012/10/dhp-phatsongcuadaocao-dai.pdf>

# Tất Đạt Đa Cô Đàm

Nguồn Wikipedia

Sinh năm 563 hay năm 623 trước Công Nguyên.  
Đản sinh tại Lumbini, hiện nay thuộc Nepal.  
Mất năm 483 hay năm 543 trước Công nguyên (80 tuổi)  
nhập Niết Bàn tại Kushinagar, hiện nay thuộc Ấn Độ.  
Dân tộc Shakya.  
Nổi tiếng vì Người sáng lập ra Phật giáo.  
Tiền nhiệm Phật Ca Diếp.  
Kế nhiệm Phật Di Lặc.

Tất Đạt Đa Cô Đàm là tên phiên âm từ tiếng Phạn Siddhārtha Gautama của vị Phật lịch sử Thích ca Mâu ni.



Tất Đạt Đa (sa. siddhārtha) có nghĩa là “người đã hoàn tất (siddha) ý nghĩa [cuộc sống] (artha)”.Đôi lúc ta cũng tìm thấy cách dịch ý Nhất thiết nghĩa thành, Thành tựu chúng sinh dịch từ dạng dài của tên Phạn ngữ là sarvāthasiddha. Như vậy Tất Đạt Đa Cô Đàm là tên của vị Phật lịch sử, từng sống trên trái đất, người sáng lập Phật giáo. Ngài cũng còn được gọi là Phật Tổ Như Lai.



Một bức tượng của Đức Phật từ Sarnath, thế kỷ thứ 4 Công Nguyên

# I- Cuộc Đời

## 1- Bối cảnh và gia thế

Tất Đạt Đa sinh khoảng năm 566 (hay 563) trước Công nguyên trong một gia đình hoàng tộc thuộc dòng Thíchca (sa. śākya) tại Ca-tì-la-vệ (zh. 迦毘羅衛, sa. Kapilavastu) thuộc Nepal ngày nay. Cha của Tất Đạt Đa là vua Tịnh Phạn (zh. 淨飯, sa. śuddhodana), mẹ là hoàng hậu Ma da (sa., pi. māyādevī), dẫn sinh Tất Đạt Đa trong khu vực vườn Lâm Tỳ Ni (zh. 嵐毘尼, sa. lumbinī), một thị trấn thuộc Ấn Độ. Đây là khu vực nằm giữa dãy Hi mã Lạp sơn (sa. himālaya) và sông Hằng (sa. gagā), chịu ảnh hưởng khí hậu mùa: tháng 5 có thể nóng tới 40 độ C, trong mùa đông nhiệt độ xuống tới 3 độ C.



**Nhà tiên tri Asita, tiên đoán vận mệnh thái tử.**

Về mặt chính trị vùng đồng bằng sông Hằng thời đó có 4 vương quốc chính là:

1. Kiêu-tát-la (zh. 憍薩羅, sa. kośala, pi. kosala), thủ đô là Xá-vệ (舍衛, sa. śrāvastī, pi. sāvattihī) nằm về phía bắc sông Hằng.
2. Tiểu quốc Vasā nằm phía Tây nam Kiêu-tát-la.
3. Tiểu quốc Avanti ở miền nam của Vasā và Kiêu-tát-la, trải dài tới phía nam sông Hằng. Sau này, có Ma-ha-ca-chiên-diên là một người dân nước này là đại đệ tử của đức Phật (sa. mahākātyāyana, pi. mahākaccāna).
4. Vương quốc Ma-kiệt-đà (sa., pi. magadha) nằm về phía tây của Avanti và nam của sông Hằng.

Ngoài ra còn rất nhiều các bộ tộc nhỏ ở phía đông của Kiêu-tát-la và phía bắc của Ma-kiệt-đà. Xã hội trong thời kỳ này phân hóa về tư tưởng rất phức tạp và bao gồm nhiều đẳng cấp xã hội, đạo Bà-la-môn đang hưng thịnh, những giai cấp thấp bị khinh rẻ và không được luật pháp bảo vệ.

Có nhiều truyền thuyết về thái tử Tất-đạt-đa. Có thuyết cho rằng một đêm bà mẹ nằm mơ thấy một vị Bồ Tát với dạng con voi trắng nhập vào người mình. Thái tử sinh ra từ hông bên mặt của mẹ, sau đó đi bảy bước, một tay chỉ lên trời, tay kia chỉ xuống đất, nói:

Aggo `ham asmi lokassa,  
Jeho `ham asmi lokassa,  
Seho `ham asmi lokassa,  
Ayam antimā jāti,  
Natthi dāni punabbhavo.

Ta là người cao quý nhất thế gian  
Ta là người giỏi nhất thế gian  
Ta là người kiệt xuất nhất thế gian  
Nầy là lần tái sinh cuối cùng  
Bây giờ không còn tái sinh!

Theo Trường bộ kinh (pi. pīghanikāya), Đại phẩm (pi. mahāvagga), kinh Đại thành tựu, (mahāpadānasutta), kinh văn



Hán tạng dịch đoạn văn trên là “Thiên thượng địa hạ duy ngã độc tôn”, nghĩa là “Trên trời dưới đất chỉ có ta là người đáng tôn kính”) và dưới mỗi bước chân của thái tử phát sinh một đoá sen. Ngày nay, trong tranh tượng còn thấy tích này.



### Đền thờ công chúa Da-du-dà-la

Ngay lúc sinh ra, Tất-Đạt-Đa đã có đầy đủ hảo tướng (Tam thập nhị hảo tướng). Các nhà tiên tri cho rằng Tất-Đạt-Đa sẽ trở thành hoặc một đại đế hay một bậc giác ngộ. Bảy (7) ngày sau khi sinh thì mẹ mất, Tất-Đạt-Đa được người dì là Ma-ha-ba-xà-ba-đề (zh. 摩呵波闍波提, sa. mahāprajāpatī) chăm sóc. Năm lên 16 tuổi, Tất-đạt-đa kết hôn với công chúa Da-du-dà-la (zh. 耶輸陀羅, sa. yasodharā).

Vua cha Tịnh Phạn dĩ nhiên không muốn thái tử đi tu nên dạy dỗ cho con rất kỹ lưỡng, nhất là không để Tất-Đạt-Đa tiếp xúc với cảnh khổ. Tuy thế, sau bốn lần ra bốn cửa thành và thấy cảnh người già, người bệnh, người chết và một vị tu sĩ, thái tử phát tâm rời từ biệt hoàng cung, sống cảnh không nhà. Tương truyền rằng, bốn cảnh ngộ vừa kể là những cảnh tượng do các vị thiên nhân tạo ra nhằm nhắc nhở Tất-Đạt-Đa lên đường tu học Phật quả. Thái tử thấy rằng ba cảnh đầu tượng trưng cho cái **Khổ** trong thế



gian và hình ảnh tu sĩ chính là cuộc đời của Tất-Đạt-Đa.



**Giấc mơ thấy voi trắng nhập vào mình của Maya**



**Hoàng hậu Maya  
trên xe ngựa ghé  
qua Lumbini.**



**Thái tử ra đời từ hông bên phải, gần Lumbini**



**Phạn Vương và đoàn tùy tùng**

## **2- Xuất gia và thành đạo**



Năm 29 tuổi, sau khi công chúa Da-du-đà-la hạ sinh một bé trai - được đặt tên là La-hầu-la (zh. 羅睺羅, sa. rāhula), thái tử Tất-Đạt-Đa quyết định lìa cung điện, cùng tu khổ hạnh với nhiều nhóm tăng sĩ khác nhau. Tất-Đạt-Đa quyết tâm tìm cách diệt khổ và tìm mọi đạo sư với các giáo pháp khác nhau.

Theo truyền thống Ấn Độ bấy giờ chỉ có con đường khổ hạnh mới đưa đến đạt đạo. Các vị đạo sư khổ hạnh danh tiếng thời đó là A-la-la Ca-lam (阿羅邏迦藍, sa. ārāḍa kālāma, pi. āāra kālāma) và Ưu-đà-la La-ma tử (優陀羅羅摩子, sa. rudraka rāmaputra, pi. uddaka rāmaputta). Nơi A-la-la Ca-lam, Tất-đạt-đa học đạt đến cấp Thiên Vô sở hữu xứ (sa. ākicanyāyatana, pi.

ākīrcavṛāyatana), nơi Ưu-đà-la La-ma tuờ thì học đạt đến cấp Phi tướng phi tướng xứ (sa. naivasajṛā-nāsaṛāyatana, pi. nevasaṛā-nāsaṛāyatana).



**Gốc Bồ Đề tại Bodhgaya,  
nơi Đức Phật đã ngồi Thiền thành Đạo**

Nhưng Tất-Đạt-Đa cũng không tìm thấy nơi các vị đó lời giải cho thắc mắc của mình, nên quyết tâm tự mình tìm đường giải

thoát và có năm Tỳ-kheo (năm anh em Kiều Trần Như, sa. Koṣṭha) đồng hành. Sau nhiều năm tu khổ hạnh gần kề cái chết, Tất-Đạt-Đa nhận ra đó không phải là phép tu dẫn đến giác ngộ, bắt đầu ăn uống bình thường, năm tỉ-khâu kia thất vọng bỏ đi. Cách tu cực khổ được Phật nhắc lại sau khi thành đạo như sau[1]:

*Này Aggivessana, rồi Ta tự suy nghĩ như sau: “Ta hãy giảm thiểu tối đa ăn uống, ăn ít từng giọt một, như súp đậu xanh, súp đậu đen hay súp đậu hạt hay súp đậu nhỏ.”*

*Và này Aggivessana, trong khi Ta giảm thiểu tối đa sự ăn uống, ăn từng giọt một, như súp đậu xanh, súp đậu đen hay súp đậu hạt hay súp đậu nhỏ, thân của Ta trở thành hết sức gầy yếu.*

*Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo; vì Ta ăn quá ít, bàn chân của Ta trở thành như móng chân con lạc đà; vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh; vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột một nhà sàn hư nát; vì Ta ăn quá ít, nên con người long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu; vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nhu khô cằn như trái bí trắng và đắng bở cất trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nhu khô cằn.*

*Này Aggivessana, nếu Ta nghĩ: “Ta hãy rờ da bụng”, thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: “Ta hãy rờ xương sống”, thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên này Aggivessana, da bụng của Ta đến bám chặt xương sống. Này Aggivessana, nếu Ta nghĩ: “Ta đi đại tiện, hay đi tiểu tiện” thì Ta ngã quy, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Này Aggivessana, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thì này Aggivessana, trong khi Ta xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.*

*Lại nữa, này Aggivessana, có người thấy vậy nói như sau: “Sa-môn Gotama có da đen.” Một số người nói như sau: “Sa-môn Gotama, da không đen, Sa-môn Gotama có da màu xám.”*

*Một số người nói như sau: “Sa-môn Gotama da không đen, da không xám.” Một số người nói như sau: “Sa-môn Gotama da không đen, da không xám, Sa-môn Gotama có da màu vàng sẫm.” Cho đến mức độ như vậy, này Aggivessana, da của Ta vốn thanh tịnh, trong sáng bị hư hoại vì Ta ăn quá ít.”*

Không đạt giải thoát với cách tu khổ hạnh, Tất-Đạt-Đa từ bỏ phép tu này. Quả quyết rằng mình đã đi đến chỗ cùng cực của công phu tu khổ hạnh và khổ hạnh không dẫn đến giác ngộ, Tất-đạt-đa tìm phương pháp khác, và nhớ lại một kinh nghiệm thời thơ ấu, lúc đang ngồi dưới gốc cây mận[1]:

*Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta biết, trong khi phụ thân Ta, thuộc giòng Sakka (Thích-ca) đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây diêm-phù-đề (pi. jambu), Ta li dục, li pháp bất thiện chúng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỉ lạc do li dục sinh, có tâm, có tứ.” Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: “Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?” Và này Aggivessana, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: “Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ.” Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: “Ta có sợ chẳng lạc thụ này, một lạc thọ li dục, li pháp bất thiện?” Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: “Ta không sợ lạc thụ này, một lạc thọ ly dục, ly pháp bất thiện.”*

Sau đó Tất-Đạt-Đa ăn uống bình thường trở lại, đến Giác Thành, ngồi dưới gốc một cây Bồ-đề ở Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya) và nguyện sẽ nhập định không rời chỗ ngồi cho đến lúc tìm ra nguyên nhân và cơ chế của Khổ. Sau 49 ngày thiền định - mặc dù bị Ma vương quấy nhiễu - Tất-Đạt-Đa đạt giác ngộ hoàn toàn ở tuổi 35. Từ thời điểm đó, Tất-Đạt-Đa biết mình là Phật, là một bậc Giác ngộ, và biết rằng mình sẽ không còn tái sinh. Kinh nghiệm giác ngộ của Phật được ghi lại như sau trong kinh sách theo chính lời của ngài như sau[2]:

*“... Sau khi hoàn lại sinh lực (sau khi tu khổ hạnh vô ích), ta chú tâm giải thoát khỏi những tư tưởng tham ái, bất thiện và đạt được sơ thiền, sau đó nhị thiền, tam thiền và tứ thiền (Tứ thiền), nhưng những cảm giác hỉ lạc này không để lại dấu vết gì trong tâm ta.*



*Khi tâm ta được an tịnh, thanh lọc, không bị dục vọng cấu uế, nhay bén, chắc chắn, bất động, ta hướng nó về những kí ức và nhận thức về các kiếp trước. Ta nhớ lại nhiều tiền kiếp, một, hai, ba, bốn, năm, ..., trăm ngàn kiếp trước, nhớ những chu kỳ của thế giới. ‘Nơi đó ta đã sống, tên của ta đã như thế, gia đình của ta là như thế, nghề nghiệp của ta, giai cấp xã hội của ta... Ta đã chết như vậy...’. Sự hiểu biết (sa. vidyā, pi. vijjā) đầu tiên này ta đã đạt được trong canh đầu [3]...*

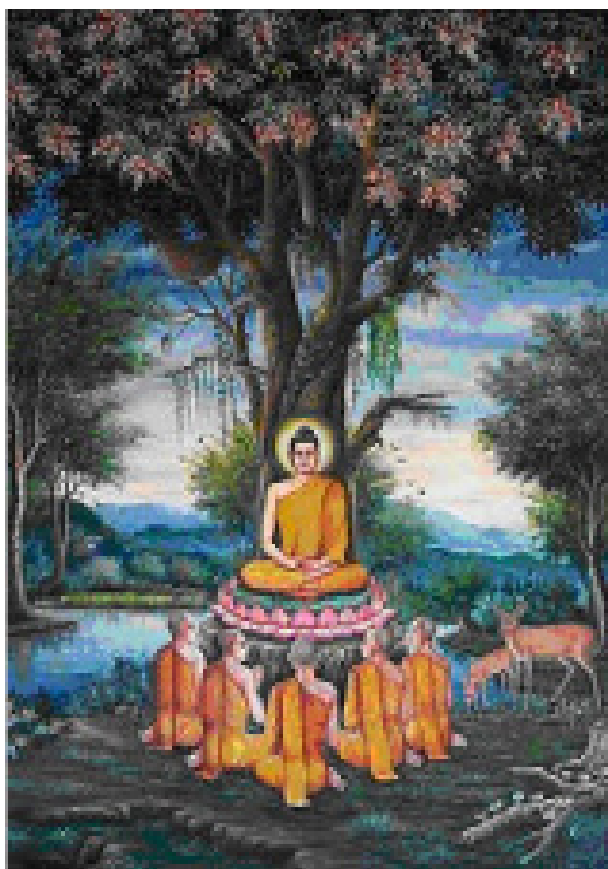
*Sau đó ta chú tâm đến sự sinh thành và hoại diệt của chúng sinh. Với con mắt của chư thiên, trong sáng, siêu việt mọi giới hạn nhân thế, ta thấy chúng sinh hình thành và tiêu hoại, ...chúng sinh tái sinh theo nghiệp lực. Ta nhận ra rằng ‘Chúng sinh tạo nghiệp bất thiện qua ba ãi thân khẩu ý đều chìm đắm sau khi chết, tái sinh trong đoạ xứ, địa ngục. Các chúng sinh nào tạo thiện nghiệp bằng thân khẩu ý được tái sinh trong thiện đạo, sau khi chết được lên cõi thiên’... Sự hiểu biết thứ hai này ta đã đạt được trong canh hai [4].*

*Sau đó ta chú tâm nhận thức về sự tiêu diệt các lậu hoặc (漏, sa. āsrava, pi. āsava) và nhìn nhận như thật: ‘Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là phương pháp tiêu diệt khổ, đây là con đường tiêu diệt khổ’, và khi ta nhận thức được điều này, tâm ta thoát khỏi dục vọng, ham muốn tồn tại, vô minh. Ta tự hiểu chân lý ‘Tái sinh ta đã đoạn, cuộc sống tu tập của ta đã hoàn tất, ta đã hoàn thành những gì phải làm. Cuộc sống (khổ đau) này ta đã vượt qua’... Sự hiểu biết thứ ba này ta đã đạt được trong canh ba [5]...’.*

Bậc giác ngộ lúc đó biết rằng kinh nghiệm giác ngộ của mình không thể dùng ngôn từ hay bất cứ một cách nào khác để truyền đạt nên Phật tiếp tục yên lặng ngồi thiền định dưới gốc cây Bồ-đề. Cuối cùng, được sự thỉnh cầu nhiều nơi, Phật mới quyết định chuyển Pháp luân. Phật giờ đây mang danh hiệu Thích-ca Mâu-ni—”Trí giả của dòng dõi Thích-ca”. Sau đó Phật gặp lại năm vị tử-khâu, các vị đó nhận ra rằng Phật đã hoàn toàn thay đổi. Qua hào quang tỏa ra từ thân Phật, các vị đó biết rằng người này đã đạt đạo, đã tìm ra con đường thoát khổ, con đường

mà các vị đó không thể tìm ra bằng phép tu khổ hạnh. Các vị đó xin được giảng pháp và vì lòng thương chúng sinh, Phật chấm dứt sự im lặng.

### 3- Hóa độ và tịch diệt



**Phật thuyết pháp cho 5 vị Tỳ kheo đầu tiên.**

Đức Phật bắt đầu giảng pháp bằng cách trình bày con đường dẫn đến kinh nghiệm giác ngộ và giải thoát trên cơ sở kinh nghiệm giác ngộ của mình, Đức Phật giảng Tứ diệu đế, Duyên khởi và quy luật Nhân quả (Nghiệp). Tại vườn Lộc uyển ở Sarnath gần

Ba-la-nại (Benares hay Varanasi), Đức Phật bắt đầu những bài giảng đầu tiên, gọi là “Chuyển Pháp luân”. Năm vị Tỳ-kheo đó trở thành năm đệ tử đầu tiên của Đức Phật và là hạt nhân đầu tiên của Tăng già.

Sau đó Phật thuyết pháp từ năm này qua năm khác. Đức Phật hay lưu trú tại Vương-xá (zh. 王舍城, sa. rājagha) và Phệ-xá-li (zh. 吠舍釐, sa. vaiśālī), sống bằng khất thực, đi từ nơi này qua nơi khác. Đệ tử của Phật càng lúc càng đông, trong đó có vua Tần-bà-sa-la (zh. 頻婆娑羅, sa. bimbiśāra) của xứ Ma-kiệt-đà. Vị vua này đã tặng cho Tăng đoàn một tu viện gần kinh đô Vương-xá. Các đệ tử quan trọng của Phật là A-nan-đà, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Cũng trong thời gian này, đoàn Tỳ-khâu-ni (sa. bhikū) được thành lập.

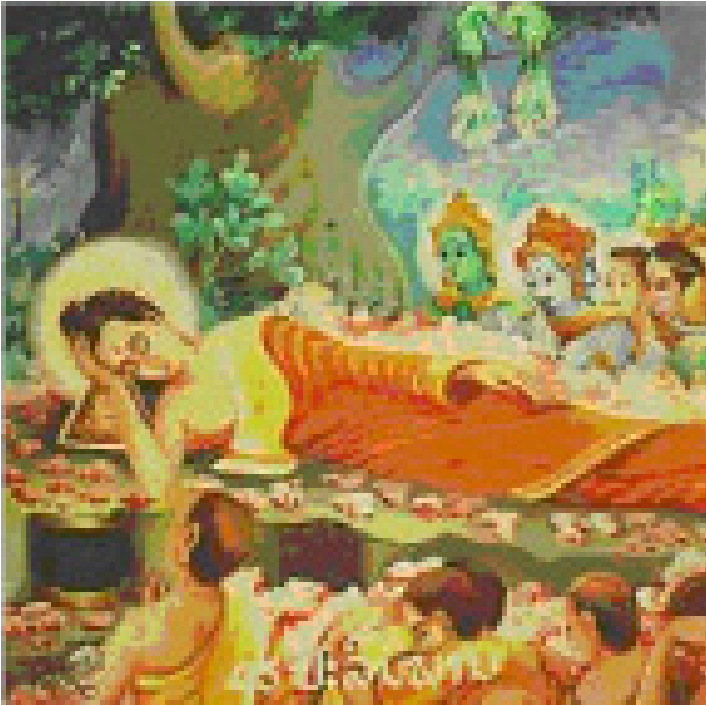
Cuộc đời Đức Phật cũng gặp nhiều người xấu muốn ám hại. Trong số đó, có Đề-bà-đạt-đa là người em họ, muốn giành quyền thống lĩnh Tăng già, nên rắp tâm tìm cách giết hại Đức Phật nhiều lần nhưng không thành. Tuy thế Đề-bà-đạt-đa thành công trong việc chia rẽ Tăng già ở Phệ-xá-li.

Đức Phật đi con đường trung đạo và tùy thuận chúng sanh, ngược lại Đề-bà-đạt-đa chủ trương một cuộc sống khổ hạnh cực đoan.

Sống đến năm 80 tuổi, Đức Phật Thích ca tịch diệt. Qua 45 năm giảng dạy, nghĩ rằng các đệ tử có thể chấp lời mình nói là chân lý, chứ không phải chỉ là phương tiện giác ngộ, Đức Phật tuyên bố chưa từng nói lời nào. Lời dạy cuối cùng của Đức Phật là: “Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, chịu biến hoại, hãy tinh tiến tu học (để đạt giải thoát)!”.

Theo kinh Đại bát-niết-bàn (pi. mahāparinibbāna-sutta), Đức Phật nhập diệt tại Câu-thi-na (zh. 拘尸那, sa. kuśinagara) vào năm 486 (hay 483 trước Công nguyên). Trước đó sức khỏe của Ngài đã trở nên rất yếu sau khi dùng bữa cúng dường tại nhà thí chủ Thuần-đà (zh. 純陀, pi. cunda), tuy nhiên sau đó Ngài có nhấn mạnh cho tôn giả A-nan-đà hiểu là Tăng chúng không nên khiển trách người thợ rèn đó đã có thiện ý tối thượng.





### **Đức Phật nhập Niết bàn trong rừng Sàla tại Câu Thi Na**

Đức Phật tạo điều kiện cho các chư Tỳ kheo cơ hội cuối cùng để chất vấn hay hỏi đáp Ngài nếu như có những vấn đề hay những điểm nào còn chưa sáng tỏ có thể đưa đến các kiến giải khác nhau về sau, tuy nhiên các vị đã im lặng, không có những câu hỏi hay thắc mắc nào.

Trong cánh rừng Sàla ven phía nam thành phố, đêm rất tối và tĩnh mịch, Đức Phật nằm nghiêng bên phía hữu, đầu hướng về phía Bắc, mặt hướng về phía Tây và dần nhập Niết bàn thông qua các mức thiền định, một trạng thái giải thoát hoàn toàn khổ đau của cuộc sống. Theo truyền thuyết Pali thì Đức Phật diệt độ ngày rằm tháng tư, văn bản Phạn ngữ cho rằng ngày rằm tháng 11. Trong buổi hoả thiêu thân xác của Đức Phật có nhiều hiện tượng lạ xảy ra. Xá lợi của Phật được chia làm 8 phần và được thờ trong các tháp khác nhau.

Mặc dù cuộc đời Đức Phật có nhiều huyền thoại bao phủ nhưng các nhà khảo cổ học và nhân chủng học - vốn hay có nhiều hoài nghi và thành kiến - cũng đều nhất trí công nhận Đức Phật là một nhân vật lịch sử và người đã khai sáng Phật giáo.

## **Chú thích**

- 1- MN 36, Thích Minh Châu dịch Pali-Việt.
- 2- MN 36, theo bản dịch Đức của H.W. Schumann, Chân Nguyên dịch Đức-Việt.
- 3- Từ 21 đến 24 giờ đêm.
- 4- Từ 24 giờ đêm đến 3 giờ sáng.
- 5- Từ 3 đến 6 giờ sáng.

## **Tham khảo**

\*- Fo Guang Ta-tz'u-tien 佛光大辭典. Fo Guang Ta-tz'u-tien pien-hsiu wei-yuan-hui 佛光大辭典編修委員會. Taipei: Fo-kuang ch'u-pan-she, 1988. (Phật Quang Đại Từ Điển. Phật Quang Đại Từ Điển biên tu uỷ viên hội. Đài Bắc: Phật Quang xuất bản xã, 1988.)

\*-Das Lexikon der ȳstlichen Weisheitslehren, Bern 1986.

\*-Schumann, H.W.:

Buddhismus: Stifter, Schulen und Systeme, Olten 1976.

Der historische Buddha: Leben und Lehren des Gotama, Kōln, 1982.

\*-Hirakawa, Akira: A History of Indian Buddhism. From Śākyamuni to Early Mahāyāna. Translated and Edited by Paul Groner. University of Hawaii Press, 1990.

\*-Thích Minh Châu (dịch): Trung bộ kinh 36 (MN 36)

## ƠN ĐỜI CHÚA CHAN

### Tràm Cà Mau

Tuổi già, buổi sáng thức dậy, nghe gân cốt đau rêm mà mừng, vì biết mình còn sống.

Đại ý viết như vậy, trong một cuốn sách Mỹ mà ông Tư đọc được, làm ông thấm thía cái hạnh phúc lâng lâng của từng sớm mai khi vừa tỉnh giấc. Bạn bè cùng trang lứa với ông, nhiều người đã về với Diêm Vương khi còn trẻ măng, vì cuộc tương tàn khốc liệt dài ngày trên quê hương. Nhiều người khác gục ngã trong trại tù vì đói khát, bệnh tật, mồ hoang vùi cạn. Một số khác nữa, vì khao khát tự do mà chôn thân dưới đáy biển, hoặc chết khô giữa rừng sâu. Không ít người còn lại, tử thần cũng đã đón mời vì bạo bệnh, khi tuổi năm sáu mươi. Phần ông vẫn còn dai dẳng sống sót cũng là ân huệ trời ban, không vui hưởng tháng ngày, cũng uổng lắm sao!

Ý nghĩ đó làm ông mỉm cười sung sướng. Ông vẫn trùm thân trong chăn ấm. Tội chi mà dậy sớm cho mệt. Mỗi khi nghe tiếng khởi động máy xe từ hàng xóm vọng qua trong buổi tinh sương, ông càng vui sướng hơn, vì không còn phải vùng dậy giữa đêm đen, lặn lội đi kiếm cơm hàng ngày như mấy gã trẻ tuổi ở cạnh nhà. Về hưu rồi, mỗi tuần hưởng bảy ngày chủ nhật, bảy ngày thanh thoi. Hết áp lực của công việc hàng ngày, không phải lo lắng bị thất nghiệp khi kinh tế khủng hoảng xuống dốc. Khỏe re.

Cứ nằm trùm chăn ấm nghe nhạc mềm văng vẳng ru đưa, phát ra từ cái radio nhỏ, có khi ông chợp thêm được một giấc ngủ ngắn ngon lành. Ngủ chán thì dậy. Bước xuống giường, dù khớp xương sưng đau, đi khập khễnh ông cũng thăm cảm ơn cái chân chưa liệt, còn lê lét được, chưa phải nằm dán lưng vào giường như một số người bất hạnh khác. Những kẻ này mà nhích được vài bước cà thọt như ông, thì chắc họ cũng sướng rân người. Ông thầm bảo, có thêm được một ngày để sống, để vui, để yêu

đời. Bệnh hoạn chút chút, thì phải mừng, chứ đừng có nhăn nhó than vãn ỉ ôi.

Mỗi khi đánh răng rửa mặt, ông lầm thầm: “Mình sướng như vua rồi, có nước máy tinh khiết để dùng. Giờ này, cả thế giới, có hơn một tỉ người thiếu nước để nấu ăn, để tắm giặt và nhiều tỉ người khác không có nước sạch, phải uống nước dơ bẩn.” Dù cái bàn chải đánh răng đang ngo ngoạy trong hàm, ông cũng ư ử hát ca. Khi áp cái khăn tắm đầy nước lên mặt, ông cảm được cái mát lạnh và niềm sung sướng chứa chan đang lan tỏa chạy khắp người. Ông biết đang được ân sủng của trời đất ban cho trong tuổi già. Ông cứ nhớ mãi thời đi tù Cộng Sản, mỗi ngày chỉ có được một lon nước chừng một lít, để rửa ráy tắm giặt. Chừng đó thôi, mà cũng xong việc. Khi ấy, thấm cái khăn ướt lau khắp người, nghe mát rượi, đã đời, và khi còn lại một phần nước cặn đen ngòm dưới đáy lon, cầm đở lên đỉnh đầu, sướng đến rên lên được.

Ngồi lên cái bồn cầu êm ái, nhà cầu sạch sẽ, trắng toát, thơm tho, không vương một chút mùi vị hôi hám, đèn đóm lại sáng trưng, có nhạc văng vẳng từ radio, ông cầm cuốn sách thưởng thức chữ nghĩa của “thánh hiền”, tư tưởng của Đông Tây. Không bao giờ ông quên cùng giờ phút này, có hơn ba tỉ nhân loại không có cầu tiêu để làm cái chuyện khoái lạc thứ tư. Có người phải ra đồng lồng lộng gió, mà làm chuyện “nhất quận công, nhì ị đồng”. Phải gấp gấp cho xong chuyện, không nhẩn nha được, vì hai tay phải múa lia lịa hất ra đằng sau, để xua đuổi lũ ruồi đồng đang vo ve “oanh tạc”. Xong việc, may mắn lắm thì có lá chuối khô mà lau chùi, còn không thì dùng đất cày, đá cục, nắm cỏ, que nhánh cây tươi, khô. Ông cứ nhớ thời làm việc ở quận lỵ, chỉ có nhà tiêu lộ thiên, hai tấm ván bắt ngang qua một hầm cầu lộ thiên, nắng xông hơi phân người lên nóng hừng hực rát cả mặt, bên dưới giòi bọ lúc nhúc lổm nhổm làm thành một tấm màn trắng ngà chuyển động. Có con gà ở đáy hầm, nó đang thưởng thức ngon lành món giòi bọ, thấy ông xuất hiện bất thần, sợ hãi hoảng hốt đập cánh bay lên kêu quang quác và vung vãi ‘ám khí’ khắp trong không gian, làm ông cũng khiếp

viá, ôm đầu phóng chạy dài. Nghĩ đến chừng đó thôi là ông đủ cảm được cái sung sướng đang có ngay bây giờ. Ngồi thật lâu, đọc cho xong mấy trang sách, mới nhón nhờ rời phòng.

Ông Tư tự đãi một bình trà nóng, một ly cà phê thơm, rồi nấu nồi cháo gạo tẻ đặc rền ăn với cá kho mặn. Dọn ra bàn, đèn vàng soi một khoảng ấm cúng. Ông thong thả vừa hợp nhâm nhi, vừa ăn từng muỗng cháo, chất gạo béo tạo vị giác đi qua trong cổ họng. Ông lầm thầm: “Ngon, cao lương mỹ vị cũng không bằng”. Ông thường ngâm nga hai câu thơ :

“Vợ cũ, chó già, tô cháo nóng.

Ba nguồn thân thiết dạt dào thương”.

Mắt ông dán vào trang thơ đang cầm trên tay, gật gù thưởng thức ý lời hoa gấm. Ông trầm mình vào những giòng thơ, tìm xao xuyên xúc động mênh mang. Thỉnh thoảng ông dừng lại, và nói nhỏ cho chính ông nghe: “Tiên trên trời cũng chỉ sướng và thong dong như thế này là cùng”. Ông nhớ đến cái thời “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa”, buổi sáng bụng đói meo, vác cuốc đi làm lao động tay chân nặng nhọc, ráng uống một bát nước lã để cầm hơi và đánh lừa cái bụng đang sôi sột sột. Bây giờ được như thế này, phải biết cảm ơn ân sủng của trời ban cho. Biết bao nhiêu tử người trên thế giới này mơ ước được có một buổi sáng thanh thoi và no ấm như ông mà không được nhỉ?

Nhìn xuyên qua cửa phòng ngủ, ông thấy bà vợ nằm ngủ giấc yên bình, lòng ông dạt dào niềm thương. Bà đã cùng ông mấy mươi năm dặt dìu nhau trong phong ba bão táp của giòng đời nghiệt ngã. Đã chia sẻ ngọt ngào cũng như đắng cay của một thời khói lửa điên đảo. Giờ này, may mắn vẫn còn có nhau trong cuộc đời, thương yêu thấm thiết, nhường nhịn nâng đỡ chăm sóc ngày đêm. Không như những cặp vợ chồng già khác, cứ lục đục gây gổ nhau, tranh thắng thua từng li từng tí, làm mất hạnh phúc gia đình. Ông thương bà biết an phận thủ thường, không đứng núi ấy trông qua núi nọ. Ông thấy bà hiền lành và có trái tim đẹp như thánh nữ. Ông muốn vào phòng, hôn bà lên

trán, nhưng ngại làm vợ mất giấc ngủ ngon buổi sáng. Ông lại cảm ơn trời đã đem bà buộc vào đời ông. Ông cười và nhớ câu nói của một nhà văn nào đó: “Đời sống không thể thiếu đàn bà, nhưng sống được với một người đàn bà không phải dễ.”

Ông Tư ra vườn. một mảnh đất nhỏ trồng vài cây hoa, hương thơm thoang thoảng, có tiếng chim kêu đầu đó lú lo vọng lại. Mấy đoá hoa sặc sỡ còn đọng sương đêm lóng lánh. Nắng mai ấm áp phủ lên da thịt ông, tạo thành một cảm giác dịu dàng, êm ái. Ông vươn vai, xoay người trong thế thể dục chậm, xương sống được thư giãn kêu răng rắc, đã đời. Hít thở và phát tay chừng mười lăm phút cho máu huyết lưu thông. Loại thể dục này đã giúp ông bớt được những cảm mạo thông thường, ông tin vậy.

Ông Tư thay áo quần để đi ra đường. Cầm cái áo lạnh lặn bằng vải tốt trên tay, ông thường nhớ đến thời đi tù, khâu bao cát làm áo, rách tả tơi, không đủ che gió lạnh thấu xương của núi rừng. Thế mà cũng có nhiều tù nhân khéo tay và nghịch ngợm, khâu bao cát thành bộ đồ lớn, đủ ba mảnh, và làm luôn cả cái “cà vạt”, mang vào trông cũng sang trọng như đi ăn đám cưới. Nhớ lại thời đó mà rùng mình. Còn sống sót, và đến được đất nước tự do này, cũng là một điều mâu nhiệm lạ lùng. Ông Tư đi ra đường, xe cộ vùn vụt qua lại liên miên. Lề đường rộng, phẳng phiu, sạch sẽ. Bên kia là giao điểm của hai xa lộ, các nhánh cầu cao đan uốn éo chồng chất lên nhau, vòng vèo trên không, như những núi rổi. Ông Tư thầm cảm ơn tiền nhân đã đổ sức lực, mồ hôi, tài nguyên khai phá và xây dựng nên những tiện nghi này cho ông nhảy xổm vào hưởng dụng, mà không ai có một lời ganh ghét, tị hiềm.

Ông, từ một trong những nước lạc hậu nhất của hành tinh này, bị chính quyền của xứ ông bạc đãi, kỳ thị, kềm cặp và lấy hết các tự do cơ bản. Đến đất nước này, ông được bình đẳng, có công ăn việc làm hợp với khả năng, con cái ông được đến trường, học hành thành tài, có nghề nghiệp vững chắc và sống với mức trung lưu. Ông cảm thấy còn nợ quê hương mới này quá nhiều thứ, từ tinh thần đến vật chất, mà biết không bao giờ

trả lại được một phần nhỏ nào. Ông Tư vừa đi bộ vừa ca hát nho nhỏ.

Một người cảnh sát cao lớn dềnh dàng đi ngược đường chào ông, ông chào lại bằng lời cảm ơn đã giữ gìn an ninh cho dân chúng sinh sống. Người cảnh sát cười và nói đó là bổn phận, vì lương bổng của ông ấy được trả bằng thuế của dân chúng, trong đó có ông. Ông Tư thấy trong lòng bình an, ông không làm điều gì phạm pháp, thì không sợ ai cả. Ông đọc trong báo, thấy có những xứ, dù không làm gì sai quấy cả, cũng bị cảnh sát giao thông chặn lại đòi tiền, nếu không cho tiền, thì bị quy kết đủ thứ tội mà mình không có.

Nắng chiếu hoe vàng cả dãy phố của một ngày thu, ông Tư bước đi mà lòng rộn rã. Gặp ai cũng chào, cười vui vẻ. Nghe ông chào hỏi nồng nhiệt, mọi người đều vui theo. Thấy một ông cụ mặt mày đăm đăm râu rí đi ngược đường, ông Tư lớn tiếng:

“Chào cụ? Có mạnh khỏe không? Hôm nay trời nắng đẹp quá!” Ông cụ trả lời qua loa: “Tạm tạm, chưa chết! Chán cái mở đời.” Ông Tư nói to: “Việc chi mà chán đời cho một cụ ời. Chưa chết là vui lắm rồi. Cụ có biết là chúng ta đang sung sướng phước hạnh, tội chi phí phạm thời gian để buồn nản?” Ông cụ thở dài: “Ai cũng có nhiều việc âu lo! Đời đâu có giản dị! À, nầy, mà hình như ông đau chân, bước đi không được bình thường? Thế thì vui nỗi gì?” Ông Tư cười lớn: “Vâng, tôi đau chân, nhờ đau chân mà tôi thấy được niềm vui hôm nay lớn hơn, vì còn đi được, bước được, chứ chưa phải nằm nhà. Cụ ời, nếu lo âu mà giải quyết được những khó khăn, thì nên lo. Nhưng nếu lo âu, mà không giải quyết chi được, thì hãy vui lên, cho đỡ phí phạm ngày tháng trời cho” Ông cụ già lắc đầu bỏ đi.

Ông Tư xà vào ngồi trên ghế đá mát lạnh của công viên dưới tàng cây có bóng nắng lung linh. Nhìn bọn trẻ con chơi đùa la hét lăn lộn trên bãi cát, ông vui lây với cái hồn nhiên của chúng. Bên kia đồi cỏ, có đôi nam nữ nằm dưới gốc cây, kê đầu lên tay nhau, tóc đổ dài óng ánh, thỉnh thoảng vang tiếng cười rúc rích. Đất nước nầy ấm no và thanh bình quá, sao có nhiều

người còn kêu ca đời sống khó khăn? Phải chăng những kẻ này chưa biết an phận, muốn được nhiều hơn điều đang có, đang đủ. Không thấy được phước hạnh là lỗi tại họ. Ông dong tay bắt vài tấm lá rơi đang quay cuồng trong gió và lấy bút ghi lên mặt lá mấy giòng thơ vừa thoáng qua trong trí để ca ngợi cuộc đời. Thấy bãi cỏ êm mát, ông nằm dài, những vòng tròn sáng màu vàng rải rắc trên người ông. Gió hiu hiu mát từ hồ nước vờn qua làm mơn trớn thịt da. Ông Tư rút từ túi quần một cuốn sách nhỏ có nhan đề “14 ngàn điều làm nên hạnh phúc”. Tác giả tập sách nhỏ này, thấy đâu đâu cũng là hạnh phúc tràn đầy. Vấn đề là cảm nhận được cái sung sướng, cái hạnh phúc đang có. Từ việc đặt chân lên một tấm thảm mềm êm ái, đến việc cắn một trái ngọt chín mọng trong miệng, đến mơ mộng được hát trên bục một hộp đêm, nghe một lời nói dịu dàng yêu thương...

Hạnh phúc và sung sướng cảm nhận được từ những điều rất nhỏ nhặt, đơn sơ, tầm thường nhất trong sinh hoạt hàng ngày. Không cần phải là ôm chặt người yêu trong vòng tay, cũng chẳng phải vật nhau lăn lộn trên giường, cũng không cần đến việc cầm trong tay cái vé số trúng độc đắc, hoặc làm chủ được một tòa lâu đài sang trọng... Ông nghĩ, chắc sẽ có người cho tác giả tập sách này là kẻ “lạc quan tếu”. Nhưng thà lạc quan tếu hơn là bi quan.

Đời này, có nhiều người đắm mình trong hạnh phúc, mà cứ tưởng đang ngập lặn trong bể khổ. Hoặc đang được phước hạnh mà không biết và xem thường, chỉ khi mất đi, hay đã trôi qua, mới biết, thì đã quá muộn màng.

Nắng đã xông hơi nồng nóng, ông Tư đón chuyển xe buýt ra về. Cái vé xe cho người già rẻ rề, chỉ bằng một phần ba vé bình thường. Ông nói lời cảm ơn tài xế, và thấy mang ơn những người cùng đi xe công cộng này, vì xem như họ đã gián tiếp gánh một phần tiền vé cho ông.

Về nhà, bà Tư đã dọn sẵn cơm trưa, mời ông rửa ráy cho sạch sẽ mà ra ăn. Thấy ly nước chanh muối, ông cầm uống, chất nước ngọt ngào mằn mặn chua chua, ngon lành đi qua cổ họng.



Ông nhìn vợ với ánh mắt thương yêu và nói lời cảm ơn cho bà vui. Chưa ăn, mà thấy bát canh bông bí nấu tôm đã biết ngon. Những món ăn thanh đạm này, với ông, còn ngon hơn sơn hào hải vị.

Ăn xong, còn chút cơm thừa, bà Tư bỏ vào chén, cất vô tủ lạnh, không dám đổ đi, vì sợ phí phạm của trời. Bà nhắc câu nói của ông: “Ngay giờ khắc này, trên thế giới có hơn năm trăm triệu người đang đói rã, không có một miếng gì để ăn, và có hơn vài tỉ người ăn chưa no bụng, và nhiều tỉ người khác quần quật ngày đêm, cũng chỉ mong có đủ no mà thôi.” Đã từng đói, nên ông bà không dám phí phạm thức ăn.

Ông Tư mừng vì ăn còn thấy ngon miệng, không như một số người khác, ăn gì cũng như nhai đất sét, không muốn nuốt, vì nhạt miệng, mất vị giác. Một số người khác còn tệ hại hơn nữa, họ không còn ăn bằng miệng được, mà ăn bằng bụng, nhờ ống dẫn thức ăn nối với dạ dày, như đồ xăng cho xe hơi.

Ông Tư ngồi vào bàn mở máy vi tính lướt mau tin tức thế giới biến động. Đôi khi thấy giá thị trường chứng khoán tụt dốc xuống thấp, làm nhiều nhà bình luận lo ngại. Nhưng ông Tư cười, ông chẳng thêm để ý, không cần quan ngại chi cả. Chứng khoán lên hay xuống, cũng thế thôi. Ông có lo ngại hay quan tâm cũng chẳng thay đổi được gì. Với số tiền hưu khiêm tốn, và cách ăn tiêu trong khả năng tài chánh, ông bà Tư chưa bao giờ thấy thiếu thốn cái gì. Có một ông bạn khoe rằng nay đã thành triệu phú. Bà Tư đùa và hỏi, triệu phú thì khác người không là triệu phú cái gì? Ông bạn lúng túng ấp úng không biết phải trả lời ra sao. Nhưng ông bà Tư chắc chắn rằng, họ ít tiền, nhưng được sung sướng, đầy đủ hơn nhiều người giàu triệu phú khác.

Ông Tư rà mắt qua các tin tức và các biến cố mới nhất. Thật là tuyệt diệu và thần kỳ. Chuyện vừa xảy trong giờ trước, đã được tường thuật ngay. Đạo một vòng tin tức xong, ông quay qua mở vi-thư của bạn bè. Có những người bạn xa cách hàng ngàn dặm, mấy chục năm nay chưa gặp lại nhau, mà thư từ qua lại liên miên, tưởng như gắn gũi trong gang tấc. Tha hồ hàn huyên tâm

sự. Tình cảm qua lại thân thiết chứa chan. Nhờ máy vi tính, khi viết, tha hồ bôi xoá tẩy sửa lung tung, mà không cần phải xé tờ này, viết lại tờ kia, vô cùng tiện lợi. Thư viết xong, chỉ cần một cái nhấp con chuột, bạn ông nhận được ngay tức thì. Không cần phải nhờ bưu điện chuyển đi có khi cả tuần mới đến. Hàng chục lá thư của bạn bè khắp nơi trên thế giới chuyển đến ông đủ điều hay, lạ, nhiều bài thuốc hiệu nghiệm, trăm bản nhạc du dương, ngàn hình ảnh tuyệt vời của các thắng cảnh thiên nhiên, các đoạn phim ngắn đủ thể loại của nhiều vấn đề khác nhau. Ông cảm ơn khoa học kỹ thuật tiến bộ, đem thế giới mệnh mông lại gần gũi trong không gian và cả thời gian.

Mỗi khi nghe tin một người già bệnh hoạn qua đời, ông Tư mừng cho họ thoát được thời gian đau yếu sống không chất lượng. Nhiều người nằm liệt vài ba năm, không sống, không chết. Còn có những kẻ phải cưa tay cưa chân. Ông vẫn thường mong sau này, nếu được chết, thì chết mau chóng, yên lành, khỏi qua thời gian bệnh hoạn lâu ngày.

Có một bạn già mĩa mai, cho ông Tư là “Kẻ Tự Sướng” ông chỉ cười và nói : “Thà tự sướng hơn là tự khổ”

Ông Tư thường nghĩ rằng, ông đã và đang được quá nhiều phước hạnh của trời ban, nhiều ân nghĩa của nhân loại, xã hội, nhiều tình thương của gia đình, bạn bè, người quen và cả chưa quen. Ông thấy sung sướng hạnh phúc. Ông tội nghiệp cho những người suốt đời than van, nằng không ưa, mưa không chịu, và tự bôi đen ngày tháng đẹp đẽ của họ, và dìm đời vào bất mãn, khổ đau./

## **Tràm Cà Mau**

### **T**

# Vườn Thơ Bạn Đọc

## Lời Tòa Soạn :

Theo đề nghị của bạn đọc, trong mỗi số Tập San Thế Đạo chúng tôi sẽ dành riêng một số trang để đăng những bài thơ của bạn đọc gửi đến chúng tôi.

Mục Vườn Thơ Bạn Đọc này không quy định chủ đề, không phân biệt thể loại bài thơ mà chỉ ghi nhận tinh thần, thiện chí tham gia của Bạn Đọc với Tập San Thế Đạo mà thôi..

Trân trọng.

## Hoài Niệm

Gấm vóc non sông giống Lạc Hồng,  
Khổ công gầy dựng các Vua Hùng.  
Hải biên phó mặc Tàu xâm phạm,  
Đất nước nguy nan dân nản lòng.  
Tam chuyển kỳ Ba Trời mở Đạo,  
Cao Đài truyền bá khắp Tây Đông.  
Phong Thần dựng bảng chờ người đứ,  
Ngọc Điện ghi danh kẻ hữu công.

X

X X

Các Đấng Tiên Khai khuất bóng rồi,  
Tín đồ côi cút dạ buồn toi.  
Sáng vào Đền Thánh bồi công quả,  
Chiều đến Ngôi Bà hưởng chút hơi.  
Thiên định Long hoa khai Đại hội,  
Mừng ngày Đại Đạo sáng danh Đời.  
Thuyền từ Bát Nhã đang chờ rước,  
Cứu độ nhân hiền khắp mọi nơi.

**HT. Võ T. Bạch Tuyết.**

## Xây Thánh Thất Nhà Nhà Yên Vui

Đầu thiên niên kỷ	Tim luôn mở rộng
Vàng hồng ló dạng	Tình người gắn bó
Ngày mới bắt đầu	Không còn hận thù
Cao đài sáng rực	Ngày nữa bắt đầu
Đại Đạo hồng khai	Điện Thờ Phật Mẫu
Tam Kỳ Phổ Độ	Chung lo xây dựng
Đặt gạch khởi công	Trời Phật độ cho
Ai hỏi ! Ai ơi	Tâm trí biến hình
Nằm ngủ cũng mơ	Cát, sỏi, đá, gổ
Thi công xây cất	Mồ hôi công sức
Thánh Thất mau xong	Trở thành Đền Thánh
Chí Tôn phò hộ	Nằm ngủ cũng mơ
Phật Mẫu gia ân	Nói cười cũng nhớ
Đức Tin như thép	Ngồi đứng cũng mong
Tâm lực tạo hình	Lúc nào cũng tưởng
Ha-La đặt gạch <sup>1</sup>	Anh em nên hợp
Đồng tâm hiệp lực	Tỷ muội hết lòng
Ở Trên thương xót	Nhân tình lo đạo
Thêm sức thêm người	Nên đạo gắng giữ
Thượng Đế ghi công	Đại Đạo khả đạo
Cùng nhau xây đền	Huynh, đệ, tử, muội
Mưu sự tại Nhân	Trên dưới một lòng
Thành sự tại Thiên	Chia sẻ ngọt bùi
Mặt trời mọc lên	Đồng lao cộng khổ
Ánh sáng chan hòa	Yêu thương chào hỏi
Lòng người cởi mở	Thăm viếng thường xuyên
Chỉ biết yêu thương ↗	Không thương đừng ghét

1- Harvey - Louisiana.

Gặp nhau vui mừng  
Việc nhà việc Đạo  
Hãy năng trau dồi  
Chí Tôn trên hết  
Phật Mẫu phải thờ  
Thiên Nhân nhiệm mầu  
Đạo Trời chuyển cơ  
Hiệp Chung đất lành  
Đại Đạo hằng khai  
Tam Kỳ Phổ Độ  
Cứu khổ nhân sanh  
Hong ân Trời Phật  
Chúa Trời cũng thương  
Tam Giáo hợp lại  
Muôn triệu ấm no  
Thế giới hòa bình  
Mọi nhà an hưởng  
Hạnh phúc mang đến  
Quê nhà nhớ mong    ↗

Cầu xin dễ thờ  
Cá nhân tập thể  
Cùng nhau xây Đền.  
Ai ơi ! Ai ơi!  
Dù cho chín kiếp  
Tu hành không bằng  
Một kiếp rủ nhau  
Xây đền Thánh Thất  
Nhà nhà yên vui  
Thất ức niên dư  
Bình minh ló dạng  
Ngày mai bắt đầu  
Cao Đài sáng rực  
Chu kỳ liên tục  
Tam Giáo chung đài  
Đại Đạo hồng pháp  
Phụng thờ Chí Tôn  
Là con một nhà.

**Lê Vĩnh Thiên**

### **Ghi chú:**

Ý thơ nhân ngày khởi công đặt viên đá đầu tiên xây dựng Thánh Thất New Orleans, Louisiana từ ngày 04-04-2001 đến ngày 22-11-2006.

## Vui Mùi Đạo

Xuân qua tuổi thọ cũng thêm rồi  
Tóc bạc, da môi, thấy hỡi ôi !  
Ở đó nhìn mây bay lặng lẽ,  
Về đây ngắm cảnh buổi chiều trôi.  
Tương chao, ẩm thực, lòng thanh tịnh,  
Cháo trắng cơm chay đậm bạc thôi.  
Sám hối cầu kinh mong đắc Đạo,  
Thành tâm lễ sự mỗi lưng ngời . . !

## Công Quả

Xóm cũ người quen, chẳng gặp ai,  
Mưu sinh kiếm sống, lụy tiền tài.  
Cao bay tản mác vì hoàn cảnh  
Xa chạy về đâu luống miệt mài.  
Vượt thoát, gia đình ra ngoại quốc,  
Nhập cư, đoàn tụ, thấy tương lai.  
Đồng môn tử muội hàn huyên lại,  
Công quả, Cao Đài, thế mới hay . . !

## Cõi Tiên

Cổ tích thần thông Phật, Thánh hiền,  
Người đời giáo huấn dạy Thanh niên.  
Trung thành tuổi trẻ, lời vàng ngọc,  
Hiếu nghĩa ngày xưa, ngụ ý khuyên.  
Tử muội đồng môn vui vẻ Đạo,  
Chư huynh thuận thảo, đệ tâm kiên.  
Nhơn sanh phụ mẫu năng cầu nguyện  
Hạnh phúc an lành . . ngõ cõi Tiên.

**Mai Xuân Thanh**

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐO**  
**Bát thập bát niên**  
**Tòa Thánh Tây Ninh**



## **THIỆP MỜI**

- \* Lễ An Vị Thánh Tượng Thánh Thất Cao Đài Houston Texas;
- \* Đại Hội kỳ 7 Ban Thế Đạo Hải Ngoại
- \* Đại Hội kỳ 2 Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.

**Từ ngày 30-8-2013 đến ngày 1-9-2013 tại**  
**Thánh Thất Cao Đài Houston Texas**  
**8415 S. Breeze Dr**  
**Houston, TX 77071**

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ  
Bát thập bát niên  
Tòa Thánh Tây Ninh

## THƯ MỜI

### Kính gửi:

Quý Chức Sắc, Chức Việc Bàn Trị Sự các Cơ Sở Hành Chánh Đạo tại Hải Ngoại.

Quý vị Hiền Tài / Hiền Tài Dự Phong Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
Quý Đồng Đạo và Thân Hữu/

Trân trọng kính mời quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ vui lòng dành thì giờ quý báu đến tham dự:

- 1- Đại Hội kỳ 7 Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
  - 2- Đại hội kỳ 2 Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.
  - 3- Lễ An Vị Thánh Tượng Thánh Thất Cao Đài Houston TX.
- được tổ chức trong 3 ngày: Thứ Sáu, Thứ Bảy 30-31 tháng 8 năm 2013 và Chủ Nhật 1-9-2013 tại:

Thánh Thất Cao Đài Houston Texas  
8415 S. Breeze Dr.  
Houston, TX 77071

Sự hiện diện của Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ sẽ là niềm khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức và góp phần to lớn vào việc tăng thêm phần long trọng và kết quả mỹ mãn cho Lễ An vị Thánh Tượng và hai Đại Hội.

Trân trọng kính mời

Hoa Kỳ, ngày 15-3-2013

TM. Thánh Thất Cao Đài Houston  
Qu. Đầu Tộc: HT. Trịnh Quốc Thế

TM. Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại  
Qu. Chủ Trưởng: HT. Phạm Văn Khảm

TM. Ban Thế Đạo Hải Ngoại  
Tổng Quản Nhiệm: HT. Nguyễn Ngọc Dũ





## CHƯƠNG TRÌNH

### **I- Đại Hội kỳ 7 Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

**Ngày Thứ Sáu 30-8-2013 từ 18.00 PM đến 23.30 PM**

- 1- Khai mạc (Nghỉ thức tôn giáo).
  - 2- Các Tham Luận và các Đề Nghị . Thảo Luận.  
Phương hướng & Chương trình hoạt động năm 2013-2016.
- 23.30 PM:** Tạm ngưng.

**Ngày Thứ Bảy 31-8-2013 từ 9.00 AM đến 11, 00 AM**

- 1- Các Quyết Định của Đại hội.
  - 2- Bầu Tổng Quản Nhiệm và 2 Phó Tổng Quản Nhiệm.
  - 3- Phát biểu của Tân Tổng Quản Nhiệm BTĐHN.
  - 4- Phát biểu của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.
- 11.00 AM:** Bế Mạc.

### **II- Đại Hội Kỳ 2 Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.**

**Ngày Thứ Bảy 31-8-2013 từ 13 .00 PM đến 18.00 PM**

- 1- Khai Mạc (Nghỉ thức tôn giáo).
- 2- Tóm Lược Chủ Trương- Đường lối của Cơ Quan.
- 3- Tu chính Nội Qui (nếu có).
- 4- Thảo Luận đạo sự cần thực hiện trong tương lai.
- 5- Bầu tân thành viên Hội Đồng Đại Diện Cơ Quan.
- 6- Phát biểu của tân Qu. Chủ Trưởng.

**18 .00 PM:** Bế Mạc.

### **III- Lễ An Vị Thánh Tượng**

**Ngày Thứ Bảy 31-8-2013 từ 18.00 P M đến 22.00 PM**

- 1- Thượng Phước (có múa lân)
- 2- Khai Đàn - Múa Lân chào mừng An vị Thánh Tượng.
- 3- Cúng Đại Đàn.
- 4- Lễ Minh Thệ tân thành viên Hội Đồng Đại Diện Cơ Quan & tân Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
- 5- Lễ nhập môn tân tín đồ.
- 6- Phát biểu Chào mừng & Cảm ơn của Qu. Đầu Tộc Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

**22.00 P M:** Lễ Thành.

## **Ngày Chủ Nhật 1-9-2013 từ 9.00 AM đến 14.00 PM**

- 1- Tiếp tân - Khai Mạc - Chào cờ - Mặc niệm.
- 2- Diển văn Khai mạc của Ban Tổ Chức.
- 3- Tường trình diển tiến việc Xây Cát Thánh Thất.
- 4- Tặng vật khen thưởng - Tạ Ổn.
- 5- Phát biểu cảm tưởng của Đại Diện Cơ Sở Đạo và Quan Khách.
- 6- Đoàn Lân hưởng dẫn Quan Khách vào Chánh Điện đánh lễ Đức Chí Tôn và tham quan Thánh Thất đang xây cất.

**12.30 PM:** Cơm chay và Văn Nghệ.

**14.00 PM:** Lễ Thành.

### **IV- Ban Tổ Chức Lễ An Vị & Đại Hội.**

Mọi thông tin liên quan đến Lễ An Vị Thánh Thất và Đại Hội của Cơ Quan, Đại Hội của Ban Thế Đạo Hải Ngoại xin vui lòng liên lạc Ban Tổ Chức:

- 1- HT. Trịnh Quốc Thế, điện thoại: (713) 755-0105.
- 2- HT. Phạm Văn Khảm, điện thoại: (714) 548-5701.
- 3- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, điện thoại: (408) 892-8920
- 4- Nguyễn Tường Khôi, điện thoại: (713) 302-3791.
- 5- Trịnh Quốc Toàn, điện thoại: (832) 455-6530.
- 6- Thái Thanh Dương, điện thoại: (281) 935-7861.

### **V- Yểm trợ**

Check hoặc Money Order yểm trợ Lễ An vị, Đại Hội của Cơ quan và Đại hội của Ban Thế Đạo Hải Ngoại, xin vui lòng gửi về địa chỉ sau:

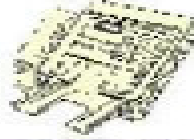
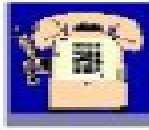
Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

PO. Box 711385

Houston, TX 77271- 1385.

Nơi **Pay to the order** xin đề: Cao Đài Temple of Houston TX  
Nơi **Memo/ hoặc For**, xin đề: Yểm trợ Lễ An vị & Đại Hội.

**Ghi chú:** Chương trình chi tiết sẽ được thông báo trong Buổi Lễ An vị Thánh Tượng và trong hai Đại Hội.



## **Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

### **I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121-1716

1- HT. Nguyễn Ngọc Dũ Phone : (408) 238-6547

Email: dutani@comcast.net.

2- HT. Nguyễn Văn Cầu, Email: caunguyencd@gmail.com

3- HT. Bùi Văn Nho, Email: caoninh12@yahoo.com

### **II- Ban Thế Đạo Bắc California:**

HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 926-9186.

Email: tn\_ndk@yahoo.com

### **III- Ban Thế Đạo Nam California:**

HT. Bùi Văn Nho, Phone: (951) 710-7766

Email: caoninh12@yahoo.com

### **IV- Ban Thế Đạo Texas:**

HT. Trịnh Quốc Thế, Phone: (281) 489-1770

Email: theqtrinh@yahoo.com

### **V- Ban Thế Đạo Úc Châu:**

HT. Bùi Đông Phương, Phone: 61-2-8798-0276

### **VI- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại WA & OR:**

HTDP. Trần Trung Dung, Phone: (253) 709-6427

Email: tranyoung7@yahoo.com

### **VII- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại LA:**

HT. Trần Huyền Quang, Phone: (504) 347-9326

### **VIII- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:**

HTDP. Nguyễn Chí Hiền, Phone: 33-1-4852-6017.

### **IX- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Ontario, Canada**

HT Nguyễn Tấn Phát, Phone: 519-743-8996.

**Danh Sách Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu**  
**Yểm trợ Tập San Thế Đạo**  
**(Từ ngày 16-1-2013 đến ngày 30-4-2013)**

-----

**STT      Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu      USD**

**I- Yểm Trợ TSTD**

01	Ẩn danh SC.....	50.00
02	Anna Nguyễn, Grand Island, NE.....	25.00
03	CTS Hà Thị Nết, Garden Grove, CA.....	40.00
04	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA.....	20.00
05	CTS Nguyễn Thị Huệ, Wichita, KS.....	20.00
06	CTS Nguyễn Văn Hưởng, Stne Mountain, GA	200.00
07	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA.....	20.00
08	CTS Đỗ Danh Dự, San Jose, CA.....	20.00
09	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX.....	20.00
10	Đỗ T. Quang, San Antonio, TX.....	20.00
11	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA.....	20.00
12	HT Lê Thị Huệ Hường, Sachse, TX.....	20.00
13	HT Lê Văn Khiêm, Vancouver, Canada.....	100.00
14	HT Mai Văn Tim, Everett, WA.....	50.00
15	HT Nguyễn Tấn Tạo, Gretna, LA.....	50.00
16	HT Nguyễn Thị Lừa, San Jose, CA.....	25.50
17	HT Phạm Văn Luông, San Antonio, TX.....	50.00
18	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA.....	20.00
19	HT Phan Văn Ba, Chantilly, VA.....	50.00
20	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA.....	20.00
21	HT Võ Lạc Quan, San Jose, CA.....	20.00
22	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA.....	20.00
23	HTDP Bé Trần & HTDP Diệp Võ, TX.....	20.00
24	HTDP Dương Văn Ngừa, San Jose, CA.....	20.00
25	HTDP Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA....	20.00
26	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA.....	20.00
27	HTDP Sơn Nguyễn & HTDP Trang Trần, TX .	20.00

28	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA . . . . .	50.00
29	HTDP Trần Văn Tấnh, Morrow, GA . . . . .	20.00
30	Huỳnh Văn Thịnh, Chandler, AZ . . . . .	20.00
31	Jimmy H. Võ, Spanaway, WA . . . . .	10.00
32	Lê Tài Bồn, Orange, CA . . . . .	20.00
33	Lê Văn Bé, Arlington, TX . . . . .	20.00
34	Lê V. Hiền & Võ K. Hoàng, Fargo, ND . . . . .	100.00
35	Lê Văn Lộc, Anaheim, CA . . . . .	20.00
36	Lưu Quốc Minh, Holiday, FL . . . . .	20.00
37	Lý Lan, San Jose, CA . . . . .	30.00
38	Lý Quang Tú, San Jose, CA . . . . .	20.00
39	Mai Văn Liêm, Arlington, TX . . . . .	20.00
40	Đặng Mỹ Cho, Campbell, CA . . . . .	30.00
41	Đặng Thành Cứ, Fort Worth, TX . . . . .	20.00
42	Đặng Thị The, Harvey, LA . . . . .	100.00
43	Lisa Nguyễn, San Jose, CA . . . . .	100.00
44	Ngô Thị Tư, Morrow, GA . . . . .	50.00
45	Ngô Văn Huế, Sunnyvale, CA . . . . .	50.00
46	Ngụy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, SJ, CA	200.00
47	Nguyễn Ban, Vic, Australia (AUD 100.00) . . . . .	99.82
48	Nguyễn Minh, Harvey, LA . . . . .	20.00
49	Nguyễn Minh, Marietta, GA . . . . .	50.00
50	Nguyễn Nhi, San Diego, CA . . . . .	20.00
51	Nguyễn Thị Lang, San Jose, CA . . . . .	50.00
52	Nguyễn Ngọc Phước, Morrow, GA . . . . .	100.00
53	Nguyễn T. Mỹ Lệ, Kitchener, Canada . . . . .	50.00
54	Nguyễn T. Thu Trang, Mississauga, Canada (CAN 200.00) . . . . .	193.28
55	Nguyễn Văn Chính, Prior Lake, MN . . . . .	20.00
56	Đô Đốc Trần Văn Chơn, San Jose, CA . . . . .	100.00
57	Phạm Bạch Tuyết, Reston, VA . . . . .	30.00
58	PTS Đỗ Đức Thượng, Garland, TX . . . . .	20.00
59	Quả phụ Đặng Quang Dương, Coppell, TX . . . . .	50.00
60	Quỳnh Mai, Queensland, Úc (AUS 50.00) . . . . .	49.46
61	Tăng Mỹ Thuận, Brampton, ON, Canada . . . . .	50.00

62	Tường Nguyễn DDS & Huệ Tô DDS, SJ, CA	200.00
63	Trần Hữu Phước, San Jose, CA	50.00
64	Trần Thanh Điền, Santa Clara, CA	20.00
65	Trần Võ, Guelph, Canada	20.00
66	Trạ Nguyễn, San Jose, CA	20.00
67	Trương Thị Khanh, Oakland, CA	30.00
68	Trương Văn Thì, Seattle, WA	20.00
69	TSự Lê Thị Sáng (Huệ) St Louis, MO	50.00
70	Võ Thị Mận, Corona, CA	50.00
71	Võ Văn Đình, Stanton, CA	20.00
72	Vương Vĩnh Nghi, Wichita, KS	50.00

-----  
**Cộng (1) : 3,312.56**

## II- Niên Liễm

01	HTDP Mai Xuân Thanh, San Jose, CA	60.00
02	HTDP Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA	60.00
03	HTDP Nguyễn Thành Đan, San Jose, CA	60.00

-----  
**Cộng (2) : 180.00**

## III- In Kinh Sách

01	Andy Lejou, Las Vegas, NV	50.00
02	Lưu Văn Chỉ, San Jose, CA (Hồi hướng mẹ là cố đ/h Nguyễn Thị Cánh)	50.00
03	CTS Nguyễn Thị Huệ, Wichita, KS	20.00
04	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX	30.00
05	Hồ Thị Hoa, Tempe, AZ	50.00
06	Hồ Thị Đạm, Louisville, KY	20.00
07	Hoàng Văn Viên, Pearl City, HI	200.00
08	HT Đặng Bá Nhị, Carrollton, TX	150.00
09	HT Huỳnh Văn Bột, Russellville, KY	200.00
10	HT Nguyễn Huỳnh Giàu, San Jose, CA	100.00
11	HT Võ Lạc Quan, San Jose, CA	30.00
12	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	20.00

13	Lê Văn Đăng, Harvey, LA . . . . .	20.00
14	Lưu Quốc Minh, Holiday, FL . . . . .	200.00
15	Lý Qg. Tú & Ng. Hồng Phương, San Jose, CA .	40.00
16	Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA . . . . .	100.00
17	Nguyễn Minh, Harvey, LA . . . . .	20.00
18	Nguyễn Ngọc Phước, Morrow, GA . . . . .	100.00
19	Nguyễn Thị Thương, Elk Grove, CA . . . . .	40.00
20	Phạm Văn Hơn, Fargo, ND. . . . .	20.00
21	PTS Hồ Văn Trị, Carrollton, TX . . . . .	30.00
22	Thánh Thất Đường Nhơn Seattle WA . . . . .	50.00
23	TSự Nguyễn Thị Ánh, San Diego, CA . . . . .	50.00
24	Tri Vương, Mississauga, Canada . . . . .	200.00
25	Trương Thị Khanh, Oakland, CA . . . . .	20.00

-----  
**Cộng (3) : 1,830.00**

Tổng thu ( 1+2+3) từ ngày 16-1-2013 đến ngày 30-4-2013 là Năm ngàn ba trăm hai mươi hai đôla năm mươi sáu xu (**USD 5,322.56**)

San Jose, ngày 15-4-2013  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại

## Tóm Lược Hội Tương Tế Cao Đài

(Tham chiếu Thông báo số 02/HĐQT ngày 25-12-2002)

### **A-Mục đích, ý nghĩa việc thành lập**

\*-Thể hiện và vun bồi “tình tương thân tương ái” giữa người tín đồ Cao Đài.

\*- Phát huy tinh thần “Từ Bi, Công Bình, Bác Ái” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam giáo.

### **B- Nét đặc trưng của Hội Tương Tế Cao Đài:**

\*- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.

\*- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (công quả) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.

\*-Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.

\*-Đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

### **C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:**

\*- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

\*- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung. Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng



điều là (15) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức) và (07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

\*- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên.

### **E- Quyền lợi Hội viên:**

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

\*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

\*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

### **F- Gia nhập Hội:**

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

Hội Tương Tế Cao Đài,  
14411 Buckner Dr, San Jose, CA 95127

### **H- Liên lạc:**

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

\*- Nguyễn Sam - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.,  
Phone : (408) 759-9339 (Cell)  
E-mail: hadinh Huy2003@yahoo.com

\*- Dương Văn Ngừa - Trưởng Ban Điều Hành  
14411 Buckner Dr, San Jose, CA. 95127  
Phone : (408) 923-1052 (H) & (408) 772-0989 (Cell).  
Email: datthong2005@yahoo.com

## **HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI**



# PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn :

Bào Tử của Thông sự Trương Công Lý thuộc Hương Đạo San Jose 2, San Jose, California là:

**Đạo hữu**  
**Trương Thị Ánh Hồng**

Đã qui vị vào lúc 23.54 PM ngày 15 tháng 4 năm 2013 (nhằm ngày mùng 6 tháng 3 năm Quý Tỵ) tại thành phố San Jose, CA.

**Hưởng dương 45 tuổi**

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Thông Sự Trương Công Lý và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh cố đạo hữu Trương Thị Ánh Hồng sớm trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

**THÀNH KÍNH PHÂN ƯU**

Qu. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara California &  
Chức Việc BTS Hương Đạo 1 & 2, San Jose, CA.

Ban Quản Tộc ĐTPM San Jose, CA

-----  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.

Ban Thế Đạo Bắc California.



# PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn :

Thân mẫu của Phó Trị Sự Nguyễn Thế Long Thánh  
Thất San Jose, California là:

## Đạo hữu **Huỳnh Thị Hội**

Đã qui vị vào lúc 6.00 PM ngày 11 tháng 4 năm 2013  
(nhằm ngày mùng 2 tháng 3 năm Quý Tỵ) tại Tiểu  
Bang Minnesota, Hoa Kỳ.

### Hưởng thọ 76 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Phó  
Trị Sự Nguyễn Thế Long và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng  
Thiên Linh ban hồng ân độ rỗi cho hương linh cố đạo  
hữu Huỳnh Thị Hội sớm trở về cõi Thiên Linh  
Hằng Sống.

### THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Qu. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara California &  
Chức Việc BTS Hương Đạo 1 & 2, San Jose, CA.  
Ban Quản Tộc ĐTPM San Jose, CA

-----  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.  
Ban Thế Đạo Bắc California.



# PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :  
Thân mẫu của Hiền Tài Đỗ Văn Tú ngụ tại Thánh  
Địa Tòa Thánh Tây Ninh là:

## Cựu Phó Trị Sự **Nguyễn Thị Thới**

Đã qui vị vào lúc 6.20 AM ngày 28 tháng 3 năm  
2013 (nhằm ngày 17 tháng 2 năm Quý Ty) tại Thánh  
Địa Tòa Thánh Tây Ninh.

### **Hưởng thượng thọ 95 tuổi**

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Hiền  
Tài Đỗ Văn Tú và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng  
Thiên Linh ban hồng ân độ rỗi cho hương linh cố cựu  
Phó Trị Sự Nguyễn Thị Thới sớm trở về cõi Thiên  
Linh Hằng Sống.

### **THÀNH KÍNH PHÂN ƯU**

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.



# PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :  
Hiên thê của HTDP Dương Văn Ngừa, Trưởng Nhiệm  
Xã Hội Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Trưởng Ban Điều  
Hành Hội Tương Tế Cao Đài là:

## Hiên Tỷ Cao Thị Yên

Hội viên Hội Tương Tế Cao Đài, Số Danh bộ 04

Đã qui vị vào lúc 8.10 PM ngày 20 tháng 3 năm 2013  
(nhằm ngày mùng 9 tháng 2 năm Quý Ty) tại tư gia  
tại thành phố San Jose, CA

### Hưởng thọ 77 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh  
Dương Văn Ngừa và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các  
Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương  
linh Hiền Tỷ Cao Thị Yên sớm trở về cõi Thiêng  
Liêng Hằng Sống.

### THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.  
Các Ban Thế Đạo, Ban Đại Diện/ Ban Thế Đạo  
Hải Ngoại tại các địa phương

-----

Thánh Thất, Tộc Đạo Santa Clara  
Hương Đạo San Jose 1+Hương Đạo San Jose 2  
Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

---

Châu Đạo California - Ban Pháp Chánh  
Các Tộc Đạo Santa Clara- Orange County- Little  
Saigon- Pomona- Westminster- Anaheim  
Hương Đạo Sacramento.

---

Tộc Đạo Dallas - Fort Worth

---

Tộc Đạo Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

---

Thánh Thất Cao Đài Georgia:  
BTS Hương Đạo Atlanta GA  
Ban Nhạc Lễ Đồng Nhi  
Đại Đạo Thanh Niên Hội.

---

Hội Tương Tế Cao Đài.

---

Đại Đạo Thanh Niên Hội Hải Ngoại  
Đại Đạo Thanh Niên Hội Nam - Bắc Cali

---

Tây Ninh Đồng Hương Hội

---

Trung Tâm Việt Ngữ Minh Đức

---

Cựu Thiếu Sinh Quân Quân Đội Cao Đài.

---

Cựu sinh Đạo Đức Học Đường & Lê Văn Trung.



# PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :

Bào Tử của Hiền Tử Thông sự Nguyễn Kim Luông  
Thánh Thất Portland, Oregon và Hiền Huynh Nguyễn  
Văn Tiến ngụ tại Oregon, USA là:

## Hiền Tử Nguyễn Thị Chuối

Đã qui vị vào lúc 7.00 PM ngày 5 tháng 3 năm 2013  
(nhằm ngày 24 tháng Giêng năm Quý Ty) tại Jersey  
City, bang New Jersey, USA

### Hưởng thọ 68 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng gia đình Hiền  
Tử Thông sự Nguyễn Kim Luông và Hiền Huynh  
Nguyễn Văn Tiến cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các  
Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương  
linh Hiền Tử Nguyễn Thị Chuối sớm trở về cõi  
Thiêng Liêng Hằng Sống.

### THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.  
Ban Đại Diện  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang WA và bang OR



# PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :

Phu quân của Hiền Tỷ cựu Chánh Trị Sự Nguyễn Thị Bé và cũng là thân phụ của các hội viên Đại Đạo Thanh Niên Hội Thánh Thất Georgia là Phan Thị Kim Hương, Phan Thị Huyền và Phan Văn Đức Thịnh là:

## Đạo hữu Phan Văn Ba

Đã qui vị vào lúc 11.30 AM ngày 5 tháng 3 năm 2013 (nhằm ngày 24 tháng Giêng năm Quý Tỵ) tại thành phố Riverdale, Clayton County, bang Georgia.

### Hưởng thọ 68 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ cựu Chánh Trị Sự Nguyễn Thị Bé và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh cố đạo hữu Phan Văn Ba sớm trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

### THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

BTS Hương Đạo Atlanta, Thánh Thất Cao Đài GA  
Ban Nhạc Lễ, Đồng Nhi thuộc Thánh Thất Cao Đài GA.  
Đại Đạo Thanh Niên Hội GA

-----  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.





# PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn :  
Thân mẫu của Hiền Huynh Lưu Văn Chỉ ngụ tại San  
Jose, California là:

## Cụ Bà Lê Thị Cánh

Đã qui vị vào ngày 18 tháng 2 năm 2013 (nhằm ngày  
mồng 9 tháng Giêng năm Quý Ty) tại Tỉnh Cần Thơ,  
an táng tại Tỉnh Sa Đéc, Việt Nam.

### Hưởng Thượng thọ 99 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng gia đình Hiền  
Huynh Lưu Văn Chỉ và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các  
Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương  
linh Cụ Bà Lê Thị Cánh sớm trở về cõi Thiêng Liêng  
Hằng Sống.

### THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chức Việc Bàn Trị Sự & Đồng Đạo  
Thánh Thất Bắc California.

-----  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.  
Ban Thế Đạo Bắc California.



# PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Cụ Bà  
**Trần Thị Nga**

Đã qui vị vào lúc 6.20 PM ngày 15-2-2013 (nhằm ngày 6 tháng Giêng năm Quý Ty) tại Mountain View, California.

## Hưởng Thượng thọ 90 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng quý Huynh Đệ Muội: Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Văn Trường Quang, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Thị Thanh Quy, Trịnh Quốc Cường, Trần Ngọc Quang Phi cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi vong linh cố Đạo hữu Trần Thị Nga sớm được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

## THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Tộc Đạo Santa Clara - Chức Việc Bàn Trị Sự  
& Đồng Đạo Thánh Thất San Jose, CA  
Điện Thờ Phật Mẫu San Jose,

-----  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo  
Ban Thế Đạo Bắc California.



# PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc và xúc động nhận được tin:

## Chánh Trị Sự Huỳnh Diệu Ngọc (Tộc Đạo Orange, Châu Đạo California)

Đã qui vị lúc 3.40 PM ngày 10 tháng 2 năm 2013 (nhằm ngày mồng 1 tháng Giêng năm Quý Ty) tại Bệnh Viện Fountain Valley, Orange County, CA

### Hưởng thọ 61 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Ôn Trên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh Hiền Tử Chánh Trị Sự Huỳnh Diệu Ngọc dục tấn trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

### THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Châu Đạo California & Tập San Qui Nguyên- Ban Pháp Chánh  
Các Tộc Đạo: Santa Clara - San Diego - Orange County,  
Little Saigon - Pomona - Westminster - Anaheim.  
BTS cùng toàn Đạo nam nữ Châu Đạo California.

-----  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.  
Ban Thế Đạo Nam CA & Ban Thế Đạo Bắc CA.

Thanh Thiếu Niên Cao Đài Thế Giới.

Đại Đạo Thanh Niên Hội Nam CA - Bắc CA.

Tây Ninh Đồng Hương Hội - Trung Tâm Việt Ngữ Minh Đức.



# PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:  
Hiền mẫu của Hiền Tỷ Nguyễn Thị Luợm và cũng là  
Nhạc Mẫu của Hiền Huynh Nguyễn Văn Tài là:

## Cụ Bà Đào Thị Xinh

Đã qui vị vào lúc 9.00 AM ngày 27-1-2013 (nhằm  
ngày 16 tháng 12 năm Nhâm Thìn) tại Dallas bang  
Texas.

### Hưởng Thưởng thọ 95 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Nguyễn  
Thị Luợm, Hiền Huynh Nguyễn Văn Tài cùng tang  
gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các  
Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi vong linh cố  
Đạo hữu Đào Thị Xinh sớm được trở về cõi Thiêng  
Liêng Hằng Sống.

### THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Tộc Đạo & Quản tộc Đạo  
Dallas- Fort Worth, Bang Texas  
Đại Đạo Thanh Niên Hội

-----  
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo  
Ban Thế Đạo Bang Texas.

# ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Năm Đạo thứ 87

Tòa Thánh Tây Ninh

.....\*

THÁNH THẤT CAO ĐÀI HOUSTON TEXAS

8415 S, Breeze Ln - Houston, TX 77071

## TÂM THƯ

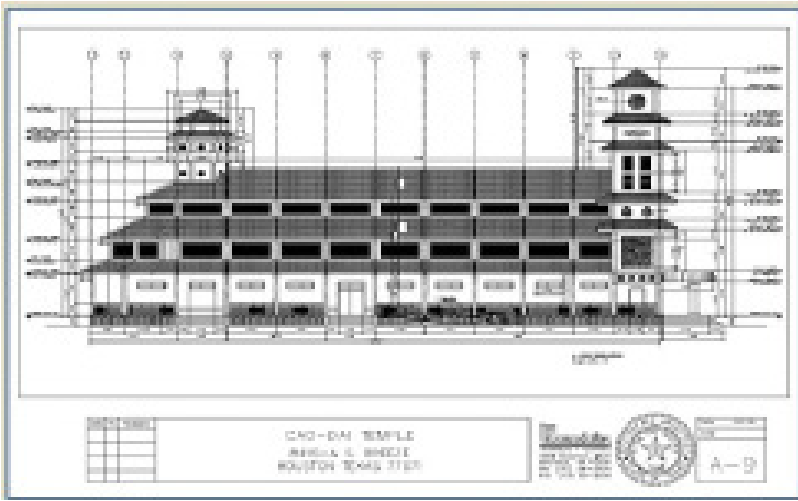
Kính gửi: Chư Chức Sắc, Chức việc quản nhiệm các Cơ Sở  
Đạo và quý Đồng Đạo Hải Ngoại.  
Quý vị Mạnh Thường Quân ân nhân.

Kính thưa quý liệt vị,

Sau bao tháng năm sống trong cảnh: “Trời sâu Đất thảm” của biến cố 30 tháng 04 năm 1975, chúng ta may mắn đến được bến bờ tự do trên khắp nẻo đường thế giới, mang theo hình ảnh thân yêu của quê hương với bao nỗi ngậm ngùi thương nhớ!... Riêng người Tín hữu Cao Đài còn ấp ủ trong lòng hình ảnh của Tòa Thánh Tây Ninh linh thiêng và sứ mạng “Hoàng Khai Đại Đạo, Phổ Độ Chúng Sinh” tại Hải Ngoại!

Sau đó phải trải qua nhiều năm vất vả mới ổn định được đời sống nơi xứ lạ, chúng ta lần lượt xây dựng các cơ sở Đạo, tùy hoàn cảnh, tùy phong tục tập quán mỗi nơi mà gây mối Đạo.

Riêng tại Thành Phố Houston Tiểu Bang Texas Hoa Kỳ, chúng tôi đã quyết tâm dò theo bước đường hành đạo của các bậc Tiên Khai Đại Đạo, thực hiện 3 mục tiêu: Xây dựng Thánh Thất theo mẫu Tòa Thánh Tây Ninh, kiện toàn tổ chức cơ sở Đạo theo Tân Luật & Pháp Chánh Truyền & các Đạo Nghị Định, và vun bồi Thế Hệ Kế Thừa: Đại Đạo Thanh Niên Hội và Ban Thế Đạo.



Chúng tôi đang thực hiện 3 mục tiêu quan trọng này và hiện đang tận tụy lực xây dựng một Thánh Thất theo mẫu Tòa Thánh Tây Ninh vì Thánh Thất Cao Đài là một công trình văn hóa nhiệm mầu của nền Đại Đạo, kết hợp hài hòa các nền văn hóa Đông Tây kim cổ, tương đắc Đạo Đời, tiến đến một nền văn hóa ĐẠI ĐỒNG, góp phần đưa nhân loại đến một nền VĂN MINH thực sự, một nền HÒA BÌNH vĩnh cửu, một xã hội DÂN CHỦ, TỰ DO, NHÂN QUYỀN dưới ánh hào quang của Đấng Tối Cao. Thánh Thất Cao Đài xứng đáng được ngự trong bầu trời Hải ngoại để nhân loại tìm đến nghiên cứu học hỏi những huyền vi ẩn tàng của Thượng Đế trong hình tượng TIỂU BẠCH NGỌC KINH tại thế gian này:

“Bí nhiệm Đất Trời lồng bóng vẽ  
 Tinh hoa Dân Tộc đậm màu son”.

Với tâm tình và hoài bão này, chúng tôi quyết chí thực hiện với bao khó khăn chờ phía trước và tự nghĩ rằng chỉ có ĐỨC TIN nơi Đấng Tối Cao phù trợ mới hoàn thành niềm ước mơ thật quá vĩ đại đối với hoàn cảnh thực tế của chúng tôi hiện nay. Chúng tôi luôn nhớ lời dạy của Đức Chí Tôn: “Các con, Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là NHÀ CHUNG của các con, biết à?” (TNHT quyển I). Đức Ngài còn dạy: “Điều cần thiết là mỗi đứa cần lưu tâm, ráng lo việc Thánh Thất cho hoàn thành,

mỗi đứa để chút gang tấc vào đó”. (TNHT quyển II).

Qua lời dạy chân thành của Đấng Tối Cao, chúng tôi rất xúc động và mạnh dạng khẩn thiết kêu gọi sự yểm trợ tích cực của toàn Đạo hơn nữa để Trường Thi Công Quả này được thực hiện đến nơi đến chốn. Công trình xây cất gồm 4 công đoạn:

**Công đoạn I:** Nền móng 7,500 SF, bãi đậu xe 40,000 SF với 9 trụ đèn parking lots, hệ thống điện nước, cống rãnh...Phần căn bản này đã hoàn tất, đạt được 1/3 công trình.

**Công đoạn II:** Sườn sắt, lợp 3 mái ngói, xây tường, lót gạch.. sẽ bắt đầu vào ngày 12/06/12

**Công đoạn III:** Lắp ráp các biểu tượng tâm linh...Sơn, vẽ, stucco...

**Công đoạn IV:** Cổng Tam Quan, Trụ Phướn, hồ sen, hàng rào... Dự định sẽ tổ chức Lễ KHÁNH THÀNH vào giữa năm 2013 nếu không có trở ngại bất thường.

Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý vị Mạnh Thường Quân ân nhân, quý chức sắc, chức việc và quý đồng đạo đã đóng góp cho công trình nhiều đợt và **CÔNG TRÌNH RẤT CẦN TIẾP TỤC YỂM TRỢ NHIỀU ĐỢT NỮA MỚI HOÀN THÀNH VIÊN MẪN**. Rất mong quý liệt vị vui lòng tiếp tục yểm trợ.

Xin nhắn tin: Quý Đồng Hương và Đồng Đạo CÒN GIỮ VÉ SỐ, XIN TIẾP TỤC YỂM TRỢ hoặc hoàn lại vé cho kịp ngày xổ số là ngày 15/07/2012. Xin đa tạ.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban nhiều hồng ân cho tất cả quý ân nhân VẠN SỰ AN LÀNH HẠNH PHÚC.

Trân trọng kính chào quý liệt vị.

Houston, ngày 18/05/2012

TM. Bàn Tri Sự  
CTS. Phạm văn Soi

TM. Hội Đồng Quản Trị  
HT. Trịnh Quốc The

TM. Ban Tạo Tác  
Đông Y Sĩ Cảnh Thiên

Cơ Quan Đại Diện  
Cao Đài Hải Ngoại

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
**Bát Thập Thất Niên**  
**TOÀ THÁNH TÂY NINH**

-----

**Số: 15/Q.CT/VP**

**CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI**

**Kính gửi:**

Quý Chức sắc, Chức việc các Cơ sở Đạo và Đồng Đạo tại Hải Ngoại,

Thưa Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ:

Tiếp lời kêu gọi qua bức **TÂM THƯ** của Hành Chánh Đạo, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tạo Tác Thánh Thất Houston ngày 18 tháng 5 năm 2012, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại kính gửi đến Hiền Huynh, Hiền Tỷ vài điều chân tình như sau:

1- Về vị trí, Thánh Thất Cao Đài Houston Texas (toạ lạc trên lô đất vuông vức hai mẫu tây) nằm gần trung tâm Thành phố Houston Texas, một thành phố lớn nhất của bang Texas, với dân số trên 2 triệu người mà người Mỹ gốc Việt chiếm gần 2%, trong đó có khá đông tín đồ Cao Đài chỉ sau bang California.

Đây là một Thành phố lớn mạnh về văn hoá, giáo dục, kinh tế và chính trị của Hoa Kỳ, nên trong tương lai, Thánh Thất Houston chắc chắn sẽ là biểu tượng văn hoá đặc sắc nhiệm mầu của Tôn giáo Cao Đài và góp phần làm sáng danh nền văn hoá đa chủng tộc của Hoa Kỳ. Ngoài ra, nơi đây cũng sẽ là nơi rất thuận lợi cho việc phát triển nền Đạo, phổ truyền nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn tại Hải ngoại.



2-Thánh Thất Cao Đài Houston Texas không to lớn về mặt kiến trúc, nhưng là hình ảnh của Tòa Thánh Tây Ninh tại địa phương, là một tiểu Bạch Ngọc Kinh tại thế không những ẩn tàng huyền vi mầu nhiệm dẫn dắt nhơn sanh về hiệp nhất với Đấng Cha Trời..mà còn thể hiện rõ sự cộng hiệp giữa Trời và Người, hoà đồng các nền phong hóa Đông Tây, kim cổ, giữa khoa học và Đạo học... để nhơn loại cùng nhau lập đời Thánh Đức trên Địa Cầu này.



3)- Sự hình thành Ngôi Thánh Thất Cao Đài Houston Texas sẽ góp phần cùng các Ngôi Tiểu Bạch Ngọc Kinh tại thế ở toàn Hải ngoại thể hiện rõ nét cho nhơn sanh thế giới nhìn thấy Đấng Cha Chung của nhơn loại để không còn phân biệt màu da sắc tộc, tôn giáo, văn hoá xã hội ..v..v... cùng nhìn nhau là anh em ruột thịt, chung sống trong cảnh Huynh đệ Đại Đồng an bình hạnh phúc.

Với tầm quan trọng về VỊ TRÍ và SỨ MẠNG của Thánh Thất Houston Texas và như lời dạy của Đức Chí Tôn, Thánh Thất

là “Ngôi Nhà Chung” của nhơn sanh, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại tha thiết kêu gọi Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ hết lòng chung sức cùng Đồng Đạo tại Houston, cùng Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại phát tâm công quả ủng hộ dưới mọi hình thức cho công trình xây dựng Thánh Thất Houston Texas sớm được hoàn thành.

Mọi đóng góp bằng Chi phiếu hoặc Money Order, xin đề: Thánh Thất Cao Đài Houston Texas, thư gửi về địa chỉ: PO. BOX 711385, Houston, Texas 77271-1385 và bỏ vào phong bì có dán tem sẵn.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban ân lành cho Hiền Huynh, Hiền Tỷ và quý quyến được muôn điều may mắn, vạn sự như ý.

Chân thành tri ân và trân trọng kính chào.

California, ngày 12 tháng 6 năm 2012

TM. CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI  
Qu. CHỦ TRƯỞNG

(Ấn ký)

Hiền Tài PHẠM VĂN KHẨM

**ĐÍNH KÈM:**

- Bức TÂM THƯ kêu gọi Công quả của Thánh Thất Houston.
- Bản Sơ đồ thiết kế và hình ảnh.

**NƠI NHẬN:**

- Tập San Thế Đạo.
- Tập San Qui Nguyên.
- Bản Tin Cao Đài Hải Ngoại.
- Các Trang Mạng [www.banthedao.org](http://www.banthedao.org), [www.quinguyen.org](http://www.quinguyen.org), <http://bantin.caodaihaingoai.org/>
- “Kính nhờ phổ biến”
- Lưu.

# TÂM THƠ

## Kính gửi:

- Quý Chức Sắc, Quý Chức Việc, Quý Đồng Đạo và các Em Thanh Thiếu Niên Đại Đạo Thanh Niên Hội.
- Quý vị Đạo Tâm, Quý vị Mạnh Thường Quân và Quý vị đồng hương kính mến.

Kính thưa Chư Liệt Vị,

Biến cố 30-4-1975 làm cho hàng triệu người Việt Nam phải rời bỏ quê Cha đất Tổ, trong số đó có khoảng 14 gia đình chúng tôi là tín đồ Cao Đài cùng sống bên nhau tại Quận Hạt San Diego California, Hoa Kỳ.

Dù xa Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh nhưng tâm tư da diết sâu vương, luyến cội, thương nguồn trong niềm tin vững chắc nơi Ngọc Hoàng Thượng Đế, nên chúng tôi đánh liều dựng Ngôi Thờ Đức Chí Tôn trong một căn phòng nhỏ hẹp của một tư gia. Suốt 12 năm qua, mỗi khi thực hành lễ bái, vọng tưởng đến Đức Chí Tôn, chúng tôi luôn luôn nơm nớp e ngại vì tiếng chuông mõ kinh kệ có thể làm phiền lòng cư dân chung quanh nhất là người bốn xứ.

Nay cơ duyên đã đến ! Chúng tôi chung tay hiệp sức mua được ngôi nhà thờ cũ, trên thửa đất gần 8 ngàn thước vuông (sqf) với giá 384.000 Mỹ Kim. Mượn của đồng đạo trả trước 204 ngàn USD, vay 180 ngàn USD, trả hằng tháng khoảng 2000 USD trong 10 năm dứt nợ. Thật là niềm vui chung cho tất cả đồng đạo.

Nhưng niềm vui chưa được trọn vẹn, ngày đêm chúng tôi vẫn còn dào dạt lo lắng, không biết làm sao tu chỉnh nhà thờ để trở thành một Ngôi Thánh Thất tuy đơn giản nhưng hợp lệ, hợp pháp, chính thức thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế cùng các Đấng Thiêng Liêng nơi xứ người một cách trang nghiêm

và tôn kính.

Dù sao, chúng tôi cũng cương quyết, chung lòng góp sức, thực hiện nguyện vọng khẩn thiết hằng mơ , để sớm đến ngày làm lễ thượng Thánh Tượng. Dịp này chúng tôi sẽ trân trọng kính mời Chư Liệt Vị vui lòng đến tham dự để cùng hiệp tâm dâng lời nguyện cầu lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng



Thiên Liêng ban hồng ân cho nhơn loại giảm bớt khổ đau, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc . . .

Nay chúng tôi tha thiết mời gọi sự ủng hộ của Quý Liệt Vị để có thể hoàn thành Ngôi Thánh Thất. Sự ủng hộ của Quý vị dù nhiều dù ít đều thật đáng trân quý.

Xin nguyện cầu Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu và các Đấng Thiên Liêng ban phước lành cho quý vị cùng toàn thể quý quyến luôn vạn an và mọi điều hạnh thông như ý.

San Diego, ngày 22-5-2012

**TM. Hội Đồng Quản Trị**

(ký tên và đóng dấu)

HT. Nguyễn Trung Đạo

**Kiểm soát**

PTS. Nguyễn Văn Phổ

**TM. Hành Chánh Đạo**

(ký tên và đóng dấu)

CTS Lê Quang Giai.

**Thủ quỹ**

PTS. Lê Huyền Khanh

**Chi phiếu trợ giúp xin ghi:**

ĐĐTKPDD-TTTN-Tộc Đạo San Diego

**Gửi về địa chỉ Thánh Thất:**

3204 Clairemont Mesa Blvd

San Diego, CA 92177

**Điện Thoại liên lạc:**

Huynh Đạo: 858-538-6919 (H)

Huynh Giai: 858-693-7259 (H)

**Phụ Chú:**

Chúng tôi ước mong sao có thêm 120.000 USD mới khả dĩ tiếp tục tu chính nhà thờ: Hình thành khu vực Bát Quái Đài, Bát Quái Đài, Khánh Thờ, Long Vị, Tẩm Diêm, Mãn Tam Thanh, Bàn Thờ Hộ Pháp, Bàn nội Ngoại nghi, Lọng, Tàn, Dàn Bát Bửu, Phòng Hậu Điện để thờ Cửu huyền Thất Tổ và sinh hoạt đạo sự, một khung bếp nhỏ. . v . . v . .

Đặc biệt là phải di dời 2 Phòng vệ sinh ở phía trước nhà thờ, và xây thêm lầu chuông lầu trống nếu có điều kiện.

## Xây Dựng Thánh Thất trong nước Việt Nam

### 1- Xây cổng Tam Quan Thánh Thất Họ Đạo Vĩnh Lợi Thừa Thiên Huế



Thánh Thất Họ Đạo Vĩnh Lợi Thừa Thiên Huế được xây cất trên mặt bằng 5000 m<sup>2</sup>, khởi công xây cất từ ngày 5-6-2007 và được khánh thành vào ngày 28-7-2012.

Hiện nay hằng ngày đã có rất nhiều du khách trong và ngoài nước đã đến chiêm bái rất đông và Ban Cai Quản đang gấp rút hoàn thành việc xây dựng cổng Tam Quan Thánh Thất (giống cửa Hòa Viện Tòa Thánh Tây Ninh).

Ban Cai Quản Họ Đạo Vĩnh Lợi Thừa Thiên Huế rất mong được sự hỗ trợ tài chánh của đồng đạo để việc xây dựng cổng Tam Quan sớm được hoàn thành.

Mọi sự yểm trợ xin vui lòng liên lạc:

Lễ Sanh Thái Danh Thanh ( Mai Văn Danh)

Ban Cai Quản Họ Đạo Vĩnh Lợi Thừa Thiên Huế

41 C Hùng Vương

Thành phố Huế - Việt Nam

Điện Thoại: 054-3810182 Di Động: 090- 5473774

Email: thanhthathue@yahoo.com

## **2- Xây cất Thánh Thất Họ Đạo Liên Xã Phú Cường & Thạnh Lộc, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang.**

### **Tóm Lược:**

Nguyên trước đây vào tháng 10-1958 đồng đạo tại địa phương có tạo dựng một ngôi Thánh Thất bán kiên cố tại ấp 3 xã Thạnh Phú (nay là xã Phú Cường) huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang. Nhưng vì qua một thời gian dài và qua một cuộc chiến nên Thánh Thất bị tàn phá, thiêu rụi. Nhân sanh địa phương di tản đến nơi khác sinh sống. Hết chiến tranh, đồng đạo phải đi khoảng 15 cây số đến cúng bái tại Thánh Thất Thị Trấn Cai Lậy, và đường đi lại rất khó khăn.

Hiện nay, chúng tôi đã được phép xây cất ngôi Thánh Thất mẫu số 6 trên một khoảnh đất hơn một công đất gần nơi Thánh Thất cũ và Thánh Thất nầy cột kèo bằng gỗ tạp, mái lợp và vách chung quanh đều bằng tre lá nay bị một mối ăn đã xuống cấp, dột nát.

Ngày 13-11-2011 chúng tôi đã tổ chức lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất Thánh Thất.

Sau một thời gian thi công thì nguồn thu yểm trợ việc xây cất đã cạn và việc xây cất đã gặp rất nhiều khó khăn. Cho nên, trước sự kiện nầy, chúng tôi xin quý đồng đạo, quý vị mạnh thường quân thông cảm với sự khó khăn của chúng tôi, yểm trợ chúng tôi, để chúng tôi có thể hoàn tất việc xây cất Thánh Thất  
Xin thành thật tri ân quý vị

Phú Cường, ngày 3-10-2012

TM. Ban Cai Quản Họ Đạo

Qu. Cai Quản: CTS Lê Văn Khen

### **Địa chỉ liên lạc:**

Họ Đạo Liên Xã Phú Cường & Thạnh Lộc

Ấp 3 Xã Phú Cường, Huyện Cai Lậy

Tỉnh Tiền Giang

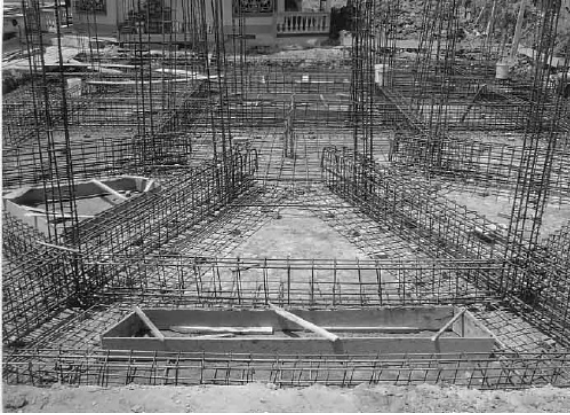
Điện thoại: 01654227236



### **3- Xây cất Thánh Thất Họ Đạo Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.**

Thánh Thất Thân Cửu Nghĩa tọa lạc tại Ấp Ngãi Lợi, Xã Thân Cửu Nghĩa, Huyện Châu Thành Tỉnh Tiền Giang, cặp Quốc lộ

1. Thánh Thất tường thập, mái lợp tiếp rô, đơn sơ mộc mạc. Đã mấy mươi năm qua, Thánh Thất đã qua 3 lần tu bổ nhưng đến nay cây đã bị mọt, tường thì thấp, không an toàn cho đồng đạo cúng kiếng khi có giông bão hoặc mưa tạt gió lùa.



Họ Đạo đã được phép xây cất Thánh Thất mới nhưng vì tài chánh đồng đạo địa phương quá giới hạn, eo hẹp, nên nay kính xin đồng đạo, mạnh thường quân và các nhà hảo tâm yểm trợ tài chánh hầu việc xây cất Thánh Thất sớm hoàn thành.

Thân Cửu Nghĩa ngày 25-11-2012 (12-10 Nhâm Thìn)

TM. Ban Cai Quản,

Cai Quản: Giáo Hữu Thượng Ân Thanh.

Trưởng Ban Xây Dựng Công Trình: CTS Trần Văn Khinh

Hộ Vụ: Thông sự Huỳnh Văn Quân.

#### **Yểm trợ xây cất xin liên lạc:**

CTS Trần Văn Khinh

Ấp Ngãi Lợi, Xã Thân Cửu Nghĩa,

Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang

ĐT: 0165-680-7739



#### **4- Xây cất Thánh Thất Họ Đạo Xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre**

##### **Tóm Lược**

Thánh Thất Thới Lai được xây dựng tạm năm Mậu Thân (1968) bằng vật liệu thô sơ trên nền đất nện, tọa lạc tại Ấp Sân Banh, xã Thới Lai trên đường về huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, vùng cận biển xa xôi.

Sau 26 năm Thánh Thất bị đóng cửa, các công trình đã bị xuống cấp và bị hư hoại hoàn toàn cộng thêm cơn bão số 9 năm 2006, Thánh Thất chỉ còn là đống đổ nát trên nền đất hoang vu.

Năm 2007 Họ Đạo Thới Lai được thành lập. Mặt bằng 451 m<sup>2</sup> được giao lại và nhưn sanh đã mua thêm đất để mở rộng mặt bằng và sau khi Họ Đạo được phép xây dựng Thánh Thất mẫu số 5, công trình đã khởi công xây dựng vào ngày mùng 4 tháng 9 năm Kỷ Sửu (2007).

Đến ngày hôm nay, công trình đã hoàn thành đến mái 3 Cửa Trùng Đài, đang xây lầu Bát Quái và đắp cột rồng, hoa văn . . . hầu kịp ngày An vị. Số công nợ càng ngày càng tăng và họ Đạo đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chánh trong việc xây cất.

Họ Đạo xin quý mạnh thường quân, quý đồng đạo giúp đỡ về tài chánh hầu Họ Đạo có ngày làm Lễ Khánh Thành Thánh Thất.

##### **Thới Lai, ngày 6-1-2013**

Qu. Cai Quản: CTS Trần Văn Khuyển

Trưởng Công Trình: PTS Lê Hồng Phong.

Thư Ký: TSự Lê Tấn Bạc.

Trưởng Kiểm Soát: Cựu CTS Võ Văn Hoàng.

##### **Địa chỉ liên lạc:**

\*- VP Ban Cai Quản Họ Đạo Thới Lai

Ấp Sân Banh, Xã Thới Lai, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre.

Điện thoại: 0753- 749532

Hoặc:

CTS Trần Văn Khuyển, Qu. Cai Quản Họ Đạo Thới Lai.

Điện thoại: 0618-4189-018

## **5- Xây cất Thánh Thất Họ Đạo Khánh Hòa, Ấp Khánh Bình, Xã Khánh Hòa, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang.**

### **Tóm Lược**

Thánh Thất Họ Đạo Khánh Hòa tọa lạc tại Ấp Khánh Bình, Xã Khánh Hòa, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang, nằm cặp ven sông Hậu đồng bằng sông Cửu Long. Thánh Thất đã được xây cất trước năm 1970 bằng cây lá bán kiên cố. Đến năm 1998, Thánh Thất đã bị dột nát xiêu vẹo nên đã được trùng tu lại nhưng cũng bằng vật liệu thô sơ.

Đến năm 2011, Thánh Thất đã xuống cấp trầm trọng và vào tháng 3-2011 Ban Cai Quản Họ Đạo đã được cấp giấy phép xây cất Thánh Thất theo mẫu số 5 bằng vật liệu kiên cố.

Đến ngày hôm nay, việc xây cất Thánh Thất cũng chưa hoàn thành và Ban Cai Quản Họ Đạo gặp rất nhiều khó khăn về tài chánh.

Do tình hình khó khăn về tài chánh trong việc xây dựng Thánh Thất, Ban Cai Quản họ Đạo khẩn thiết kêu gọi quý vị Mạnh thường quân, quý đồng đạo tùy duyên yểm trợ tài chánh hầu việc xây cất Thánh Thất sớm được hoàn thành..

### **Địa chỉ liên lạc:**

Ban Cai Quản Họ Đạo Khánh Hòa  
(Giáo hữu Thượng Lũy Thanh)  
Ấp Khánh bình, Xã Khánh Hòa  
Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang  
Điện thoại: 09-8576-2138

-----  
Số Tài Khoản: 711A62877754

Tên: Nguyễn Thanh Vũ Em

tại Ngân Hàng Công Thương Châu Đốc.

## 6- Xây cất Thánh Thất Lộc Ninh, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh



Thánh Thất Lộc Ninh Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh đã được xây cất vào năm 2006 và cho đến nay cơ sở vật chất đã bị xuống cấp trầm trọng. Và đến năm 2012 Họ Đạo đã được giấy phép xây cất Thánh Thất.

Theo giấy phép xây dựng Thánh Thất thì diện tích xây dựng Thánh Thất (tầng 1) là 454 m<sup>2</sup> (tính tròn) và chiều cao công trình là 18m.

Vào ngày 14-7-2012 Họ Đạo Lộc Ninh đã tổ chức Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên xây dựng Thánh Thất và cho đến ngày hôm nay, sau hơn 8 tháng xây dựng, công trình chỉ hoàn thiện được phần móng. Lý do là việc xây dựng thiếu kinh phí mà Họ Đạo dù đã có sự yểm trợ tài chánh tối đa của đồng đạo địa phương cũng không đủ kinh phí để tiếp tục xây dựng các hạng mục công trình khác.



Do sự thiếu kinh phí xây cất nêu trên, họ Đạo kính mong quý chức sắc, chức việc, các mạnh thường quân và các nhà đạo tâm hỗ trợ về mặt tài chánh để việc xây dựng Thánh Thất sớm được hoàn thành.

**Lộc Ninh, ngày 24-3-2013**

TM. Ban Cai Quản Họ Đạo

Cai Quản: Giáo hữu Thái Qùy Thanh.

Trưởng Ban Xây Dựng: PTS Trần Văn Sơn.

**Địa chỉ liên lạc:**

Thánh Thất Lộc Ninh

Ấp Lộc Trung - Xã Lộc Ninh

Huyện Dương Minh Châu - Tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0666-275-490

Di động: 01-286-662-101

## TIN TỨC TÓM LƯỢC

### **1- Đại hội Hội Tương Tế Cao Đài năm thứ 10 tại Thánh Thất San Jose, CA**

Vào ngày Chủ Nhật 17-3-2013 Đại hội Hội Tương Tế Cao Đài đã được diễn ra tại Thánh Thất San Jose, đường Almaden, thành phố San Jose, California.

Đại hội đã được diễn ra từ 10 giờ sáng dưới sự chủ trì của Chủ tọa Đoàn gồm có CTS Mai Ngọc Tuyết và HTDP Sam Nguyễn. Thuyết trình viên là HT Nguyễn Ngọc Dũ.

Đại hội đã được báo cáo về tình hình quỹ của Hội đến cuối năm 2012, số hội viên hiện hữu và những ưu, khuyết điểm của Hội trong năm vừa qua (2012),

Tiếp đến là phần gợi ý và thảo luận về phương thức làm thế nào để số hội viên được tăng lên, làm thế nào để Hội phát triển. . .v . .v . Một số vấn đề này đã được ghi nhận và Hội Đồng Quản Trị của Hội sẽ đem ra thảo luận trong những phiên họp của Hội Đồng.

Đại hội đã được chấm dứt vào lúc 11.30 trưa cùng ngày.

### **2- Xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.**

Công trình xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston Texas hiện nay đang bước vào giai đoạn khó khăn về mặt kỹ thuật vì những hạng mục này rất xa lạ đối với công thợ ở hải ngoại. Đại để như lắp ráp các biểu tượng, các loại cù nóc, cù mái . . . làm sao cho đúng vị trí. Điều rắc rối nhất là plafond dù Bát Quái dài, plafond dù nóc . . . rất xa lạ nên công thợ hải ngoại phải mất thì giờ nghiên cứu.

Ngoài khó khăn về kỹ thuật, còn có khó khăn về tài chánh và sự phát sanh thêm kinh phí trong tiến trình xây cất. Do đó cho nên, Ban Tạo Tác Xây cất Thánh Thất rất mong được sự quan tâm và sự yểm trợ tài chánh từ quý đồng đạo, quý đạo tâm để

việc xây cất được hoàn thành đúng hoặc sớm hơn thời gian đã dự trù.

Công trình xây dựng đã được 80%, hiện đang gấp rút làm công đoạn cuối cùng:

\*- Làm hồ sen, cầu bắc ngang,. Giữa hồ sẽ thờ tượng Phật Quan Âm bằng đá trắng, nặng 3 tấn, cao 3m50.

\*- Làm Bát Quái Đài với diềm tượng Tam giáo, ngũ chi.

\*- Làm plafond dù.

\*- Chuẩn bị xây trụ phước và cổng Tam quan sau khi hoàn tất hồ sen.



Thánh Thất Cao Đài Houston Texas (4-2013)





### 3- Sửa chữa Thánh Thất San Diego, CA



Trong thời gian qua, nhờ vào sự ủng hộ của Quý Đồng Đạo xa gần, Tộc Đạo San Diego đã sửa chữa ngôi Nhà Thờ mới mua, để tạo thành một Thánh Thất Cao Đài. Đến hôm nay, việc tu bổ bên trong Chánh Điện coi như gần xong : Nâng cao trần nhà, sơn lại toàn bộ, lót gạch và làm Chân Đế cho Bàn Thờ Đức Chí Tôn và Bàn Hộ Pháp.

Vừa rồi, bàn ghế đặt làm bên Việt Nam cũng được chuyển đến. Các Đồng Đạo thanh niên họp nhau ráp các bàn thờ, và đặc biệt vừa ráp xong 2 cây Cột Rồng và Tấm Diềm với bửu ảnh của các Đấng Giáo Chủ.

Tộc Đạo đang chờ giấy phép để tạo dựng 2 cái Lầu Chuông và Lầu Trống vào trước mặt tiền Thánh Thất, để cho Nhà Thờ có được phần nào giống với mẫu Thánh Thất của Tòa Thánh Tây



Ninh. Đồng thời Tộc Đạo cũng đang chờ sự ủng hộ tiếp theo của Quý Đồng Đạo để tiếp tục xây dựng.  
Rất mong sự giúp đỡ của Quý Đồng Đạo.

**Địa chỉ liên lạc:**

Thánh Thất San Diego  
3240 Clairemont Mesa Blvd  
San Diego, Ca 92117

**Điện thoại liên lạc:**

- CTS. Lê Quang Giai : (858) 693-7259
- Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo : (858) 538-6919



# NON BỘ

sư tâm: Lê Tấn Tài USA

Non bộ là núi giả (giả sơn) kết hợp với không gian, thời gian, sự tích, điển tích mà tạo thành. Hay nói một cách khác, non bộ là một vùng non nước trời mây thu nhỏ lại, dùng đá, vữa hồ, đất,..., tạo cảnh thiên nhiên hùng vĩ với hang động, ghềnh thác, núi cao biển rộng của cảnh thật hay cảnh tưởng tượng, được bàn tay nghệ nhân khéo léo bày xếp, giữa tạc, đục đẽo, để thiết trí trong vườn cảnh, hay trong hồ cá, hoặc ngay trong chậu cạn, đồng thời điểm xuyết, trang trí rêu cỏ, cây cối nhỏ bé có dáng vóc cổ thụ, một số hình tượng (như mục đồng, ngư ông, tiểu phu, tiên ông, đạo sĩ, chùa tháp, đèn miếu, cầu đường, ghe thuyền, thác nước đổ, phun sương, phun khói, cù lao, muông thú bằng sành, bằng đất sét v.v....) hầu diễn tả một sự tích, một câu chuyện làm cho non bộ có nội dung và linh hoạt, gợi hình, gợi cảm cho người thưởng ngoạn .

Non bộ là một thú chơi tao nhã, giàu tính nghệ thuật. Thế giới trùng điệp của núi rừng thiên nhiên bạt ngàn được sàng lọc kỹ càng, mang về tô điểm cho khung cảnh nhỏ riêng tư. Núi đồi, khe suối, sông hồ hùng vĩ được thu nhỏ lại thành một thế giới tượng trưng trong một giới hạn nào đó . Đây là thú chơi của các dân tộc Á Đông như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Việt Nam ...

Người đứng ngoài nhìn vào, đó là một khu rừng nhỏ. Nét xa xăm và cô tịch của dáng rừng tạo nên do những cành cỏ mọc mọc rải rác trên đá và trải dài trên những lối đi. Nhìn rừng cây, người ta dễ liên tưởng đến một ông tiên trên núi đi lạc về đồng bằng. Mỗi gốc cây là một dáng xưa cổ tùng hoang dã. Mỗi phiến đá như còn in dấu vết rêu phong sương tuyết của rừng sâu.

Mặc dù khó có thể tạo ra được một cảnh hoàn toàn giống với tự nhiên nhưng các nghệ nhân cố gắng bố trí các hòn đá để đạt được sự cân đối giữa Âm với Dương, giữa sự liên tục với rời rạc. Nghệ thuật tạo ra một hòn non bộ có thể diễn tả rất cô đọng trong ba từ là: Tou, Lou và Shou. “Tou” nghĩa là “trí tuệ” hay “sự hiểu biết”, do vậy các nghệ nhân thường tạo ra những khe nhỏ thông nhau giữa những hòn đá. “Lou” được hiểu là các viên đá của non bộ chỉ cho nước chảy từ một vũng nhỏ trên đỉnh xuống từng giọt một, nhưng không quá nhanh. “Shou” có nghĩa là “sự đàn trải”, các hòn đá nên đứng thẳng một mình. Hơn nữa, đỉnh của các hòn đá làm non bộ nên có kích thước lớn hơn đế, làm như vậy sẽ tạo ra cho người thưởng ngoạn một cảm giác nhẹ nhàng như thể các viên đá đang cất mình bay lên. Mặc dù ba từ này có vẻ như chỉ đề cập đến tính rời rạc không liên tục của các hòn đá, song thực tế thì chúng đã đề cập tới mối quan hệ của sự liên tục và rời rạc.



Vị trí đặt non bộ cũng có tầm quan trọng không kém. Trong một hoa viên nhỏ, những hòn non bộ được đặt đối diện với bức tường trắng. Khi đó bức tường trắng ấy trở thành một tờ giấy vẽ “hình ảnh” những hòn non bộ.

Với một khoảng sân nhỏ, non bộ thường được sắp xếp rải rác. Tuy nhiên, với một không gian rộng hơn, có thể dựng những khối đá có kích thước lớn để tạo cảm giác như đang đứng trước một ngọn núi thật. Ngoài ra, giống như các bức tường ngăn trong nhà ở. Non bộ còn có thể được sử dụng như vật ngăn cản những điều xấu xa và ngăn ngừa “tà khí” xâm nhập vào khu vườn trong, một nơi rất quan trọng theo phong thủy.

Trong hoa viên, hòn non bộ được đặt ở khu vực ngay phía sau sảnh vào vườn, do đó nó hạn chế tầm mắt của người xem nhìn thẳng vào phía trong khu vườn, làm cho không gian thêm phần bí ẩn và huyền ảo.

Các hòn non bộ không chỉ bài trí trên mặt đất mà còn có thể được đặt trong bể nước. Bài trí bờ đá bao quanh tạo ra sự kết nối liên tục giữa đất và mặt nước nên được gọi là bể non bộ. Sự bố trí bờ đá nên theo quy luật tự nhiên, các giải đá nên uốn khúc quanh co, đem lại vẻ đẹp tự nhiên cho bể nước. Đá tượng trưng cho sự rắn rỏi, còn nước tượng trưng cho sự mềm mại, ý nghĩa của đá và nước lại là một minh chứng khác cho tính cân đối giữa vật chất và phi vật chất vốn là tư tưởng chủ đạo của Lão giáo.

Trong khu vườn, nước cũng có vai trò rất quan trọng. Sự có mặt của nước sẽ tạo ra tính sống động và sức quyến rũ cho khu vườn. Trong vườn thường có cả vùng nước lớn và vùng nước nhỏ. Vùng nước lớn thì rộng rãi và cảnh mở để tiếp nhận long khí. Vùng nước nhỏ quanh co để ngăn chặn “tà khí” xuyên thẳng vào vườn. Người bố trí các nguồn nước trong vườn phải am hiểu về phong thủy để đạt được sự cân bằng giữa Âm và Dương.

Ngày nay, để có được một không gian rộng rãi cho thú chơi non bộ là rất khó, đặc biệt là các căn nhà không có vườn. Do đó non bộ có thể được đơn giản hoá và mang tính ước lệ hơn cho phù hợp với khung cảnh. Có thể tạo một non bộ nhỏ xinh xắn đặt trên một tấm kính sẫm màu trong căn phòng nhỏ ước lệ là mặt nước.

Hòn non bộ đặt trong bể cạn chẳng khác nào hòn cù lao giữa biển. Nó có kích cỡ lớn nhỏ tùy theo quan điểm và sở thích của người chơi. Cho nên cảnh quan của non bộ cũng vì thế mà mỗi nơi mỗi vẻ, mỗi chủ nhân xếp đặt, bày biện mỗi khác theo óc tưởng tượng của họ.

Lịch sử chơi non bộ bắt nguồn từ đời nhà Hán. Những bức họa trên tường đời Đông Hán (25 - 220 sau Công nguyên) còn được lưu lại có cảnh cây trồng trong chậu từ thời đó, có kèm theo vài tảng đá. Vào đời nhà Đường (618 - 907) người ta tạo ra các hòn non bộ thể hiện ý nghĩa chân thực của núi sông hùng vĩ, sơn thủy hữu tình, ở các mảnh vườn, mảnh đất hoang trống cạnh nhà, Người Nhật chơi non bộ khác người Trung Quốc ở chỗ không cấu trúc các đồ sành, sứ, gốm ... Nếu có ảnh hưởng, họ chỉ đưa vào rất ít mà chủ yếu là bố trí cây cảnh theo cách Nhật Bản, có nghĩa là cây theo dáng, tán, khóm... Người Nhật coi cỏ cây non nước là thiên đàng, George Ohsawa đã viết trong cuốn “Hoa đạo”: “Chỉ có những người thiếu tâm hồn mới không nghe được tiếng nói của hoa lá, cỏ cây... Hoa có tiếng nói của hoa, cũng như tất cả những cảnh đẹp, thiên nhiên đều có tiếng nói... Biển cả, đại dương, sông núi, ruộng đồng đều bày tỏ hùng hồn làm cho con người thấm thía, không còn gì để nói thêm, mà có nói thì cũng nghèo nàn thô thiển, chẳng đáng vào đâu so với tiếng nói của muôn đời ấy.”

Việc chơi non bộ ở nước ta ảnh hưởng của người Trung Quốc Người Việt thường lấy cảm hứng từ những ngọn núi Făng-xi-păng, dãy núi Hoàng Liên Sơn, vịnh Hạ Long, chùa Hương Tích, Chi Nê, Mỹ Đức, vùng núi cao Tây Nguyên ...v.v... làm đề tựa cho các tác phẩm non bộ ở các khu di tích, chùa chiền, hoặc ở gia đình làm phong cảnh chơi giả sơn.

Người chơi non bộ như thấy mình bé nhỏ trước thiên nhiên nhưng lại có mộng muốn dời non lấp bể, nên nhập cả hồn mình vào việc tạo ra cảnh quan non bộ cho thêm thơ mộng, hùng vĩ và linh thiêng như cảnh vật sống ở ngoài thiên nhiên...Rõ ràng là núi, động, hang, đã làm cho con người thanh thản, ray rứt, lưu luyến. Và có khi bưng tỉnh, vượt lên tất cả mọi trở lực mang

cả núi, cả biển về nhà mình! Tùy theo kỷ niệm, hoặc ý thích của từng người. Có người thích chơi núi ở đất cạn, có người thích chơi núi trong bể cảnh. Người thích các dáng núi Phương Nam, người thích thế núi Phương Bắc. Tất cả những điều ấy không ràng buộc như chơi cây cảnh. Nhưng cái khó ở chỗ đục núi, ghép núi, cách trình bày sao cho hợp lý, không gượng ép cho đến khi thấy được sự hùng vĩ, hiểm trở, hoặc phong cảnh thơ mộng, hữu tình. Các đường nét, các hang động, rêu phong, đường mòn, một chú tiểu phu, một vài con khỉ ngồi chên vênh ..v.v... chính là ngôn ngữ của non bộ.

Ở Việt Nam thường có hai kiểu tạo dáng non bộ :

**Kiểu thứ nhất:** tạo dựng lại những danh lam thắng cảnh, núi, sông, hang động, thác ghềnh nổi tiếng ở Việt Nam, như vịnh Hạ Long, Hòn Gà Chọi, Hòn Chồng, Hồ Ba Bể, Bích Động, núi chùa Non Nước, Hòn Vọng Phu, Tô Thị, v.v...

**Kiểu thứ hai:** sáng tạo các dạng lạ của phong cảnh theo trí tưởng tượng hoặc theo thần thoại, các sự tích tôn giáo, các hình thể mỹ thuật theo qui ước cổ điển, các dạng linh vật như Thiềm thừ quá hải, Mãnh hổ khai địa, Phượng hoàng đảo dực, Sư tử hí cầu, Hoàng hạc hạ sơn ( một sơn thể ), Long phụng giao đầu, Lưỡng long tranh châu, Phụ tử tình thâm, Mẫu tử tình thâm, Đồng tử bá Quan Âm ( hai sơn thể ), Thiên địa nhân, Tam Cương ( ba sơn thể ), Tứ quý ( bốn sơn thể ), Ngũ hành, Ngũ thường, Ngũ nhạc ( năm sơn thể ), Thất hiền ( bảy sơn thể ), Bát tiên ( tám sơn thể ), Quần lập ( nhiều sơn thể ), v.v....

Khi tạo dáng non bộ phải tuân hành theo luật Năm không :

- **Không xuyên tâm:** điều cấm kỵ là để một lỗ xuyên từ bên này qua bên kia thân hòn non bộ, không ai dám tạo ra, nếu có sẵn trong tự nhiên cũng không được đục đến giống như người có biệt tài song lại có tật.

- **Không phản chủ:** là phải có hòn chủ to cao, dứt khoát, giữ vai trò sinh mệnh của hòn non bộ- phân biệt rõ chủ khách...

- **Không cắt đầu hòn núi chính,** phải có phong thức là cao phong, không bị cắt bằng ngang đầu nhưng cũng không nên để

đầu nhọn quắc không đẹp, làm sao cho ngọn núi phải nhấp nhô, không nhọn, không bằng, tự nhiên mới đẹp.

- **Không triệt bộ:** là phải có đường nhỏ để đi - hợp tình hợp lý chớ không bị dẫn đến đường cùng không có lối thoát...

- **Không vô lý:** nhà cửa, người, thú phải đúng tỷ lệ, không để mục đồng chặn trâu và ngư ông ngồi câu cá trên đỉnh núi, không để con dê, con trầu kể bên con beo, con hổ... Tóm lại phải thực tế, giống khung cảnh của thiên nhiên, trái ngược lại quy luật tự nhiên là không đẹp.

Hình thể núi gồm có thế cao phong, thế huyền nham, thế bích lập, thế viễn sơn, v.v...

-**Thế cao phong:** Ngọn cao vút, đầu núi hơi tròn để tránh vẻ khiêm tốn và thể hiện một hòn núi già cổ kính. Thân núi hơi phình to, tròn có ít hang hốc, cây cỏ thưa thớt và nên có một cây nhỏ thế huyền hay hoành ở gần đỉnh hay ngang lưng. Chân núi hơi thót vào, dưới chân núi có nhà, đình, tháp, người và vật, cây cối. Núi thường được đặt cao tầm mắt người xem tạo cho hòn non bộ càng có vẻ cao vút lên nhưng rất vững chãi.

-**Thế huyền nham:** Thế này cũng có một ngọn trông cao vút, chân vững vàng nhưng thế núi như treo, trong thế đổ gục. Trên ngọn có thể đặt đình tạ và một cây có thế huyền hay hoành để như ấn thêm ngọn núi xuống.

-**Thế bích lập:** Thế núi có một mặt phẳng đứng như tường vách, cũng chỉ cần một ngọn, chân núi vững chắc có thể thót vào ở một phía. Cây cối, bể cạn, vị trí đặt bể gần giống như thế cao phong.

-**Thế viễn sơn:** Gồm nhiều hòn núi xếp lô xô cao thấp, thoải dần từ tâm ra xa, có làn nước uốn lượn giữa các chân núi. Núi đặt dưới thấp hơn tầm mắt để khi nhìn dễ cảm thấy như một vùng trời nước bao la.

Ngày xưa, các cụ thường chơi thế núi Viễn sơn, cho thế Cao phong là ngạo mạn, thiếu khiêm tốn. Nó chỉ được tạo ra bởi những người có chí ngang tàng, bất khuất. Thế núi huyền nham



thường bị kiêng bởi sợ chủ của nó sẽ bị những sự đổ vỡ không hay.

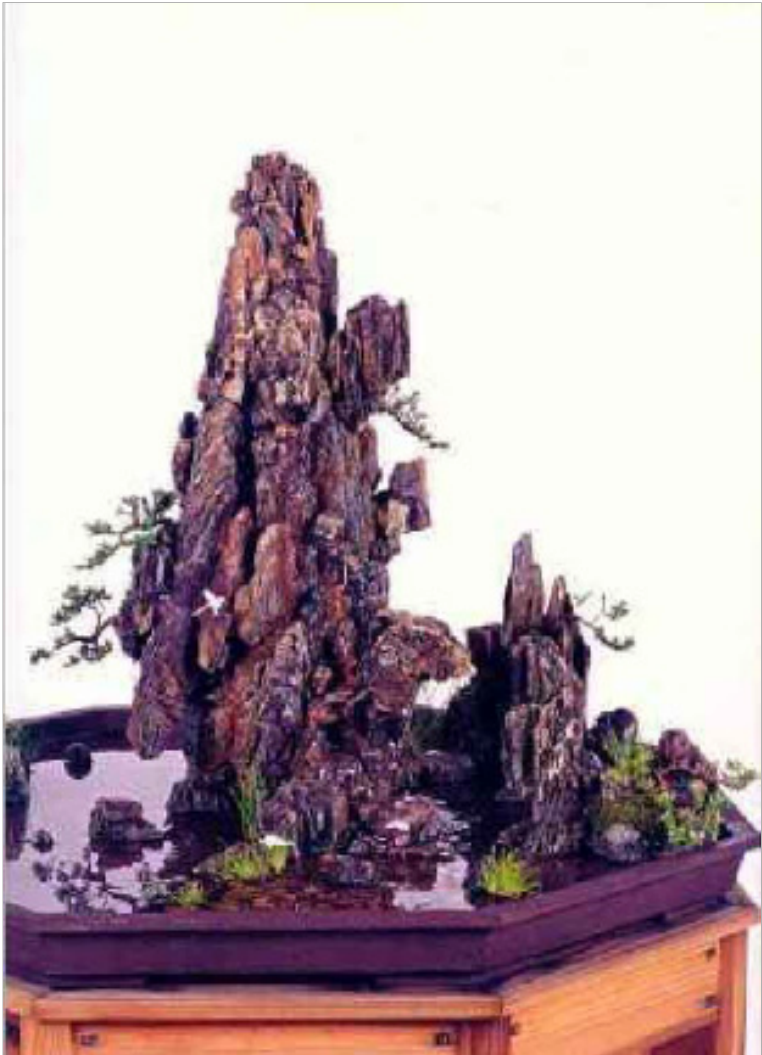
Non bộ có cái bí quyết kỳ lạ là tạo được cho những cây tùng, cây bách, cây chuối, cây liễu, cây đa, cây đào, cây mận, cây tre,... lớn như thế mà rồi trên hòn non bộ, nó chỉ còn chừng độ vài gang tay và cũng có hoa quả, cành lá màu sắc ấy, hình thù ấy nhưng nhỏ đi theo với sự nhỏ của thân cây ? Có người kể lại là người ta đã phải lấy những hột giống choắt cheo của những cây đã cần cỗi để gieo, rồi người ta phải cắt những rễ cái đi chỉ để cho rễ con hút nhựa sống, trong khi giam cây vào chỗ thật là chật hẹp và thiếu giảm hết sức những phân bón cho cây. Nhưng công việc không phải đã chỉ có thế. Còn phải làm sao cho thân cây thắt lại, khăng khiu đi, hoặc là bằng cách lấy dây thắt lại, hoặc là vắn thân cây đi, để bắt nhựa cây phải chạy chậm lại và bắt nó phải dẫn đi dài dòng hơn. Lại phải làm sao cho thân cây bật ra những cái bướu kỳ dị bằng cách tủa gọt dần, bằng cách kẹp phía này cho phía kia nẩy chồi ra, bằng cách cắt xén, buộc dây đeo đá nặng vào để kéo vít cành xuống. Người ta bỏ công đi tìm những hòn đá đã bị gió nước xoi mòn thành những hình thể không đều và có sinh khí ở các bờ bể, núi hoặc sông. Những hòn đá đó được đem về đặt ở vườn với cách thế cho người xem có ý tưởng là nó đã từ đó ra và đã có từ lâu rồi . Vì vậy người ta phải làm thế nào cho đá có rêu phong tự nhiên và sau đó đá được chuyển vào một vị trí thích đáng.

Nhưng việc lựa đá để làm hòn non cho cây cối ấy mọc lên lại cũng rất công phu. Không phải đá nào cũng dùng được. Nó phải là thứ đá có lỗ nhỏ li ti như lỗ chân lông để hút được nước ở dưới bề cạn lên cho đá lúc nào cũng ẩm ướt mà nuôi cây và có chỗ cho rễ cây đâm vào hút nước. Đá lại phải có hình thù của một cái gì hay của một con vật gì. Hình thù tự nhiên thì tốt; hoặc hình thù gằn gằn giống để cho người đeo gọt thêm chú ít rồi trồng thêm cây vào cho thành thế núi thì cũng hay.

Thường người ta đã phải mầy mò tìm kiếm không biết bao nhiêu thì giờ ở các hang động để lấy các nhũ đá, rồi nhìn ngắm, rồi tưởng tượng, mới có thể quyết định được là đặt cửa vào cắt



theo chiều thẳng này hay chiều nghiêng kia. Để rồi khi đem về đến nhà, lại nhìn ngắm, lại tưởng tượng cho cây này mọc ở chỗ nào, cây kia uốn mình ở chỗ nào, ra hoa ở chỗ nào, cao đến độ nào, để toàn thể cả cây lẫn núi thành một hình thù mà mình muốn có. Đúng y như một ông Tào Hóa con, để hết tất cả tinh thần tâm trí vào việc tạo một vật mà gần như đã truyền cả hồn của mình vào đó vậy.



Đứng trước những hòn non bộ như vậy, khi thì là hình con rồng, con phượng, con rùa, con long mã, khi thì là hình con cá, con cọp, hình người, hình mẹ bồng con, hình anh em v.v.... người ta cảm thấy lý thú lạ lùng. Đó là cái thú thoát tục, cái thú quên những phiền muộn của cuộc sống hiện tại, quên những ràng buộc vật chất và tinh thần để thả hồn phiêu diêu vào những khe vách đá, vào những dòng suối mát, vào những bóng dâm, vào những cầu quán, những hang động...

Tóm lại, là cái thú của những người đã lặn lội với cuộc sống, và bây giờ đến lúc mượn non bộ làm phương tiện để xuất thần. Đã có những người đứng trước những cây tùng của hòn non thân bằng cổ tay, lá bằng mũi kim, vào giữa mùa nắng tháng 6 mà nói rằng thấy mát cả người, như đã bước chân vào rừng tùng vậy. Lại có người khác đứng trước những bụi cỏ tranh của hòn non giữa mùa đông lạnh lẽo với những nụ đào nụ mai trên sườn non mà nói là có thể quên được cả ăn. Ta có thể tưởng tượng cái thú ấy đã làm say người như thế nào ! Say đến nỗi không cần biết đến ngày giờ trôi qua. Say đến nỗi đôi bạn tri kỷ cứ uống rượu ngắm cảnh có khi không nói với nhau lấy một tiếng, chừng như quên cả người ngồi trước mặt mình.

Cũng những núi đá ấy, người ta đã có thể lợi dụng được cả những hang hốc của nó để đặt đỉnh hương trầm vào trong, cho khói thơm bay ra ngào ngạt ở các khe các lỗ, như những làn khói lam chiều trên các mái lá ở sườn non. Người ta quả đã yêu thiên nhiên lắm, và quả đã muốn nhập một cái thiên nhiên thì mới tìm ra được cách chơi tế nhị và đầy thi vị ấy.

Alan Watts, một học giả về triết học Đông Phương, nhận xét “ nghệ thuật Thiên tông là nghệ thuật của phi nghệ thuật, nghệ thuật của sự điều khiển các bất thường.” Thiên không phải là một hệ thống tư tưởng thuần lý giúp con người tìm đến chân lý và giải thoát mà là một lối sống hiện đạt chân lý và giác ngộ bằng kinh nghiệm sống bản thân. Một đấng sống với ngoại cảnh mà không bị ràng buộc bởi ngoại cảnh, một đấng sống theo một đời sống phóng khoáng tự nhiên. Thiên học và Đạo giáo đã đi đến hòa đồng đó. Cả hai, hướng con người đến một

đời sống thanh cao, siêu thoát. Nói rằng nghệ thuật là cái gì đưa con người vượt lên trên đời sống của mình để đạt đến Chân, Thiện, Mỹ, trong ý hướng đó Thiên có một khả năng biểu hiện nghệ thuật tuyệt đỉnh. Quan niệm này cho rằng con người là một phần tử của vũ trụ. Tri thức của nhân loại không phải lệ thuộc vào một thế giới cao xa nào, mà là một phần trong cái toàn thể phối hợp và quân bình của thế giới thiên nhiên, mà những nguyên lý được Dịch Kinh phát hiện trước tiên. Trời đất cũng vậy, theo Đạo giáo, là một phần của cái toàn thể đó và thiên nhiên là MẸ của chúng ta (vạn vật chi mẫu), vì Đạo, lẽ vận hành của thiên nhiên, được biểu hiện sơ khởi bằng nguyên lý âm dương, với một quân bình sống động đã duy trì trật tự của vũ trụ. Theo nguyên lý làm nền tảng cho văn hóa phương đông này, những sự vật đối lập đều có một tương quan đối xứng và hòa hợp chứ không phải hoàn toàn tương khắc. Nền văn hóa đó không có quan niệm về sự khác biệt giữa tinh thần và vật chất, sự việc và vật loại, thiện và ác, nghệ sĩ và hoàn cảnh ... Người lập non bộ theo lối thiền không bao giờ sửa đổi các hình thể tự nhiên mà chỉ cần trọng theo dõi cái “ý hướng bất dụng ý “ của nó. Nghệ nhân vẫn có đẽo gọt, cắt xén, dũa và săn sóc cây cỏ song họ làm việc này với tinh thần nhập điệu chứ không phải là một sự sắp đặt ở bên ngoài . Không phải là họ giao cảm với thiên nhiên mà chính họ là thiên nhiên và họ trồng tía như là không trồng tía gì cả. Nhân tạo và thiên tạo đã phối hợp làm Một.

**Sưu tầm: Lê Tấn Tài USA**

# Amour et Justice

## Tình Thương & Công Chính

HT. Lê Văn Thêm

(Tiếp theo từ TSTĐ số 55)

### II- Hai trạng thái tình thương: Vị Tha & Vị Kỳ

Trong phần kết thúc trình bày lý do vì sao con người phải thương yêu nhau có sự giới thiệu hai trạng thái của tình thương. Đó là tình thương vị tha và tình thương vị kỳ.

Phải biết rõ hai loại tình thương này thì người tu mới mong đi đến kết quả tu hành mong muốn được. Với hai loại tình thương này, đạo Lão và đạo Khổng không có sự nghiên cứu đi vào chi tiết với những câu chuyện điển hình. Nhưng đạo Phật thì lại nói rất rõ, với những thí dụ và điển tích khúc chiết giải thích cho thấy rõ thế nào là vị tha, thế nào là vị kỳ.

Dưới đây là một câu chuyện với hai nhân vật điển hình là Sa Môn Gotama và bà hoàng Magandika, một vị tha, một vị kỳ, mà sách sử Phật giáo còn ghi lại như sau:

Trên bước đường hoàng hóa, một hôm Sa Môn Gotama đi đến một tiểu vương quốc nằm bên bờ sông Hằng (Ganga) giữa hai đại cường lớn mạnh là Câu Cát La (Kosala) và Ma Kiệt Đà (Magadha).

Tại làng Kamasadamyia thuộc Kosambi, một hôm Sa Môn Gotama gặp một nhà tướng số Bà La Môn. Nhà tướng số này có một cô con gái sắc nước hương trời, chim sa cá lặn. Ông không chịu gả cho ai cả và đang chờ rể đông sàng xứng đôi vừa lứa với con Ông.

Theo như lời A Nan thuật lại thì vào lúc đó Sa Môn Gotama được 44 tuổi và nhà tướng số bảo rằng đây mới đúng là người có 32 tướng tốt mà Ông hằng mong. Ông đến tiếp xúc và sau những câu chào xả giao, Ông giới thiệu con gái Ông và đề nghị Sa Môn Gotama về làm rể Ông.

Sa Môn Gotama không nói gì cả, chỉ lặng thinh. Ông tưởng đã có sự đồng ý nên vội vã về nhà cho vợ Ông hay. Bà nghe Ông nói muốn xem tận mặt nên hai vợ chồng liền trở ra chỗ cũ để xem kỹ lại. Khi họ đến nơi thì Sa Môn Gotama đã rời khỏi đó rồi. Hai vợ chồng và một nữ tỳ vội vã đi tìm.

Cách đó không xa, Sa Môn Gotama đang ngồi thọ trai. Hai vợ chồng ông Bà La Môn đi đến gặp. Ông bà đề nghị đưa Samôn Gotama về nhà ông bà để chuẩn bị làm đám cưới với con gái của ông bà. Samôn Gotama trả lời rằng Ngài đã hoàn toàn dứt hết ái dục, không còn ham muốn chuyện thế gian. Ngài bảo rằng Ngài xuống đây là chỉ vì nguyện cứu độ chúng sanh chứ chẳng phải vì Nghiệp và Ngài xin từ chối việc hôn nhân.

Vợ chồng Ông Bà Bà La Môn trở về nhà rất buồn bã và cô con gái xinh đẹp là nàng Magandika khi nghe người nữ nô tỳ nói lại là Phật không chấp nhận nàng, nàng nghĩ rằng Phật khinh rẻ nàng nên nàng giận lắm. Nàng thề quyết sẽ trả thù.

Để phục hận vì bị khinh chê, Magandika chấp nhận làm thứ hậu cho vua Udena của xứ Vamsa. Nhà vua này có một cô vương phi xinh đẹp mà vua rất sủng ái. Cô vương phi này lại là một phật tử thuần thành, nhất tâm tin nơi Tam Bảo và rất thành tín với Phật.

Thứ hậu Magandika vì ghét Phật nên ghét cả vương phi Samavati, thế là Bà tìm cách hãm hại và hành hạ vương phi cho đến chết. Còn đối với Phật, bà tìm mọi cách để báo thù. Bà âm thầm ra lệnh cho tất cả các cấp thuộc hạ, các cấp chánh quyền địa phương tìm cách gây khó dễ không cho Phật giảng đạo, truyền giáo. Hơn thế nữa Bà còn bỏ tiền ra mua nhiều đám đông côn đồ, băng đảng, du hí du thực và dân nghèo khổ chặn đường hoặc đi theo Phật để chửi.<sup>1</sup>

Bị chửi quá, chịu không nổi, A Nan bèn nói với Phật :

“Thế Tôn ơi, xin Ngài đi nơi khác đi, vì ở đây bà hoàng Magandika ra lệnh chửi dữ quá chịu hết nổi rồi.

---

*1- Theo Gót Chân Phật - Đường Xưa Mây Trắng - Thích Nhất Hạnh- NXB Lá Bối - USA- 1992- Trang 414-415.*

Phật bảo:

“Đi đâu bây giờ A Nan. Ở đây chúng sinh cần mình. Tâm bịnh chúng sinh nơi này nặng lắm. Ta phải ở lại để giúp đỡ họ”.

Phật nói như thế và vẫn ở lại chẳng chịu đi, trong khi đoàn người do bà hoàng Magandika mượn càng tiếp tục chửi bới nhiều hơn, to tiếng hơn, hung bạo hơn.

A Nan bị chửi tối tăm mày mặt thúc hối Phật nên đi ngay hay phải làm sao chớ A Nan không còn chịu nổi nữa.

Phật bảo :

“ A Nan ơi, chúng ta là người tu hành, nếu bị chửi bới hay ngay cả đánh đập, chúng ta chỉ có một bộ giáp tự vệ thôi, đó là hạnh Nhẫn Nhục và để nhẫn nhục, chúng ta phải thực tập pháp hành xả.

Thực tập phép hành xả chúng ta sẽ không thấy khó chịu hay khổ đau khi bị nhục mạ, và những người nhục mạ chửi rủa ta sẽ không làm sao gây tổn thương ta được. A Nan ơi ! Người chửi rủa người khác một cách vô cớ thì có khác nào kẻ cầm nắm cát chọi ra giữa trời ngược gió, cát sẽ bay ngược trở lại mặt mình, chẳng khác nào người muốn làm bắn trời mà phun nước miếng ấy lại rơi trở về mặt mặt người phun đó vậy. .

A Nan ơi! Bà con ở đây tâm bịnh nặng lắm. Họ nhận tiền bà hoàng vì nghèo quá, rồi chửi ta thì họ mang tội. Ta phải làm sao cứu họ khỏi tội. Ta phải ở lại đây để giảng đạo cho họ nghe, để chuyển hóa họ hầu họ có thể hưởng thiện làm lành. Ta phải ở lại giúp họ, chắc chắn rồi đây họ sẽ hiểu được thiện ý và thấy được từ tâm của ta.

Trong khi Phật và A Nan bàn bạc như vậy thì đoàn người chửi mướn đứng ngoài lắng nghe được. Họ vô cùng cảm động và ăn năn hối hận. họ cử người đại diện đi vào quỳ xuống xin lỗi Phật và cầu xin Phật đừng đi nơi khác mà nên ở lại giúp đỡ họ tu hành chuyển nghiệp.

X

X X

Câu chuyện trên đây nói lên tình thương với hai hình thức khác nhau: một vị kỷ, còn một thì vị tha.

Tình thương vị kỷ là tình thương của bà hoàng Magandika. Bà chỉ biết thương mình hay thương người chỉ vì mình và bắt buộc người phải thương lại, nếu không thì Bà sẽ hận thù. Bà không được Phật chấp nhận thành hôn nên thù hận Phật và tìm cách trả thù bằng việc hãm hại vương phi Samavati và xúi giục, mua chuộc, mướn người chửi bới Phật thậm tệ. Kết quả của thứ tình thương vị kỷ là trước tiên bà phải chịu đau khổ và cuối cùng bị vua đem giết chết do bà đã hãm hại vương phi sủng ái của vua. Tình thương vị kỷ dễ dẫn đến phiền não và khổ đau khác hẳn tình thương vị tha.

Tình thương vị tha là tình thương của Đức Phật đối với chúng sinh nói chung, và đối với những người đã chửi Ngài nói riêng. Đức Phật vì chúng sinh mà thương chúng sinh. Mặc dù bị chửi bới thậm tệ nhưng Đức Phật biết rằng nhóm chúng sinh chửi Ngài chỉ vì nghèo khổ quá và muốn có tiền để sống qua ngày nên phải đi chửi mướn. Họ chửi như vậy là họ có tội, vì hễ ác ngôn ở đâu là ác nghiệp sẽ có tại đó. Họ gặp nghiệp rồi sẽ phải trả thì tội nghiệp cho họ biết chừng nào. Nhưng họ chửi mà ta không nhận thì thôi, ta không chấp thì thôi, nào ta có hề hấn gì. Xác thân này cho rằng của ta mà còn khổ, không, vô thường, vô ngã tức chẳng thật thì tiếng chửi, lời chê có thật được ở chỗ nào. Vậy ta chấp làm chi. Ta cứ hành hạnh hỉ xả và từ bi, bỏ qua, tha thứ và thương họ thì ta nào có hề hấn gì. Ta tha thứ cho họ ta sẽ an vui và họ cũng được nhẹ tội. Tình thương vị tha đem lại vui tươi, an lạc là như vậy đó.

Tóm lại tình thương vị kỷ dễ đưa đến ưu tư, khổ đau, phiền não. Còn tình thương vị tha tức tâm từ thì chắc chắn mang lại hạnh phúc, an lạc và thanh nhàn. Như vậy điều cần thiết là nên biết rõ thế nào là tình thương vị kỷ và thế nào là tình thương vị tha, để với mỗi tình vị kỷ thì nên dè dặt, thận trọng và trong trường hợp cần thiết thì phải lánh xa, còn đối với tình vị tha thì nên tập tâm, hành xử, vun bồi.

Người tu nào muốn tu hành đến được với Đạo và đạt được Đạo thì phải biết rõ tâm từ, phải tâm chứng, tâm nhập và hành xử tâm từ sẽ được trình bày ở phần sau và rõ nhất là phần viết về giáo lý của Đạo Cao Đài mà với kinh kệ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì Từ tâm hay Từ bi chính là một Đức Phật, chính là Đức Chí Tôn.

Có Tâm từ và luôn sống với với tâm từ thì người tu mới có thể tri kiến giải thoát để tự mình giải thoát cho mình, rồi kế tiếp sau đó giúp mọi người cùng giải thoát.

Câu chuyện bà hoàng Magandika và Phật Thích Ca được viết dựa theo quyển sách “Đường Xưa Mây Trắng” như đã có ghi. Quyển sách này được viết với tài liệu phần lớn căn cứ vào kinh Nikaya và kinh A Hàm tức kinh của Phật giáo Nam Tông, còn được gọi là Phật giáo Nguyên Thủy hay Phật giáo Tiểu Thừa, và lời thuyết pháp của Ni Sư Huệ Hạnh tức Sư Cô Như Thủy gốc Thiền phái Trúc Lâm, được ghi trong băng nhựa (audio tape) có tựa đề “Đức Phật và những chương ngại” phát hành do Thiền viện Thường Chiếu thuộc Quận Long Thành, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam.

### **III- Tình thương Vị Kỳ**

Tình thương vị kỳ được diễn tả qua một câu chuyện như sau: Vào thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế thì Ấn độ được chia ra làm nhiều xứ trong đó có hai xứ lớn nhất là Câu Tát La (Kosala) và Ma Kiệt Đà (Magadha).

Tại xứ Kosala có một vị vua tên là Ba Tư Nặc (Pasenadi). Vua Ba Tư Nặc vì mến mộ Đức Phật do đó muốn kết thân với dòng họ Thích Ca trị vì vương quốc Sakya. Vua đã cầu hôn và được dòng họ Thích gả cho nàng công chúa tên là Mạc Lợi (Mallika).

Mạc Lợi phu nhân với vua Ba Tư Nặc có hai người con mà danh tiếng còn lưu truyền mãi, đó là Lưu Ly Vương con trai và người con gái là hoàng hậu Thắng Man.

Có một hôm vua Ba Tư Nặc hỏi Mạc Lợi phu nhân rằng:



-Trẫm hỏi thật và yệu cầu khanh cũng nói thật, vậy chớ trên đời này ái khanh yêu ai nhất?

Phu nhân Mạc Lợi đáp ngay rằng:

-Dĩ nhiên người mà thần thiếp yêu thương nhất là Bệ Hạ.

Nghe phu nhân trả lời như thế, nhà vua rất vui và nói tiếp:

-Trẫm biết chắc là ái khanh sẽ trả lời như thế.

Phu nhân mỉm cười và nói rằng:

-Muôn tâu bệ hạ, nếu Thánh Thượng cho phép thì thần thiếp sẽ nói khác đi một tí nhưng xác thiệt hơn.

Vua Ba Tư Nặc ngạc nhiên dù vậy vẫn cứ gật đầu và bảo:

-Khanh cứ nói.

Phu nhân bèn thưa rằng:

-Muôn tâu bệ hạ, người mà thần thiếp yêu thương nhất không phải là Bệ Hạ đâu, mà chính là bản thân của thần thiếp đây ạ.

Vua tỏ vẻ không hiểu và nói: -Trẫm không hiểu khanh muốn nói gì. Tại sao mình lại yêu chính riêng mình? Thế là sao?

Phu nhân Mạc Lợi ôn tồn giải thích:

-Muôn tâu Bệ hạ, vì có thương mình nên thần thiếp mới yêu thương Bệ hạ. Sở dĩ thần thiếp yêu thương Bệ hạ nhiều vì Bệ hạ là người đã đem lại hạnh phúc cho sắc thân này, cho tự ngã này, tức thần thiếp đó.

Vua nói:

- Trẫm đem hạnh phúc cho ái khanh. Trẫm biết rõ điều đó.

Phu nhân im lặng một vài giây rồi xin vua cho mình được nêu ra một câu hỏi. Vua bằng lòng.

Muôn tâu Bệ hạ, thần thiếp xin hỏi vậy, chớ trên đời này Bệ hạ yêu thương ai nhất?"

Thì trẫm thương yêu ái khanh nhất chớ còn ai hơn!.

Phu nhân lại hỏi tiếp:

-Giả sử thần thiếp lại yêu thương một người đàn ông khác thì

Bệ hạ nghĩ sao?

Vua nghe vậy nổi cáu, lúng túng trả lời:

-Trẫm sẽ, trẫm sẽ . . . .

Thần thiếp biết chắc Bệ hạ sẽ nổi trận lôi đình và giết thần thiếp lập tức, có phải vậy không Bệ hạ?

Vua ấp úng và bảo có lẽ khanh nói đúng.

Phu nhân Mạc Lợi ứng ý mỉm cười, nhìn nhà vua và giải thích như sau:

- Thế là Bệ hạ đã đáp câu hỏi của thần thiếp rồi. Nói yêu người ta nhất đời, mà khi người ta yêu kẻ khác thì lại chặt đầu. Như vậy có phải thật thương người vì người chưa, hay là thương người chỉ vì mình. Đó là tình thương vị kỷ chứ nào phải vị tha. Nếu thương người vì người thì dù người đó thương ai thì mình cũng vẫn thương người đó. Đằng này mình nói yêu thương người ta nhất đời mà khi người ta yêu thương người khác thì mình lại đi giết người ta. Đây chỉ là tình thương vị kỷ, vì mình mà thương, thương để cho riêng mình, tức thương người chỉ vì mình, vì tự ngã nên thương người khác. Đó là do ái ngã, và đó là ái dục.

Tóm lại, tình thương vị kỷ là mình chỉ thương mình, thương người vì mình, để cho mình, nói rõ hơn là chỉ do ái ngã mà thôi. Nó có nguồn gốc là những dính mắc, phân biệt, đam mê và là nguyên nhân của ưu tư và phiền não. Tất cả đều do ái dục mà ái dục là đau khổ.

### **A- Ái dục là đau khổ.**

Ái dục là một thứ tình yêu dựa trên căn bản dục vọng, đam mê và vướng mắc. Ái dục là một tình thương yêu mà nếu càng thương yêu nhiều thì càng lo lắng nhiều. Càng yêu thương nhiều thì càng dễ thất vọng nhiều và càng thương yêu nhiều thì càng dễ phiền não và khổ đau nhiều. Nói rõ hơn, ái dục là nguồn gốc của hầu hết mọi khổ đau và phiền não.

Ái dục là nguồn gốc của khổ đau và phiền não sẽ được trình

bày qua câu chuyện sau đây liên quan đến Đức Phật Thích Ca khi Ngài còn tại thế.

Một hôm có một người đàn ông hốt hải chạy đến tìm Phật. Phật hỏi lý do, Ông ấy bảo rằng ông ta có một đứa con thương yêu duy nhất vừa mới chết. Ông khổ đau quá. Ông vừa khóc vừa kêu la thảm thiết như một kẻ mất hồn. Ông ta xin Phật cứu con Ông, nhưng Phật phải làm sao bây giờ. Phật nói:

-Đời là như thế đó, nầy ông bạn. Hễ có thương là có khổ.

Người đàn ông không chấp nhận lời nói của Phật, Ông ta phản đối:

-Thầy nói sai rồi. Thương không làm cho người ta khổ. Thương chỉ đem lại cho người ta hạnh phúc và niềm vui mà thôi.

Nói xong người ấy tỏ vẻ vô cùng bất mãn và bỏ đi.

Ông đi đến một sông bạc, buồn quá, ngồi vào chiếu bạc để đánh. Vừa đánh ông vừa kể lại chuyện mới gặp Phật và Phật nói tình thương là đau khổ, ông không đồng ý. Ông bảo Phật nói sai “Làm sao thương mà đau khổ được. Thương chỉ đem lại hạnh phúc và vui sướng mà thôi”.

Tất cả những người trong sông bạc đều hô to lên một tiếng:

“Đúng! Ông nói đúng! còn Samôn Gotama đã nói sai rồi”.

Câu chuyện người đàn ông mất con gặp Phật và bất đồng với lời Phật nói được các lãnh tụ giáo phái địa phương vì ghét Phật nên khai thác và chỉ trích, bảo rằng Phật không hiểu gì về tình thương. Phật đã nói sai và câu chuyện này cứ được bàn tán rộng ra mãi đến tai của vua Ba Tư Nặc.

Nhà vua sau buổi ngự triều về gặp hoàng hậu Mạc Lợi và nói ngay với hoàng hậu như sau:

- Không biết tại sao Samôn Gotama lại nói càng thương nhiều thì càng phải khổ đau phiền não nhiều. Không biết có đúng vậy không?

Qua lời nói của vua, hoàng hậu im lặng chẳng trả lời gì cả. Bà âm thầm sau đó cho một người thân tín là Nalijangha đích thân đến gặp Phật và hỏi Phật nhằm biết rõ thực hư như thế nào.

Nalijangha được Phật kể lại những câu chuyện cho nghe chứng tỏ đúng Ái là khổ. Phật nói:

-” Tại thành Xá Vệ này tôi nghe có một thiếu nữ vừa mất mẹ và suốt ngày cứ đi ngoài đường không ăn uống gì cả, gặp ai cũng hỏi có thấy mẹ cô ta ở đâu không? Cô ta đã điên loạn, thật khổ và tội nghiệp quá!”

“ Cũng tại thành Xá Vệ, ta nghe có một cặp nam nữ yêu nhau tha thiết, nhưng tình yêu của họ không được gia đình hai bên chấp thuận vì lý do họ đối môn đẳng. Hai gia đình bắt họ phải thành hôn với những người khác mà họ chẳng yêu thương. Họ bị ép duyên và cuối cùng, không lối thoát, họ đã lựa chọn con đường cùng chết chung nhau, để được chung tình. Thế là họ tự tử. Thật tội nghiệp cho họ quá!”.

Và Phật kết luận chỉ nội 2 câu chuyện này thôi cũng đủ chứng minh ái là khổ phải không?.

Sau khi Nalijandha về thuật lại cho hoàng hậu Mạc Lợi nghe, hoàng hậu chờ đến một hôm nọ, nhân khi vua rảnh rỗi, mới hỏi nhà vua rằng:

-Có phải công chúa Vajiri là người mà Bệ hạ thương yêu và cưng chiều nhất phải không?

Vua Ba Tư Nặc đáp phải. Ta thương yêu và cưng chiều con ta nhất.

Hoàng hậu hỏi tiếp:

-Giả sử có chuyện gì không may xảy đến cho công chúa Vajiri thì Bệ hạ sẽ lo lắng và sầu khổ lắm phải không?

Nhà vua như tỉnh thức, giật mình. Đến lúc này nhà vua mới thấy đúng. Ái là khổ vì trong Ái sẽ có những mầm mống của vướng mắc, lo lắng, phân biệt, phiền não, khổ đau và thất vọng. Vua thấy rõ ràng tình thương vị kỷ là khổ quả thật không sai <sup>2</sup> Thật quả đúng là:

“ Ái hà thiêu xích lảng,

2- Theo gót chân Phật - Đường Xưa Mây Trắng - NXB Lá Bối USA - 1992 - Trang 260-262.

Khổ hải vạn trùng ba.”

## **B- Ái Dục là tình thương vị kỷ**

Để chỉ rõ ái dục là tình thương vị kỷ và tình thương vị kỷ là nguồn gốc của những sầu não khổ đau, xin được nhắc lại một câu chuyện liên quan đến vua Ba Tư Nặc, một vị vua vẫn chưa hiểu rõ tình thương thế nào là vị kỷ, thế nào là vị tha, vẫn còn nhiều mắc mứu nên một hôm tìm đến bàn luận với Phật.

Vua chỉ đến một mình, không có văn võ quan tùy tùng, cũng không có hoàng hậu hay công chúa đi theo. Khi đến trước tịnh xá Kỳ Viên, vua để xe và thị vệ ở ngoài cổng rồi đi bộ vào am lá và được Phật tiếp tại đây.

Sau khi an vị và trao đổi những lời chào mừng chúc tụng, vua bắt đầu hỏi Phật:

-Thưa Samôn Gotama! Có người nói rằng Ngài chủ trương không nên đắm say với tình thương vị kỷ vì càng thương yêu thì càng phiền não và khổ đau nhiều, càng thương yêu thì càng lo lắng cũng như càng thất vọng nhiều hơn. Trẫm nghĩ điều đó có thể đúng nhưng sao lòng trẫm vẫn lo âu, dạ vẫn không yên. Trẫm nghĩ rằng nếu không thương yêu, nếu thiếu tình thương thì cuộc đời sẽ phải khô cạn, cuộc sống sẽ vì đó mà trở nên vô vị và khô khan lắm chăng? Xin Phật giảiùm trẫm nan đề này<sup>3</sup>.

Qua câu hỏi của nhà vua, Phật bảo rằng:

-Đại Vương! Sẽ có nhiều người hiểu rõ tình thương hơn nhờ câu hỏi của Đại Vương. Đây là một câu hỏi khai sáng cho thấy sự thương yêu có rất nhiều nghĩa, và vấn đề quan trọng là ta phải xét cho kỹ và hiểu tận tường bản chất của từng loại thương yêu. Có loại thương yêu vì mình mà thương người, hay thương người chỉ vì mình, đó là tình thương vị kỷ. Rồi cũng có loại thương yêu chỉ vì người mà thương, chớ chẳng phải vì mình, đó là tình thương vị tha.

Tình thương vị kỷ là thứ thương yêu dựa trên căn bản của dục vọng. Đây là loại tình thương có thể đem lại hạnh phúc thế

3- Sách đã dẫn - Trang 263-264

gian mà cũng có thể đưa đến phiền não khổ đau do đam mê và vương mắc, cũng như do phân biệt và kỳ thị mà người đời thường hay nói tới là tình yêu đôi lứa giữa vợ chồng, giữa cha mẹ con cái, hoặc giữa những người cùng thân tộc họ hàng, cùng chung bộ lạc, giai cấp, đảng phái hay cùng chung một quốc gia.

Đại vương nhớ chăng tại thành Xá Vệ này mới cách đây chỉ có mười hôm, một chuyện thương tâm đã xảy ra làm xao động tất cả mọi người chỉ vì tình thương vị kỷ, tình thương không được đền đáp hay bồi đắp đã biến thành hận thù và gây đổ vỡ không phương cứu chữa.

Chắc Đại vương còn nhớ vụ một bà mẹ cảm thấy mất mát khi đưa con trai duy nhất của bà mà bà một mực thương yêu lại đem lòng yêu một thiếu nữ mà bà không thể chấp nhận. Mặc dù bà chống đối quyết liệt nhưng cậu con trai vẫn cãi lại bà và vẫn đem cô ấy về nhà làm vợ. Bà mẹ vì quá bức tức, thay vì thấy mình có thêm một đứa con lại cho rằng mình mất hẳn con ruột của mình. Bà cảm thấy con trai bà đã phản bội lại bà, phản bội tình thương, tình mẫu tử của bà. Bà quá phẫn hận trở nên thù hận nên một hôm bà bỏ thuốc độc vào thức ăn và cả con trai cũng như cô dâu đều chết vì ngộ độc.<sup>4</sup>

Đại vương thấy không! Thương yêu mà còn dựa vào “Tôi” và “Của tôi” đó là tình thương vị kỷ. Vì vị kỷ, vì thương mình, vì cái ngã của mình nên bà mẹ sợ mất con mình, và khi thấy con của mình yêu người khác nên hận thù, do đó giết con và giết cả nàng dâu, như vậy là đã vô minh nên vương mắc hoàn toàn rồi. Bà đã vì tự ngã, vì vị kỷ mà đã tạo tội, gây khổ đau cho mình và cho bao người khác. Tình thương vị kỷ vương mắc, phân biệt và khổ đau là như vậy đó. Chỉ vì vương mắc cho nên mỗi khi bất trắc xảy đến thì phải gánh chịu đau thương sâu khổ và thất vọng ê chề. Và chỉ vì phân biệt nên chỉ biết thương những gì là “của mình”, do đó nên có thái độ kỳ thị, hờ hững và ghét bỏ đối với những người mà mình không thương.

---

4- Sách đã dẫn - Trang 268.

Vương mắc và phân biệt là những nguyên nhân của khổ đau, khổ đau cho mình và khổ đau cho bao nhiêu người khác. Đại vương ơi, ở đây ta chỉ nói thương người chỉ vì mình, chỉ vì tình thương ấy dựa vào ý niệm “Tôi” và “ Của Tôi” , khác hẳn thứ tình thương mà cuộc đời rất cần đến, vạn loại muôn loài đều khao khát ước mong, đó là tình thương vị tha hay tâm từ, cũng còn được gọi là lòng Từ Bi mà ta sẽ nói tiếp nếu Đại vương muốn tìm hiểu.<sup>5</sup>

(Còn tiếp)

**HT. Lê Văn Thêm**

## SÁCH MỚI

Phát hành Tháng 4-2013

**Bí Pháp Dâng Tam Bửu**

**Bí Pháp Giải Thoát**

Soạn giả: HT. Lê Văn Thêm

\*- Sách in lần thứ nhất tại Hoa Kỳ, Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản.

\*- Sách **Biếu Không - Không Bán**.

\*- Nhận sách, xin vui lòng liên lạc:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

(HT Nguyễn Đăng Khích)

Điện thoại: 408-926-9186

Email: tn\_ndk@yahoo.com

---

*5- Câu chuyện Ái dục là đau khổ, chuyện Vua Ba Tư Nặc đi thăm Phật và Phật dạy về Từ Bi được viết căn cứ vào Ái Sinh Kinh (Trung A Hàm trang 216), Mettesutta (Sutta-Nikaya trang 1,8), Udana VI trang 4), Piyajatikasutta (Majjhima- Nikaya trang 87) Đường Xuta Mây Trắng Chương 42, Trang 264-270 và Trang 593-934)*

# NGÀI HUYỀN TRANG

Thích Thiện Siêu



**Minh Họa Ngài Huyền Trang**



Ngài Huyền Trang theo truyện Tây Du không gọi là Huyền Trang mà gọi là Tam Tạng thỉnh kinh hay Đường Tăng. Trong sách nói đủ là Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.

Đường Tăng tức là một vị Tăng đời Đường. Đời nhà Đường thì có nhiều vị Tăng đi cầu kinh nhưng chỉ có Ngài là đặc biệt nhất, nổi nhất, cho nên nhiều khi họ nói Đường Tăng đó là chỉ cho Ngài Huyền Trang. Còn Tam tạng Pháp sư là gồm Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Vì Ngài là vị thông hiểu cả Tam tạng Kinh, Luật, Luận nên gọi là Tam tạng Pháp sư.

Tiểu sử của Ngài có nhiều người viết khắp nơi trên thế giới. Riêng Việt Nam có 4, 5 người viết như Hòa thượng Thích Minh Châu 1 bản, đạo hữu Võ Đình Cường 1 bản, Trần Hà cũng có 1 bài, ông Nguyễn Hiến Lê cũng có 1 bài... Trong tiểu sử đầy đủ nói về Ngài thì có tập của Hòa thượng Thích Minh Châu và của đạo hữu Võ Đình Cường nhưng nói tóm tắt thì có bài của Trần Hà và của nhà học giả Nguyễn Hiến Lê. Trong số này theo tôi thì bài của Nguyễn Hiến Lê là súc tích nhất và có nhiều ý, nhiều cảm tưởng thâm thúy với Ngài – một lịch sử rất đặc biệt. Ông Nguyễn Hiến Lê là một học giả nổi tiếng của miền Nam trước đây.

Trong bài này tôi dựa vào bản của Nguyễn Hiến Lê để tóm tắt. Ông Nguyễn Hiến Lê trong bài viết ông đặt đề: “Huyền Trang và công cuộc thỉnh kinh vô tiền khoáng hậu của nhân loại”.

Với phụ đề như vậy chúng ta biết Huyền Trang là người như thế nào và vĩ đại ra sao rồi? Một cuộc thỉnh kinh vô tiền khoáng hậu của nhân loại – của nhân loại chứ không phải của riêng nước Trung Hoa – mà cuộc thỉnh kinh ấy vô tiền khoáng hậu, tức trước không hề có và sau ngài cũng không hề có được, không ai làm một cuộc thỉnh kinh như vậy nên gọi là vô tiền khoáng hậu. Nội câu phụ đề của ông Nguyễn Hiến Lê đặt vào đó, chúng ta thấy cái vĩ đại cao thượng như thế nào của ngài Huyền Trang rồi.

[“Huyền Trang (tiếng Pháp phiên âm là Hiuan-tsang) không phải là một triết nhân, chẳng phát huy thêm được cái gì cho đạo, ông cũng không phải là một văn hào hay một nhà khoa học, là càng không phải là một nhà thám hiểm như Christophe Colomb, Magellan, ông chỉ là một Pháp sư đi hành hương ở đất Phật; vậy mà sự nghiệp của ông đối với đạo Phật quan trọng hơn sự nghiệp của Chu Hi đối với đạo Khổng. Ông lại tặng dân tộc Trung Hoa bảy mươi lăm bộ sách, gồm trên ngàn quyển, làm giàu cho Hoa ngữ được trên vạn tiếng; và lưu lại cho nhân loại vô số tài liệu rất quý về phong tục, khí hậu, sông núi, cỏ cây, di tích của những miền hoang vu, huyền bí ở Trung bộ Á Châu, nhất là Ấy Độ, những tài liệu mà các nhà thám hiểm phương Tây tới sau ông đều phải khen là rất đích xác, rất quý báu. Thử hỏi, trong lịch sử nhân loại có vị danh nhân thứ hai nào như ông không? Nội một việc dân tộc Trung Hoa thần kỳ hóa cuộc đi thỉnh Kinh của ông, truyền miệng cho nhau sao chép lại thành một bộ tiểu thuyết tức bộ Tây Du Ký – cũng là một cái vinh dự mà từ xưa đến nay chưa ai được nhận nữa! Nhất là đọc xong tiểu sử của ông ta mới thấy tấm gương của ông để lại cho ta soi không có một chút vết. Các vĩ nhân khác, trừ vài vị Thánh, còn có thể có chỗ cho ta không phục, còn ông thì suốt đời thanh đạm, can đảm, cần cù, hiếu học, lễ độ, khiêm tốn, trong sạch và hy sinh.

### **Tôi muốn có một bức chân dung của ông quá!”]**

*Câu mở đầu của nhà học giả Nguyễn Hiến Lê ca ngợi Ngài Huyền Trang như vậy, chúng ta thấy và tưởng tượng cái tiểu sử của ngài làm sao nói cho hết được. Một nhà học giả người ngoại đạo chứ không phải trong đạo, lẽ tất nhiên câu nói của họ ở đây có một nhận xét rất khách quan, chứ không vì tín ngưỡng người trong Đạo nói với người trong Đạo. Nội chữ ông dùng trên đủ thấy ông kính phục và ca ngợi Ngài hết lời. “Đọc xong tiểu sử của ông ta mới thấy tấm gương của ông để lại cho chúng ta soi không có một chút vết. Các vĩ nhân khác, trừ vài vị Thánh còn có chỗ cho ta không phục. Còn ông thì suốt đời thanh đạm, can đảm, cần cù, hiếu học, lễ độ, khiêm tốn, trong*

sạch và hy sinh”.

*Bao nhiêu chuyện hay, bao nhiêu từ ngữ tốt đẹp đều gồm trong lời ca ngợi trên hết – có đủ nơi ngài hết. Christophe Colomb là nhà thám hiểm tìm ra Châu Mỹ, Magellan là người đi chu du khắp thế giới. Ông nêu lên hai người ấy để so sánh qua việc của Ngài, không phải là nhà thám hiểm, không phải là nhà văn hào, không phải là nhà khoa học cũng không phải là triết nhân. Thế nhưng, công lao của ngài đối với đạo Phật, đối với Trung Hoa, và đối với nhân loại cũng lớn lao lắm.*

[ Ông sinh năm 602 sau công nguyên, năm thứ 14 đời Tùy Văn đế <sup>1</sup> tại huyện Câu Thị (Lộ châu: hiện là huyện Yên Sa, tỉnh Hà Nam), trong một gia đình vọng tộc, Tăng tổ là Trần Khâm được phong tước Khai quốc quận công đời Bắc Ngụy; tổ phụ là Trần Hương làm Quốc sử bác sĩ đời Bắc Tề, thân phụ là Trần Tuệ làm chức quan huyện ở Giang Lăng đời Tùy, sau thấy Tùy Dạng Đế là một hôn quân, chán nản, từ quan về nhà dạy học. Ông tên thật là Trần Vỹ, đứng hàng con út. Người anh thứ hai, Trần Tố, làm Hòa thượng chùa Tịnh độ (Lạc Dương). Như vậy gia đình ông là một gia đình nhà Nho, phát ở thời Nam Bắc Triều, mà thời đó là một thời rất thịnh của đạo Phật ở Trung Quốc.

Đạo Phật bắt đầu vào Trung Quốc có lẽ từ đời tiền Hán, đến đời hậu Hán ảnh hưởng còn ít; qua đời Đông Tấn và Nam Bắc Triều, nhân xã hội Trung Hoa hủ bại, loạn lạc liên miên, dân chúng khổ sở, không tìm được niềm an ủi ở đạo Khổng, nên

---

*1-Ong Trần Hà trong bài Trần Huyền Trang và chuyến thỉnh kinh lịch sử (Bách khoa số 57 – ngày 15-5-59 nói Huyền Trang sinh năm 596 (năm thứ 16 đời Tùy Văn Đế). Tôi theo René Grousset trong cuốn Sur les traces de Bouddha (Plon-1948), tr. 22 Từ Hải không cho biết năm sinh và năm tịch của Huyền Trang nhưng có nói năm Trinh Quán thứ nhất (Trinh Quán là niên hiệu của Đường Thái Tông), tức 627 Tây lịch, Huyền Trang 26 tuổi (tuổi tính theo phương Đông), vậy hợp với thuyết của Grousset: Huyền Trang sinh năm 602. Và lại, Nếu Huyền Trang sinh năm đó là năm thứ 8 của đời Tùy Văn Đế, chứ không phải là năm thứ 16.*

quay về đạo Lão, nhất là đạo Phật, nhờ vậy đạo Phật mới có cơ sở phát triển mạnh mẽ. Sử chép đời Bắc Triều đã có non 900 chùa Phật và tại Lạc Dương, Tăng ni ở các nước họp nhau lại có trên 3.000 người. Từ vua quan đến dân chúng, ai cũng sùng bái đạo Phật. Tăng Ni được miễn thuế, sưu dịch; cho nên càng loạn lạc, càng nghèo khổ, dân chúng lại càng chạy vào ẩn náu dưới cửa chùa Phật. Người có của cũng xin đầu Phật, để đất đai khỏi phải đóng thuế, thành thử đạo Phật phát triển rất mau; đến đời Bắc Ngụy, nhà chùa chiếm được một phần ba tổng số diện tích đất đai trong nước.

Cuối đời Nam Bắc Triều, nhà Châu thấy nguy cơ cho triều đình, chủ trương diệt đạo Phật, bắt ba triệu Tăng Ni hồi tục và ra lệnh phá rất nhiều chùa chiền. Nhưng đến cuối thế kỷ thứ VI, đạo Phật lại phục hưng, rồi nhân chính sách bạo tàn của Tùy Dạng Đế làm cho dân chúng lầm than, điều đứng (ba lần chiến tranh với Cao Ly, động viên đến hơn một triệu tráng đinh nhưng thua; một lần xuống Giang Nam ngấm quỳnh hoa nở, mà bắt hơn một triệu dân để đào kinh từ Lạc Dương đến Giang Đô), chùa chiền lại mọc lên rất nhiều, mở rộng cửa đón những kẻ chán ngán thời cuộc hoặc trốn sưu thuế.

Thân phụ Huyền Trang là một trong những người chán ngán đó. Ông không quy y, vẫn giữ đạo Nho, nhưng ham đọc kinh của đạo Lão và đạo Phật”.]

*Lúc tám tuổi thích nghi lễ, rất nghiêm cẩn, có lễ độ, tính tình ngay thẳng, không thích nhảy nhót, không ngờ ngạc y như các em bé khác. Lúc cha Ngài đem Hiếu kinh giảng cho ngài nghe, đến đoạn ông Tăng Tử khi nghe giảng bèn đứng dậy nghe thầy giảng kinh. Thấy ông Tăng Tử như vậy, khi Ngài đang ngồi nghe cha giảng kinh, Ngài cũng đứng dậy sửa áo. Cha ngài ngạc nhiên hỏi tại sao đang ngồi nghe như vậy mà đứng dậy là nghĩa làm sao? Ngài thưa: Tăng Tử nghe thầy giảng mà còn đứng nghiêm trang thay hướng chỉ con nghe cha dạy mà con không đứng dậy là vô lễ. Thế cho biết lúc tám tuổi ngài đã như vậy rồi. Từ đó chúng ta biết tinh thần của ngài ra sao rồi.*

[“Huyền Trang, hồi tám tuổi đã thích lễ nghi, tính tình nghiêm cần. Ít năm sau, một người anh là Tố quy y, Huyền Trang được nghe anh thỉnh thoảng giảng đạo Phật cho nghe, ham mê cũng muốn theo anh. Năm 13 tuổi, ông lại chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương xin quy y. Mới đầu, nhà chùa còn do dự, chề ông nhỏ tuổi quá, sau thấy ông thành tâm và thông minh lạ thường, nên chấp thuận.”<sup>2]</sup>

*Lúc bấy giờ ở ngôi chùa Tịnh Độ được phép của nhà vua tuyển chọn thêm 27 vị Tăng. Trong khi đó người xin vô làm Tăng có các 100. Người đại diện Triều đình đến tuyển chọn tên là Trịnh Thiện Quả. Ngài Huyền Trang tuổi nhỏ nên không được đưa vào danh sách tuyển chọn. Nhưng Ngài cứ đứng lấp ló ngoài cửa lắng nghe. Trịnh Thiện Quả thấy vậy liền hỏi về tuổi tác, quê quán, sở thích... Đặc biệt khi hỏi vì sao ngài muốn đi xuất gia? Ngài trả lời: Tôi xin xuất gia là vì 2 lý do: xa thì nối Phật, Như Lai, gần thì làm sáng như Phật (Viễn thiệu Như Lai, cận quan như pháp). Câu này có ý nói: Tôi xuất gia ý nhìn về xa, về trước, về đức Phật, tôi muốn nối dõi giòng giống của Phật. Nhìn về gần trong hiện tại tôi muốn là sáng giáo pháp đang di truyền của Ngài vậy. Xuất gia là vì mục đích đó. Trong khi tuổi đang còn nhỏ, chỗ Triều đình tuyển Tăng, vì tuổi nhỏ không được tuyển, cũng không chịu về nhà đứng thờ thần lấp ló để mà nghe ngóng, ham thích cái chuyện xuất gia đó, cho nên khi trả*

*2-Theo Nguyễn Huy Khánh, tác giả cuốn khảo luận tiểu thuyết Trung Hoa thì lần đó chùa Tịnh Độ được lệnh triều đình chọn 27 vị Hòa thượng. Muốn làm Hòa thượng phải qua một kỳ sát hạch về trình độ học vấn và tư cách đạo đức (quy chế đó có từ đời Tùy hết đời Minh mới bãi bỏ). Số người ứng thi có đến mấy trăm. Huyền Trang cũng ghi tên, nhưng vì nhỏ tuổi không được phép dự. Tuy vậy, cậu bé thông minh ấy vẫn không nản lòng, cứ núp gần công môn mà nghe lỏm. Một bữa Trịnh Thiện Quả – người Triều đình phái tới – thấy cậu bé đứng rình nghe biết là người có chí, lại thấy hình dung tuấn tú, thêm đối đáp lưu loát, nên hỏi: “Người muốn xuất gia để làm gì?” – Thưa: “ý muốn, xa nối Phật Như Lai, gần sáng như Pháp”. Thiện Quả bèn đặc cách cho làm Tăng (khảo luận tiểu thuyết Trung Hoa tr. 149, Khai Trí – 1950).*

*lời câu nói ông Trịnh Thiện Quả đặc cách cho ngài được vào làm Tăng”.*

[“ Ông học hết các kinh của Tiểu thừa, Đại thừa rồi đến kinh Niết bàn, giáo lý rất cao siêu; học đến quên ăn quên ngủ”.]

*Kinh Niết bàn là kinh cao nhất: Phật nói lên câu: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Các Kinh khác có Kinh nói có Kinh không. Nhưng trong Kinh Niết bàn chú trọng nêu lên cái đạo lý ai cũng có Phật tính, đó là một đạo lý cao siêu nhất. Bây giờ chúng ta nghe lâu ngày quá quen rồi nên coi thường, chứ người mới nghe, nghe nó lạ tai lắm, lạ vô vùng, vì họ lý luận: Phật là Phật, chúng sanh là chúng sanh. Phật là cao thượng, là siêu việt, còn chúng sanh là thấp hèn, là ô uế, là mê muội, chớ sao chúng sanh lại có Phật tính. Câu đó chỉ trong đạo Phật mới có chứ các đạo giáo khác không làm sao mà có. Câu đó được nói ra, được nhấn mạnh ở trong Kinh Đại bát Niết bàn. Cho nên Kinh Đại bát Niết bàn có ý nghĩa cao sâu là vậy. Trước khi đi Tây vức, chính ngài đã học nhiều kinh sách rồi, bởi trước ngài, ngài sinh năm 1602, trước ngài đã có ngài Ma đăng đến Trung Quốc dịch kinh Tứ thập nhị chương. Từ đó trở về sau trải qua 4, 5 thế kỷ có nhiều vị Tăng ở Ấn Độ và các nước khác đến dịch kinh cũng nhiều rồi nên ngài cũng đã học các kinh dịch đó, cả Tiểu thừa, Đại thừa ở Trung Quốc.*

[“Hồi đó là cuối đời Tùy, đầu đời Đường, trong nước loạn lạc. Khi đô thành một ổ đạo tặc, mà miền Hồ Nam thành cái hang mãnh thú, đường phố Lạc Dương đầy thầy người.

Phải lánh đi nơi khác, Huyền Trang bàn với anh qua Thành Đô (Tứ Xuyên), ngụ chùa Không Túc trong 2, 3 năm, tiếp tục học hết kinh của các giáo phái.

Năm 20 tuổi, nội loạn đã chấm dứt, ông về Trường An, kinh đô nhà Đường. Trường An là đất Phật đầu tiên ở Trung Hoa. Từ năm thế kỷ trước, những vị tu hành ở Ấn Độ qua cát chừa tại đó và dịch những kinh Tiểu thừa, Đại thừa từ Phạn ngữ qua Hoa ngữ. Công việc dịch thuật đó có thể chia làm hai thời kỳ:

\*- Từ Đông Hán đến Tây Tấn (khoảng 230 năm) dịch chưa có hệ thống gì cả.

\*- Từ Đông Tấn đến đầu đời Đường (khoảng 270 năm) đã thấy những dịch phẩm có giá trị như bộ Pháp Hoa, bộ Đại phẩm..., tuy có thú vị về văn chương, nhưng chưa thật sát nghĩa. Dịch giả đại biểu cho thời ấy là một người Tây vực tên là Cưu-ma-la-thập.

Ở Trường An, Huyền Trang cần mẫn đọc hết những kinh đã dịch, tìm những Hòa thượng có danh tiếng để học đạo, nhưng ông nhận thấy rằng họ cũng thờ đức Thích Ca Mâu Ni mà giáo thuyết của họ khác nhau xa quá, có khi trái ngược thuyết của họ khác nhau xa quá, có khi trái ngược nhau nữa. Có bao nhiêu tông phái là có bấy nhiêu chủ trương, làm cho ông hoang mang, không nhận được đâu là đạo chính truyền”.]

*Bởi vì khi đạo Phật truyền qua Trung Hoa rồi thì có Ngài cũng nghiệm cứu và trong quá trình nghiên cứu cũng có sự hiểu biết riêng của mình. Chính vì thế nên nhận định cũng khác nhau, do vậy mới lập ra các tông phái, hệ phái như Tịnh Độ tông, Luật tông, Pháp tướng tông, Chân ngôn tông, Cu xá, Duy thức... mỗi tông pháp đều có kiến giải riêng. Vị này hiểu câu Kinh Phật như thế này nên chủ trương ra như thế này, vị khác hiểu như thế kia nên xướng ra như thế kia, cho nên khi đọc, ngài thấy như vị này nói như vậy, vị khác nói khác, có vẻ hoang mang không biết đâu là chánh đạo.*

[“Bất mãn, ông xin phép anh đi học đạo ở khắp miền Bắc tại các vùng Xuyên Đông (đông đô tỉnh Tứ Xuyên), qua Hồ Bắc, Hà Nam, Sơn Đông, Hà Bắc. Càng tìm hiểu, ông càng nảy ra nhiều nghi vấn, đã không tin được các vị Hòa thượng mà ngay trong những bản dịch kinh Phật ông cũng thấy nhiều chỗ lờ mờ mâu thuẫn, hoặc dịch sai. Vậy muốn hiểu rõ đạo thì chỉ còn một cách là đến nơi pháp tích của đạo Phật, tức Ấn Độ, để học tiếng Phạn rồi nghiên cứu tại chỗ những kinh điển cổ nhất. Ý “Tây du” của ông phát sinh từ đó.”]



Từ đó chúng ta biết rằng, Ngài cố tìm cách đi học đạo ở Ấn Độ. Trước khi qua Ấn Độ, Ngài đã có công đi tìm các vị Hòa thượng, Trưởng lão về các bộ kinh còn lại. Nhưng các hòa thượng đôi khi trả lời không đồng nhất, thậm chí có khi mâu thuẫn nhau. Trong các kinh được dịch có nhiều chỗ tối nghĩa, có đoạn dịch sai nên Ngài quyết chí phải tìm đến tận gốc – nơi sản sinh Phật giáo để tìm hiểu cho tận ngọn ngành. Ngài tin rằng đó là sự cầu học một cách chắc chắn từ nơi gốc thì mới bảo đảm hơn. Từ tấm gương cầu học tận gốc của Ngài, thiết nghĩ chúng ta cũng nên học tập như Ngài vậy.

Ngày nay, các Phật tử khi đọc các kinh sách của các Thiên sư, thức giả trước tác dịch thuật bằng tiếng Việt, đó là điều quý. Nhưng quý hơn là phải đi vào các văn bản gốc của các kinh đã được in ấn, để từ đó chúng ta đối chiếu các bản dịch hay trước tác ấy đúng tới mức nào. Khi đọc kinh sách Phật giáo, các Phật tử cũng phải có nhận thức vững vàng về giáo lý, điều nào sai chưa đúng lắm thì có thể tìm hiểu nơi các vị đã hiểu biết để tránh sự thắc mắc, hoặc giả là nên cầu học nơi các vị đã có trình độ Phật học vững vàng thì chắc chắn các Phật tử sẽ nhận ra được chỗ đúng sai trong các kinh sách Phật học đã được trước tác in ấn trước đó. Các Phật tử nên trầm tĩnh suy tư về giáo lý của đức Phật, đừng vội phê phán. Dĩ nhiên, phải thận trọng trong khi đọc là tốt nhất, đừng tưởng rằng sách nào viết về Phật cũng đúng và tin theo hết.

Đó là thái độ cẩn thận, trọng Pháp, nên ngài Huyền Trang mới có tinh thần đi tìm học từ bản gốc ở Ấn Độ là vậy. Đó cũng là cách giải đáp những nghi vấn, thắc mắc mà bấy lâu nay ngài đang phân vân không biết đâu là đúng đâu là sai, và nếu đúng thì đúng tới mức nào, nên Ngài quyết chí đi cầu pháp ở Tây Trúc là vậy:

[“Năm Trinh Quán nguyên niên, năm đầu triều vua Đường Thái Tôn (627 sau Công nguyên.”]

Có nhiều thuyết nói năm Trinh Quán nguyên niên, có năm Trinh Quán nhị niên, có năm Trinh quán tam niên, xê xích trong một



hai năm.

[“Huyền Trang cùng với vài vị Hòa thượng nữa dâng biểu lên nhà vua xin phép qua Ấn du học. Truyện Tây Du Ký chép rằng Đường Thái Tôn sai Tam Tạng (1) đi thỉnh kinh, lại cho làm ngự đệ, cho lấy họ nhà Đường, có lẽ để nịnh triều đình mà quy công cho nhà vua, chứ sự thật thì khác hẳn; vua Thái Tôn không cho phép, vì nước mới được bình trị, vương quyền chưa được vững, mà sự ngoại giao với các dân tộc ở phía Tây, tại Trung bộ Á Châu lại chưa được tốt đẹp”.]

*Theo truyền thuyết, có nhiều người nói như trong truyện Tây Du, Ngài Huyền Trang đi thỉnh kinh là do lệnh của vua Đường Thái Tông. Nếu nói như vậy thì sai lầm, không những không sai đi mà cấm không cho đi nữa là khác. Bởi vì lúc đó vua Đường mới dành được ngôi nơi triều nhà Tùy, cho nên việc bình định trong nước chưa yên. Sự giao dịch với bên ngoài vua đều cấm hết. Nội bất xuất ngoại bất nhập. Ngài Huyền Trang tự tìm trốn đi chứ không phải vua sai đi.*

[“Đợi mãi không được phép, các vị Hòa thượng cùng dâng biểu với ông ngã lòng bỏ đi. Ông kiên nhẫn ở lại Trường An, học hết tiếng Ấn Độ. Đêm ngày ông cầu nguyện các vị Bồ tát cho ông đủ sáng suốt và nghị lực thực hành nổi chương trình tây du của ông, mà ông biết là rất khó khăn, phải qua nhiều nơi hiểm trở, hoang vu, trộm cướp.”]

### **Đơn phát 627 mà đến 629 cũng chưa có.**

[“Một đêm năm 629, ông nằm mộng thấy một ngọn linh sơn ở giữa biển, bèn nhảy xuống nước để lội qua thì vừa lúc đó, một bông sen xuất hiện, đỡ ông, đưa ông tới chân núi. Núi dựng đứng, leo không được, ông chưa biết tình sao thì một ngọn cuồng phong bí mật nâng bổng ông lên tới ngọn núi. Đứng trên núi nhìn chung quanh thấy cảnh bao la, rực rỡ. Ông thích quá, tỉnh dậy.”]

*Vì sự thành tâm cầu nguyện rất chí thành cao độ và rất chính*

*đáng, cho nên có cảm ứng là ngài nằm mộng thấy một ngọn Linh sơn ở giữa biển. Sương quá ngài nhảy ào xuống chứ không biết có lợi được hay không! Trong khi nhảy như vậy có một bông sen đỡ lên đưa đến chân núi thì núi quá cao không biết làm sao mà leo. Khi ấy có một ngọn gió cuồng phong nân lên chóp núi. Khi đứng trên chóp núi nhìn tứ bề chung quanh mênh mông bát ngát không có gì. Ngài rất sung sướng và tưởng tượng rằng việc đi thỉnh Kinh của mình đã có cảm ứng.*

[“Từ đó ông càng quyết tin rằng thế nào cũng thành công và chính lòng quyết tín, mộ đạo đó đã giúp ông thắng mọi gian nan sau này. Ít bữa sau, nhân miền chung quanh Trường An bị nạn mưa đã mất mùa, triều đình xuống chiếu cho phép dân ở kinh đô được đi nơi khác làm ăn, ông theo nhóm người di cư, tiến về phương Tây, mở đầu cuộc du hành vạn lý.

Năm đó (629), ông 28 tuổi (tính theo phương đông, đến năm 44 tuổi mới trở về, tính ra xa quê luôn trong 16 năm.

Tuổi đó là tuổi hăng hái, tin tưởng, mà bẩm tính ông lại nghiêm cẩn, ôn hòa, nên ông rất được nhiều người mến trọng. “Nước da hơi sạm, mắt sáng. Vẻ mặt uy nghiêm, nét mặt tươi sáng rực rỡ. Giọng nói trong trẻo, rõ ràng, ngôn ngữ cao nhã, hoa mỹ, du dương, ai nghe cũng mê...” Nhìn ông, người ta nhận ngay thấy sự dung hòa của đạo Phật và đạo Khổng – lòng từ bi, đại độ của đạo Phật, đức lễ độ, sáng suốt của đạo Khổng. Ông vừa thương người, vừa cương quyết, trang nghiêm như đạo gia, mà lại bình tĩnh, rực rỡ như bông sen nổi trên mặt nước”.]

*Ngài không những thông minh mà rất đẹp. Tánh tình rất nghiêm cẩn mà lại hòa nhã, khiêm tốn. Đó là điều rất hiếm. Thường thường người thông minh thì hay kiêu ngạo, kiêu căng khó khiêm tốn, nhu hòa. Người thông minh thì hay cãi. Nhưng ở ngài không có chuyện đó, đó là đức tính của một con người toàn diện đạo đức, thông minh, cần cù, nghiêm cẩn, nhu hòa, nhẫn nhục... đều có nơi Ngài.*

[“Ta sẽ chia cuộc hành trình của ông làm bốn giai đoạn:

\*- Từ Trường An tới Ngọc Môn Quan, hết địa phận Trung Quốc.

\*- Từ Ngọc Môn Quan tới Kapica biên giới địa phận Ấn Độ, qua những nước nhỏ ở Trung bộ Châu Á.

\*- Giai đoạn ở Ấn Độ.

\*- Giai đoạn trên đường về; như độc giả sẽ thấy, do một tình cờ mà lúc về, ông theo một đường khác với lúc đi, thành thử ghi



chép thêm được nhiều nhận xét về một miền lúc đó còn bí mật.

Từ Trường An ông tới Tân Châu (coi trên bản đồ), Lan Châu, rồi Lương Châu (hiện là huyện Vũ Uy, Tỉnh Cam Túc) – tức Hà Tây, cửa ngõ của huyện Vũ Uy, Trương Dịch, Đông Hoàng, Tử Tuyền).

Chắc độc giả đã quen với tên đó. Vương Chi Hoán, một thi sĩ thời Thịnh Đường, được người đương thời tặng cho tên Thi Thiên Tử nhờ bài Lương Châu từ

tả cảnh rừng núi hoang vu ở miền biên tái đó:

*“... Hoàng Hà viễn thượng bạch vân gian,  
Nhất phiến cỏ thành vạn nhãn san...”*

Tạm dịch:

*Hoàng Hà treo ngọn giữa mây xanh,  
Vạn bạc non cao, một mảnh thành.*

Ngay từ đời Đường, mà có lẽ từ trước nữa, Lương Châu đã là ngã ba của các con đường mòn đưa những đoàn thương nhân từ

phương Tây hoặc từ Mông Cổ tiến vào Trung Hoa. Các thương nhân đó gồm rất nhiều giống người, ngôn ngữ, phong tục khác nhau, họp chợ ở Lương Châu để trao đổi hàng hóa, tin tức và chắc chắn cũng để do thám cho sự canh phòng rất nghiêm mật. Đô đốc Lý Đại Lượng được lệnh phong tỏa, không cho người ngoài vào Trung Quốc và người Trung Quốc lọt ra ngoài.



Huyền Trang phải nấn ná chờ cơ hội, nhân dịp đó ông thuyết pháp cho các thương nhân, người ta tạ ơn ông vật gì thì ông đem cúng vào chùa hết.”]

*Nhân lúc tụ tập Ngài thuyết pháp cho các thương nhân, khi được cúng dường. Ngài lại cúng chùa hết.*

[“Hơn một tháng sau nhân lúc lính canh trở nải, ông trốn thoát, Lý Đại Lượng sai vệ binh đuổi bắt; nhờ Pháp sư Tuệ Uy phái hai môn đệ là Tuệ Lâm và Đạo Chính đi theo bảo hộ. Huyền Trang mới thoát được. Họ đêm đi, ngày trốn, lần mò đến Qua Châu (hiện là huyện Tây An, tỉnh Cam Túc).

Thứ sử Qua Châu là Độc Cô Khai theo đạo Phật, tuy biết lệnh của triều đình, nhưng làm lơ cho ông, lại chỉ dẫn đường đi cho ông nữa. Từ Qua Châu, tiến lên phía Bắc ít chục dặm tới Ngọc Môn Quan (lúc Đường sơ, thì Ngọc Môn Quan tương đương như

huyện Yên Tây ngày nay), một cửa ải nằm trên biên giới và ở bờ sông Hồ Lô (nay là sông Số Lặc), nước chảy xiết, gió lộng suốt ngày đêm vì lòng sông rất lạ lùng: Trên hẹp, dưới rộng.

Cảnh ở đây thật là rợn tóc du khách. Một thế kỷ sau, nhà Đường đã bình phục những dân tộc ở phía Tây, vậy mà các thi sĩ triều Minh Hoàng, chỉ nghĩ tới miền biên tái hoang vu, hiểm trở này cũng nổi lên những giọng ai oán, mà thương cho những chinh phu phải đi thú ở nơi đó, và cho những người vợ trẻ của họ ở nhà đăm đăm trông chồng:

### QUAN SƠN NGUYỆT

*Minh nguyệt xuất Thiên San,  
Thương mang vân hải gian,  
Trường phong kỷ vạn lý,  
Xuy độ Ngọc Môn Quan,  
Hán há Bạch đằng đạo,  
Hồ khuy Thanh hải loan,  
Do lai chinh chiến địa,  
Bất kiến hữu nhân hoàn.  
Thú khách vọng biên sắc,  
Tư quy đa khổ nhan,  
Cao lâu đương thử dạ,  
Thán tức vị ứng nhàn.*

**Lý Bạch.**

**Dịch:**

*Vầng trăng ra núi Thiên San,<sup>3</sup>  
Mênh mang nước bể mây ngàn đang soi  
Gió đầu muôn dặm chạy dài,  
Thổi đưa trăng sáng ra ngoài Ngọc Môn.<sup>4</sup>*

---

3-Cũng có tên là Tuyết San, ở Tân Cương, nơi đó tháng năm mà vẫn còn tuyết phủ tuyết nhiên không có hoa cỏ: Ngũ nguyệt Thiên sơn tuyết, vô hoa chỉ hữu hàn. (Tái hạ khúc nguyệt Thiên sơn tuyết, vô hoa chỉ hữu hàn. (Tái hạ khúc – Lý Bạch)

4-Tức Ngọc Môn Quan

*Bạch – dăng quân Hán đóng đồn,  
Vùng kia Thanh hải dòm luôn mắt Hồ,  
Từ xưa bao kẻ chinh phu,  
Đã ra đất chiến, về ru mấy người?  
Buồn trông cảnh sắc bên trời,  
Giục lòng khách thú nhớ nơi quê nhà,  
Lầu cao, đêm vắng, ai mà,  
Đến nay than thở ắt là chưa nguôi.*

**Tản Đà.**

“Qua sông Hồ Lô, ra khỏi Ngọc Môn Quan rồi, lại phải tránh 5 tòa phong hỏa đài báo hiệu bằng cách đốt lửa lên khi có giặc tới để cho người canh ngọn đài kế đó trông thấy cũng đốt lửa lên, như vậy truyền tin lần lần cho Ngọc Môn Quan.”]

*Ngoài Trung Quốc ra còn đặt năm phong hỏa đài. Lúc họ báo tin bằng cách đốt lửa lên, đài thứ hai, ba, bốn đốt lửa lên tức tin tới Ngọc Môn Quan. Tới nơi cửa ải sẽ đề phòng.*

[“Mỗi đài cách nhau khoảng trăm dặm<sup>5</sup> và đều có lính canh, đài xây giữa một vùng hoang vu, thành thử ai muốn kiếm thức ăn, nước uống phải đến chân phong hỏa đài, và sẽ bị giam cầm, tra hỏi.”]

*Đài canh như vậy mà chỉ có tới chân đài mới có nước mà thôi. Tới phong hỏa đài thì bị chặn lại.*

[“Thấy đường đi khó khăn, Huyền Trang lo lắng. Ngựa ông bị bệnh, mới chết. Hai người mà pháp sư Tuệ Uy cho theo ông thì một người sợ lệnh triều đình truy nã, đòi lộn về; còn một người ốm yếu quá, không sao chịu nổi gian lao trên đường, ông cũng cho về nốt, thế là ông lại cô độc. Ông mua một con ngựa khác, sửa soạn lên đường thì một người trong miền, tên là Thạch-bàn-đà xin theo làm đồ đệ”.]

*Thạch-bàn-đà là một người Hồ (người Trung Á) xin quy y thọ giới với ngài. Ông này biết đường nên xin dẫn đường đi.*

5- Mỗi dặm khoảng 600 thước tây.

[“Đêm đó hai thầy trò khởi hành, gặp một ông già. Nghe Huyền Trang kể mục đích thỉnh kinh, ông già thán phục, nhưng khuyên: “Thầy nên trở về đi, không tới nơi được đâu vì đường về phương Tây nguy hiểm lắm; nếu gặp những đám cát di động hoặc những cơn gió lửa thì không thể nào thoát được. Đã nhiều đoàn thương nhân bỏ mạng trên đường rồi”.

Ông không nghe, cứ tiến, đốn cây Ngô đồng bắc cầu qua sông Hồ Lô. Qua bờ bên kia sông, mệt quá ông chớp mắt được một lúc thì thấy người đưa đường tên Tiểu Hồ nằm cách xa ông khoảng trăm bước, rút kiếm ra, rón rén tiến lại khi cách ông độ mười bước thì ngừng lại, ra vẻ do dự một chút rồi trở lui”.

Ông già Hồ đi thì đêm đó ông dắt ra một Tiểu Hồ khác giới thiệu với ngài. Ngài Huyền Trang cho ông trở lui. Khi qua một chỗ rộng mệt quá chớp mắt thì thấy Tiểu Hồ đứng dậy cầm gươm đi rón rén đến bên ngài rồi do dự rút lui.

“Gần sáng, tỉnh dậy, ông không nhắc gì đến việc ban đêm cả, lảng lảng bảo hấn đi lấy nước. Hấn miễn cưỡng vâng lời, nhưng một lát sau thưa: “Con đường này dài và nguy hiểm. Ở chân phong hỏa đài thứ năm mới có nước, muốn kiếm nước thì phải lên tới ban đêm, bị chúng bắn chết mất. Thầy trò mình trở về thôi”. Ông vẫn không nghe cứ tiến tới. Thành linh hấn rút gươm ra, bắt ông đi trước. Ông không chịu, thấy ông can đảm, bình tĩnh lạ thường, hấn không dám hạ thủ, bỏ ông trốn mất”.]

*Mới một bước đầu mà thấy nguy hiểm như vậy. Vì sao hấn làm dữ như vậy? Là hấn khuyên ông trở lại không được thì phản làm sao? Để đi một mình thì lộ ra, nếu bị bắt khai báo ra thì hấn sẽ bị tai họa lây, cho nên hấn cố làm là khuyên ông trở về, thứ hai phải giết ông đi. Cả hai đều không được cho nên phải bỏ trốn.*

[“Ông lại thui thủi một mình trên sa mạc. Gần tới phong hỏa đài thứ nhất, ông nấp trong lòng một con kinh khô, đợi đến tối mới mò ra, kiếm nước uống. Đúng lúc ông múc nước, hai mũi tên bay vào bên tai ông, ông la lên: “Tôi là Hòa thượng ở Trường An đây, đừng bắn nữa”, rồi ông lại nạp mình cho lính. Người



chỉ huy đài đó là hiệu úy Vương Tường, một tín đồ đạo Phật”.

Điều đó chứng tỏ rằng lúc đó đạo Phật đang lan truyền rộng ở Trung Hoa cho nên ông Hiệu Uy ở đây cũng theo đạo Phật. Vương Tường khuyên ông đừng đi nữa, ông cũng không nghe, nói: “Bần tăng đau lòng thấy rằng kinh Phật thiếu sót mà mỗi người hiểu một lối không biết đâu là đạo chân truyền, nên đã nguyện qua Ấn Độ học đạo. Nếu hiệu úy ngăn cản Bần tăng thì giết Bần tăng đi, chứ nhất định Bần tăng không chịu quay gót trở về đâu”.

Thấy lòng cương quyết đó, Vương Tường đành để ông đi, sau khi tặng ông ít vật thực và viết thư giới thiệu với người chỉ huy đài thứ nhì. Riêng đài thứ năm thì họ Vương khuyên ông nên tránh, vì viên chỉ huy không theo đạo Phật, mà tính tình hung bạo.

Ông nghe lời, qua khỏi đài thứ tư rồi đi về hướng Tây, tiến vào sa mạc Hạ Diên Tích (tức sa mạc Qua-bích, Gobi) và từ đây ông rời xứ ở sở của tổ tiên, không biết bao giờ mới trở lại nữa. Nhìn lại một lần cuối cùng phong hỏa đài thứ tư, ông bùi ngùi, rồi buông cương cho ngựa bước tới.

Đường qua sa mạc dài 800 dặm, tức non 500 cây số, có tên là Sa hà (con sông cát). Người xưa đã tả sa mạc đó như vậy: “Không có loài cầm, không có loài thú, chẳng có nước mà cũng chẳng có cỏ. Muốn tìm phương hướng thì các bộ hành phải nhận bóng của mình và tụng kinh Phật”.

Huyền Trang chắc đã làm đúng theo câu đó. Các nhà thám hiểm như Christophe Colomb, Magellan vượt đại dương, tuy gặp những cảnh giông tố, hoặc đói khát nhưng còn có bầu bạn, thủy thủ. Ngay như Alain Gerbault, tuy một mình lên đênh trên một chiếc thuyền buồm đi vòng quanh thế giới, nhưng cũng không đến nỗi cô độc vì còn tin tưởng thế giới dõi theo hành trình của mình mà tới hải cảng nào cũng có người chờ đón để hoan hô. Còn Huyền Trang thì thui thủi trong sa mạc mênh mông, ngày chỉ có ánh nắng gay gắt của mặt trời, đêm chỉ có



ánh sáng mờ mờ của các vì sao, cảnh cô độc thật ghê gớm mà đức mạo hiểm của ông cổ kim chưa ai bì kịp”.]

*Sa mạc gobi này rộng mênh mông, khoảng 800 dặm Anh. Năm trước (1997) có chuyến đi Mông Cổ tôi đã có dịp tới nơi đó. Họ làm một số nhà cho khách du lịch đến đó ở lại đôi ba ngày để nhìn cảnh sa mạc và tận hưởng không khí trong lành ở đây. Tôi đến đó được hai đêm. Hôm đó họ đưa chúng tôi đến thăm một trại nuôi Lạc đà. Ngồi trên xe hơi anh lái xe tìm con đường đi mau nhất để tới nơi sở nuôi Lạc đà, nhưng anh cũng bị lạc. Khi tìm được đường anh trở lại chỗ xuất phát cũng mất cả hàng giờ. Giữa sa mạc Gobi nhìn ra toàn là cỏ lúp xúp, núi đá và chân trời mà thôi.*

*Mênh mông quá, đi một mình giữa sa mạc, khiếp quá! Ông Nguyễn Lê có cái hay là đem so sánh ngài Huyền Trang với các nhà thám hiểm khác. Các nhà thám hiểm khác mặc dù đi trên biển mênh mông một mình nhưng mà hai bên bờ có người chầu chực họ, dõi bước trông theo họ, tiếp tế nước cho họ khi họ đến nơi. Chứ Ngài Huyền Trang đi không ai đưa, đến không ai đón, đi thì đi lén, may mắn lắm trên đường đi nếu gặp bạn bè họ giúp cho một đoạn đường mà thôi. Trước mắt không biết ai là người đón vì ai biết ngài là Huyền Trang đâu! Khi so sánh như vậy, Nguyễn Hiến Lê đã cho thấy sự kỳ vĩ của ngài Huyền Trang hơn các nhà thám hiểm khác trên thế gian.*

[“Ông tìm suối nước mà không thấy, chỉ thấy những đội binh mà nhung phục bằng nỉ và da thú, cưỡi lạc đà, giáo mác sáng ngời ẩn rồi hiện, tới rồi lui, biến đổi kỳ dị ở chân trời. Ông thúc ngựa lại gần thì mọi vật biến đâu mất hết. Thì ra đó chỉ là ảo ảnh trong sa mạc.”]

*Ảo ảnh thật khiếp, thấy một đội binh trước mắt, nếu không cương quyết thì ngài đà đi lui rồi. Nếu cương quyết đi tới thì toàn là ảo ảnh.*

[“Khát quá ông lấy bầu nước ra, nhưng tay ông lỏng công mà

bầu nặng, rơi xuống cát nước chảy ra hết. Chán nản ông quay trở về phía Trung Hoa”.

*Khát như vậy, mệt như vậy mà còn một chút nước, đến khi cầm bầu nước ra thì nước cũng giọt rơi ra ngoài mất. Trong cách nói, trong bầu chỉ còn một giọt nước hy vọng nước nhỏ ra giọt để thấm vào miệng mình thì gió làm nó bay tạt đi mất. Lúc đó là lúc ngài chán nản nhất muốn trở về Trung Hoa.*

[“Chỉ có lúc đó là ông nghi ngờ. Nhưng sau khi đi được 10 cây số ông lại nghĩ: “Hồi đầu ta đã thề là không tới Tây Trúc thì không khi nào trở về quê hương. Thà đi về phương Tây mà chết còn hơn là trở về hướng Đông mà sống”. Rồi ông thúc ngựa, hướng về Tây Bắc mà đi.

Cát bụi mù mịt, chạm vào da thịt chỗ nào thì muốn cháy chỗ đó. Ông khát quá, lưỡi sưng, môi nứt, mắt mờ, sức kiệt không tiến được nữa. Đã năm ngày và bốn đêm rồi không có một giọt nước thấm môi. Ông té xỉu trên cát, nhưng chưa đến nỗi mê man, còn hăng hái tụng kinh niệm Phật, tới nửa đêm thứ năm thì một cơn gió mát thổi qua, cơ thể tỉnh táo lại như mới được tắm xong. Ông vỗ về con ngựa, nó đứng dậy, hí hí mấy tiếng nhỏ rồi đi. Được khoảng sáu cây số thì tự nhiên nó đổi hướng, không làm sao bắt nó theo hướng cũ được nữa. Ông ngạc nhiên, nhưng nghĩ nên để cho nó theo bản năng của nó, vì chắc có gì lạ đây. Quả nhiên, đi được một quãng đường nữa thì ông mừng quỳnh: một đám cỏ xanh như gừng. Nghỉ ngơi cho hết mệt ông cắt cỏ cho ngựa và múc đầy bầu nước rồi tiếp tục hành trình.

Hai hôm sau ông tới I Ngô (nay ở phía nam Cáp Mật tỉnh Tân Cương). Ông đã vượt quãng đường khó khăn nhất, tính ra mất 8, 9 ngày mới qua được sa mạc.

I Ngô là một ốc đảo, xưa có quân đội Trung Hoa đóng, nhưng lúc đó thành một thuộc địa của Thổ. Huyền Trang ngừng bước trong một ngôi chùa và gặp ba vị Hòa thượng Trung Hoa. Họ mừng mừng tủi tủi chạy ra tiếp đón ông, ôm ông mà khóc, không ngờ tha phương còn gặp được người cố quận.

Vua nước Cao Xương (nay thành Nhã Nhĩ phụ cận hồ Nhã Nhĩ gần phía Tây Thố Lô Phần tỉnh Tân Cương) ở phía Tây I Ngô, nghe tin ông tới, sai sứ lại đón và Ông nhận lời. Đương đêm tới nơi thì vua Cao Xương là Khúc văn Thái sai đốt đuốc rồi thân hành ra khỏi hoàng cung để nghinh tiếp, còn Vương Phi và đại thần thì quỳ lạy. Khúc văn Thái rất mộ đạo nhưng tính tình vẫn là tính tình hung hãn của một dân tộc kém thông minh. Ông ta tiếp Huyền Trang rất long trọng, tôn kính như trò tôn kính thầy, nhưng nhất định năn nỉ Huyền Trang ở lại làm chức giáo chủ trong nước, năn nỉ không được thì dọa nạt. Huyền Trang dùng lời tha thiết để chối từ mà không được, phải cương quyết:

Bần tăng đến đây không vì danh vọng mà chỉ vì muốn qua Tây Trúc nghiên cứu kinh điển tại chỗ để hiểu rõ đạo Phật rồi về nước giảng lại cho mọi người. Bệ hạ không nên ngăn cản Bần tăng. Mà ngăn cản cũng không được. Bệ hạ chỉ có thể giữ một năm xương tằm ở lại đây thôi, còn ý chí cùng tinh thần của Bần tăng thì không thể giữ được.

Khúc Văn Thái cũng không nghe, lại càng chịu đựng hơn trước, đích thân dọn cơm đứng hầu. Huyền Trang phải dùng đến phương kế tuyệt thực, ngồi ngay ngắn, không nhúc nhích luôn ba ngày, không uống một giọt nước. Qua ngày thứ tư, Khúc văn Thái thấy hơi thở của ông suy yếu, vừa tủi vừa sợ, quì xuống xin lỗi ông, thề trước tượng Phật là không dám ngăn cản ông nữa, nhưng xin ông ở lại Cao Xương thêm một tháng để giảng đạo cho thần dân. Ông nhận lời ăn uống trở lại.

Khi Huyền Trang lên đường, Khúc tặng ông đủ các đồ ngự hàn cùng vật dụng, vàng bạc, gấm vóc, cùng với 30 con ngựa và 25 người tùy tùng, đưa ông 24 thư giới thiệu với các quốc vương ở trung bộ Á Châu, lại sai một viên tước đưa đường ông nữa.

Để đáp ơn vua Cao Xương, ông dâng lên một bức khải:

(...) Nếp thấy Đại vương bảm thụ cái khí thuần hòa của nhị nghi trời đất; rủ áo làm vua, võ nuôi dân chúng, phía đông ví bằng phong đại quốc, phía tây yên võ tục bách nhưng (...) Lại hay kính hiền yêu sĩ, hiếu thiện lưu từ, thương xót kẻ xa xôi đi lại,



ân cần cho tiếp đãi đến nơi, đã được vào hầu, nhuần ơn càng hậu tiếp đãi chuyện trò, phát dương pháp nghĩa. Lại được nhờ ngài giảng kết làm nghĩa anh em, dốc một tấm lòng yêu thuận. Và lại được đưa thư cho hơn hai mươi phiên cõi Tây vực, với sức ân cần, sai bảo tiền tống. Lại thương tôi Tây du vô võ, đường tuyết lạnh lùng; bèn xuống lời minh sắc, độ cho bốn chú tiểu Sa di để làm người hậu hạ.

Nào là mười thứ và lĩnh lụa, vàng, bạc, tiền nong, để khiến cho sung cái phí vãng hoàn trong hai mươi năm. Nép trong thẹn thùng sợ hãi, không biết xử trí cách nào. Dẫu khơi dòng nước Giao Hà ví ơn kia chẳng ít kém; cân hòn non Thông Lĩnh, độ nghĩa nợ còn nặng hơn.

“Sau này xin bái yết chúng sư, bắm vâng chính pháp, đem về phiên dịch truyền bá những điều chưa từng nghe. Phá tan cái rừng rậm rạp của những kẻ tà kiến, tuyết hẳn cái ý xuyên tạc của những mối dị đoan (...) May ra cái công nhỏ ấy, ngõ đáp lại cái ơn sâu kia. Nay tiền đồ còn xa, không thể lưu ở lâu được, ngày mai từ biệt, thảm thiết bùi ngùi; không xiết đội ơn, can dâng khải lên kính tạ”. (Đông Châu dịch – Nam phong số 142, tháng 9, 1929).

Ngày khởi hành, cả triều đình, các Tăng lữ và bá tánh đưa ông ra tới cửa thành Tây. Huyền Trang cảm tấm lòng của nhà vua, hứa trên đường về sẽ ghé Cao Xương ở lại ba năm, rồi bùi ngùi lên ngựa. Nhưng sau này ông không giữ được lời hứa vì lúc đó,

bộ lạc Khúc Văn Thái đã bị diệt vong (bởi Đường Thái Tông). Từ đây danh tiếng của ông được mọi người biết đến, và cuộc hành trình được dễ dàng hơn trước nhiều, tới đâu cũng được đón đưa long trọng. Khúc Văn Thái đã có công lớn trong chuyến thỉnh kinh của ông.

**(Còn tiếp)**

**ĐỌC & CỔ ĐỘNG  
TẬP SAN THẾ ĐẠO**

# **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH**

## **GIẢNG ĐẠO CHƠN NGÔN**

言真道講

**Soạn giả Thái Đển Thanh**

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

Ấn hành năm Tân Hợi 1971

## **GIẢNG ĐẠO CHƠN NGÔN**

### **MỤC LỤC**

- 1- Lời Tựa
- 2- Tại sao phải có Đạo Cao-Đài
- 3- Giáo lý Đạo Cao-Đài
- 4- Cơ tuần huấn của Tọa Hóa
- 5- Đề tài chữ Tu
- 6- Giải thích chữ Hòa
- 7- Giải thích Kinh Lễ
- 8- Giải thích chữ Khiêm
- 9- Giải thích chữ Cung
- 10- Giải thích chữ Nhẫn
- 11- Tân luật Pháp Chánh Truyền
- 12- Luật pháp Chơn truyền của Đại Đạo
- 13- Tam lập
- 14- Tu thân, tu trí, và tu tâm

- 15- Chí khí tinh thần phấn đấu
- 16- Tinh thần đoàn kết
- 17- Thiện ác phân minh
- 18- Triết lý Thiện và Ác
- 19- Phước và tội
- 20- Tu hành và học hành
- 21- Triết lý chữ Tâm
- 22- Diệt tận phạm tâm
- 23- Giải thích Tam tạng Ngũ thường
- 24- Chánh trị của Khổng Giáo
- 25- Chánh danh định phận
- 26- Chánh trị cần có đạo đức hay không?
- 27- Chánh trị cần phải có đạo đức
- 28- Luật thương yêu, quyền công chánh
- 29- Giá trị của con người
- 30- Yếu điểm trong Ngũ Kinh
- 31- Giảng nhưn nghĩa đạo đức
- 32- Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
- 33- Đức tin của con người
- 34- Bốn phận Tín đồ
- 35- Giảng đài Tòa Thánh



# LỜI TỰA

Thuyết nhưn nghĩa, giảng đạo đức, là một giáo lý bao la quảng đại của các Đấng Thánh trước Hiền xưa lưu truyền.

Người trí suyển tài sơ như tôi, không thể nào sâu tầm cho tận tường các triết lý.

Đã nói là rừng Nho biển Thánh thì dầu cho người đi đến non cao rừng thẳm, cũng chưa ắt am hiểu hết danh mộc, có ra ngoài biển rộng sông sâu cũng chưa dễ lẫu thông các loài thủy tộc. Huống chi tinh thần đạo đức, trong Tam giáo Phật, Tiên, Thánh truyền dạy, có lắm điều huyền bí nhiệm mầu thì chưa một ai tự hào là thông tri lịch lãm.

Trải qua trên ba mươi năm trong cửa Đạo Cao Đài, tôi cố tâm học hỏi Đạo lý, sự hiểu biết được bao nhiêu những điều thường thức của các bậc Chức Sắc đàn anh chỉ giáo.

Ngày nay lập thành một quyển tựa đề “GIẢNG ĐẠO CHƠN NGÔN” cốt yếu để làm phương châm diu bước cho chư Đạo hữu mới nhập môn được biết sơ qua trên con đường tu tâm dưỡng tánh cho trở nên người hạnh đức thuần lương, ấy là giúp ích cho anh em đồng đạo.

Những việc thường thức hằng ngày, cũng chưa chắc ai dám tự phụ rằng mình đã thông thuộc mọi điều đầy đủ. Huống chi Đạo lý diệu diệu cao thâm, phải trải qua nhiều năm khổ nhọc, mới mong vạch đặng chút ít ánh sáng vào đường siêu việt đó.

Vậy mong nhờ quý vị Đại Huynh, xem chỗ nào còn sai suyển xin vui lòng chỉ giáo, đặng bổ cứu vào chỗ khuyết điểm cho được hoàn bị hơn.

Tôi rất mong và sẵn chờ tiếp nhận sự chỉ giáo ấy.

Mong thay

Ngày 16 tháng Giêng Đinh-Dậu (15-2-1957)

Giáo Sư Thái Đến Thanh  
(Huỳnh Văn Đến)



# BÀI SỐ 1

## TẠI SAO PHẢI CÓ ĐẠO CAO ĐÀI?

Bởi thời kỳ Hạ Ngươn cùng tận, Tam Giáo: Nho, Thích, Đạo đã thất chơn truyền khiến cho nhơn tâm biến đổi bỏ phép công bình chiến tranh loạn lạc, con người gian tham xảo trá giành giựt quyền lợi, trộm cướp giết hại lẫn nhau, thành ra một trường náo nhiệt tối phong bại tục nghiêng đổ luân lý cang thường, ấy là đời mạt kiếp.

Vì cơ cho nên Đức CHÍ TÔN mới hội chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại Ngọc Hư Cung, nhứt định hoàng khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cốt yếu chấn hưng Tam giáo, thức tỉnh chúng sanh giữ Đạo cang thường, tu tâm sửa tánh, hồi đầu hướng thiện tự hối ăn năn cải dữ làm lành, lập lại đời tân dân minh đức, cho thuận theo lẽ tuần hườn của Tạo Hóa.

Đức CHÍ TÔN dùng huyền diệu cơ bút giáng trần giáo đạo, tá danh là CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT, hiệp qui Tam giáo thống nhứt Ngũ chi, gọi là cơ quan cứu thế chủ nghĩa giáo dân qui thiện, thật hành Bác ái Công bình, đề xướng cho nhơn loại hòa bình, đại đồng thế giới.

Tóm lại: Do Thiên thơ tiên định đến thời kỳ chuyển giáo cho nên phải có Đạo CAO ĐÀI.

### **Bài thi của Đức Chí Tôn** (Giáng cơ dạy buổi ban sơ)

Tường quang nhứt khí chiếu minh đông,  
Tam giáo qui nguyên giữ cộng đồng.  
Phật Pháp khuyến nhơn quy mỹ tục,  
Nho Tông phục thế hưởng thuần phong.  
Diệu huyền Chơn Đạo tu tông hướng,  
Mê hoặc tà mưu khả tự phòng.  
Thế thượng dục tri Thiên Sứ đáo,  
Tam Kỳ Phổ Độ lập kỳ công.

## BÀI SỐ 2

### GIÁO LÝ ĐẠO CAO ĐÀI

Do theo Chơn Luật của Đức CHÍ TÔN là thương yêu, còn Chơn Pháp là công bình. Từ năm Bính Dần 1926, Đức CHÍ TÔN giảng cơ khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trước hết cũng dạy thương yêu.

Thầy dạy rằng: Ngày nào các con thật hành chủ nghĩa thương yêu cho ra chơn tướng, ấy là ngày của nhơn sanh thoát khổ. Lại có một bài Thánh Ngôn dạy rằng: “Thầy là cha cả của sự thương yêu, do bởi sự thương yêu mới tạo thành Càn Khôn Thế Giới và sanh dưỡng các con.”

Bởi sự thương yêu mà vạn loại hòa bình, Càn Khôn an tịnh, đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, không thù nghịch lẫn nhau mới không tàn hại nhau, không tàn hại nhau mới giữ bền cơ sanh hóa” (ấy là chơn luật thương yêu). Còn Chơn Pháp công bình, thì Thầy có dạy rằng: “Đạo của Thầy là công lý, ngày nào các con còn trông thấy một điều bất bình ở thế này, thì Đạo chưa thành tựu”.

Nền Đạo CAO ĐÀI là Nho Tông chuyển thế, trước cửa Tòa Thánh có biểu dương hai chữ NHƠN NGHĨA thật to, thì thấy chữ NHƠN là chủ sự thương yêu. Có câu: “Trắc ẩn chi tâm ái vật chi lý, bất sát bất hại thể háo sanh chi đại đức vi nhơn”. Nghĩa là: tỏ lòng thương người mến vật chẳng nỡ sát hại sanh mạng, noi theo lòng từ bi của Đức Chí Tôn mới gọi là Nhơn.

Chữ NGHĨA là giữ phép công bình, gìn lòng chánh trực không một mảy gian tham, có câu: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhơn” những việc ta chẳng muốn ai làm cho ta chịu đau khổ thảm sâu thì ta không nên đem việc ấy mà làm cho người khác mới là phải Nghĩa.

Con người biết giữ phép công bình mới tỏ ra sự thương yêu, mà thương yêu cho chánh lý, thì trên thuận với lòng Trời dưới cộng hòa cùng đồng loại quốc dân, ấy là cơ đặng Đạo “Hòa giã thiên hạ chi đặng Đạo dã”.

Còn Đời mà thật hành được sự thương yêu công bình hòa thuận, thì cơ Đời trở nên thái bình an cư lạc nghiệp. Khổng Giáo ái nhân như ái kỷ, thương yêu tất cả mọi người cũng như thương thân của mình vậy.

Phật Giáo thì lấy câu Từ bi Bác ái làm trọng. Tiên Giáo Đức Thái Thượng dạy: “Căn cô truất quả kính lão hòa ấu côn trùng thảo mộc du bất khả thương”. Gia Tô Giáo thì: “Xả kỷ ái nhân”. Xem như thế thì các nhà Tôn giáo cũng vì chủ nghĩa thương đời, nên mới phát minh ra các vấn đề đạo đức để giải khổ cho đời.

Ngày nào nơn sanh hồi tâm hướng thiện, thật hành chủ nghĩa thương yêu, biết giữ phép công bình, thì nơn loại mới đặng chung hưởng mọi điều hạnh phúc.

### BÀI SỐ 3 CƠ TUÂN HUỒN CỦA TẠO HÓA

Kỳ Hạ nguơn nầy là buổi hiệp Tam giáo làm một hầu đem về căn bản cho thuận theo lẽ tuần huồn.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, dùng huyền diệu Tiên gia giảng cơ giáo Đạo, thế thì nơn loại hữu duyên hữu phước mới sanh nhằm kỳ khai Đạo thứ ba, muôn năm ngàn kiếp mới có một kỳ như vậy nếu chẳng thành tâm tu niệm thì rất ướng cho kiếp sanh.

Tu niệm đặng làm chi?

Nhập môn vào Đạo để làm gì?

Nhập môn vào Đạo đặng làm lành lánh dữ, dưỡng tánh tu tâm lập công bồi đức cứu độ nơn sanh, chớ không phải vào Đạo rồi cậy lấy phần đông, kết phe lập đảng ỷ chúng hiếp cô, kẻ vào Đạo mà chỉ mưu việc quấy như vậy, là kẻ lợi dụng danh Đạo mà làm cho rối loạn chơn truyền, tức là kẻ phản nghịch với chánh lý của Đạo vậy.

Những người thật tâm nhập môn tùng giáo, dầu đông bao nhiêu cũng giữ một phương diện làm phải làm lành, chẳng làm điều gì trái với luật pháp chơn truyền của Đạo.

Nay là buổi tuần hườn Trời khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chấn hưng Tam giáo thức tỉnh nhơn sanh, giữ Đạo cang thường tu tâm dưỡng tánh, hồi đầu hướng thiện, tự hối ăn năn, cải dữ theo lành tâm dân minh đức, thì chúng ta rõ biết cuộc tuần hườn Tạo hóa xoay vần công bình Thiên Đạo. Mỗi phương đều có một Chơn Đạo, đặng cho đời noi gương chánh giáo, đìu dắt lẫn nhau, lấy phép công bình mà đối đãi với nhau, cho được ôn hòa mới ra vẻ làm người hiền lương chí thiện, ấy là Đạo khai cho nhơn loại trở nên lành.

Trên đây đã nói: nay là buổi tuần hườn thế nào? Xin lược giải ra chơn lý như sau đây:

Tuần hườn là: “Thiên hữu tứ thời Xuân tại thủ”. Trời có bốn mùa chỉ mùa Xuân là ở đầu, trong mùa xuân mát mẻ hơn các mùa, cây trái đều tươi tốt, người cũng lấy Xuân mà thêm tuổi. Mùa Xuân có ba tháng là tháng Giêng, tháng hai, tháng ba trong ba tháng có 90 ngày, nên gọi là thiếu quang chín chục.

Cuối mùa Xuân sang Hạ, Thu, Đông, rồi trở lại Xuân ấy là châu nhi phục thí. Ví như một năm 12 tháng thì khởi đầu tại tháng Giêng, xoay vần tới tháng Chạp cũng trở lại tháng Giêng. Mỗi tháng 30 ngày khởi đầu ngày mồng một ấy là cơ tuần hườn của Tạo hóa. Nói rộng hơn nữa là luận thuyết Tam Ngươn: Thượng Ngươn, Trung Ngươn, Hạ Ngươn.

Thượng Ngươn là ngươn Tạo hóa, tức là ngươn Thánh Đức, ấy là ngươn vô tội.

Trung Ngươn là ngươn Tấn hóa, tức là ngươn tranh đấu, ấy là ngươn tự diệt.

Hạ Ngươn là ngươn Bảo tồn, tức là ngươn Tái tạo, ấy là ngươn qui cố.

Trong một năm cũng có Tam ngươn: Thượng ngươn là rằm tháng giêng, Trung ngươn là rằm tháng bảy, Hạ ngươn là rằm tháng mười, rồi thì cũng trở lại rằm tháng giêng, Thiên Địa tuần hườn châu nhi phục thí.

Còn cuộc tuần hườn của nhơn sanh là: “Nhơn chi sơ tánh bốn

thiện”. Con người mới sanh ra ban đầu, thì có tánh trọn lành gọi là: “Thiên mạng chi vị tánh”. Trời đã ban cho mỗi người một cái tánh lành ai ai đều có, mà tại con người chẳng hay trau giồi, để cho nó nhiễm lấy hồng trần thế sự xu hướng theo vật chất mà quên mất lương tâm, trở nên người hung ác bạo tàn.

Cha mẹ sanh con từ nhỏ cho đến khôn lớn, đều dạy làm phải làm lành, chẳng có cha mẹ nào dạy con làm các điều tội lỗi. Thánh Hiền xưa cũng lo cho buổi sau này, phong hóa suy đồi như luân diên đảo, nên mới soạn Thi Thơ Kinh Điển để lưu truyền cho kẻ hậu lai, thì Thiên kinh vạn điển hiểu nghĩa vi tiên, không có bài sách nào mà Thánh Hiền dạy con người gian tham trộm cướp, mà hiện nay thấy rõ con người ở đời, làm những điều tội lỗi nhiều hơn là làm phải làm lành, ấy là như tâm bất cổ, lòng người chẳng giống xưa, gọi là mất nguồn cội.

Thời kỳ Hạ ngưng này Đức CHÍ TÔN hoàng khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cốt yếu là giáo dân qui thiện phục chánh như tâm, thức tỉnh cho người đời biết giác ngộ, lánh dữ làm lành tu như tích đức, phẫn bản huân nguyên mới thuận theo cơ tuần huân tạo hóa.

Làm người biết noi theo đường Thiên lý, thì chỉ có phương tu là hay nhất.

## **BÀI SỐ 4** **ĐỀ TÀI CHỮ TU**

Tu là trau giồi đức hạnh, sửa bản tâm chơn tánh, cải ác tùng lương, khử tà qui chánh. Nghĩa là: đổi dữ về lành bỏ các điều vạy mà làm theo điều ngay. Con người đồng thọ như điểm Linh quang của Tạo hóa ban cho một cái tánh Thiêng liêng, tánh ấy vẫn biết khôn ngoan trí hóa đạo đức tinh thần, nếu không lo trau giồi để cho nó nhiễm lấy vật chất hữu hình lợi danh phú quý, sắc dục tiền tài, làm cho điểm linh quang mờ ám, mà sanh ra các điều tội lỗi.

Có câu: “Ngọc bất trác bất thành khí”. Ngọc chẳng giồi chẳng nên giống tốt. Ngọc ngà là vật quý báu của đời, nếu không biết

cách trau dồi, thành ra một vật vô giá trị cũng như con người có một tánh lành, mà chẳng hay trọng dưỡng để cho nó trở nên hung ác thì gọi là mất nguồn cội. Cho nên bậc nào cũng lo tu hành là điều cần nhất, có câu: “Tự Thiên Tử chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản”. Nghĩa là: từ ngôi Thiên Tử xuống tới hàng thứ dân, chỉ dùng sự tu thân mà làm căn bản.

Xem trong thơ truyện các bậc Đế Vương cũng xuất thân lo việc tu hành. Vua Hiên Viên Huỳnh Đế, còn phé giang san quì gối ba phen yết bái Đức Quảng Thành Tử mà học Đạo Tiên Thiên. Lại nữa: Đức Thích Ca là con một của vua Tịnh Phạn Vương, Ngài là Đông Cung Thái Tử, sao chẳng ở nối ngôi Vua mà hưởng nhờ vinh huê phú quý, lại xuất thân hành đạo chịu thiên tân vạn khổ, ly gia cắt ái giáo hóa chúng sanh thuyết pháp độ đời, thức tỉnh nhơn tâm, cho nặng thoát khỏi sông mê biển khổ. Do nơi công nghiệp ấy Ngài mới đắc đạo là Phật Tổ, thiên hạ phụng thờ, muôn người sùng bái, có phải là phương tu rất nên quý hóa chăng?

Nếu như các bậc Đế Vương mà còn mộ Đạo tu hành thay hưởng chi chúng ta nữ nào mê theo mỗi phú quý bả vinh hoa vẽ cân đai mùi chung đỉnh là điều giả cuộc, mà đành quên hết đạo đức tinh thần hay sao? Có câu: Đức giã bốn giã, tài giã mặt giã.

Đạo đức là căn bản, còn tài là ngọn ngành, mà chúng ta lẽ nào bỏ gốc tầm ngọn, lại có câu: “Đức thắng tài vi quân-tử”. Sao lại không lo lập đức đặng làm người quân tử mà lại tranh tài?

Phương tu rất có ích cho nhơn quần xã hội. Bởi có câu: “Tu kỹ dĩ an bá tánh”, một người tu mà trong bá tánh thấy đều an cư, ví như một người kia bình nhựt hay trộm cướp gian tham, mà nay biết ăn năn hối ngộ lo việc tu hành thì trong bá tánh đặng hưởng mọi điều yên tịnh, có phải là phương tu hữu ích chăng?

Nếu trong xã hội từ lớn chí nhỏ đều lo việc tu hành, giữ theo luật Đạo làm lành lánh dữ, thương yêu thuận hòa cùng nhau thì xã hội trở nên thái bình, đời mới đặng thuần phong mỹ tục. Còn chẳng noi theo đường đạo đức, để tranh đua mạnh hiếp yếu trí lẩn ngu, giàu hiếp nghèo, khôn lẩn dại, sanh ra các điều

ác cảm không kể luân lý cang thường thì chi cho khỏi điều tồi phong bại tục.

Có câu: “Bang hữu đạo tắc trí bang vô đạo tắc nguy”. Nước nhà có đạo đức thì dân trở nên hiền lành, được mở mang trí hóa cao thượng.

Còn nước không có Đạo, thì dân tranh cạnh thù nghịch lẫn nhau, tìm mưu sâu kế độc mà giết hại lẫn nhau chẳng thương yêu cốt nhục đồng bào, thì kết cuộc nhưn sanh phải đi tới con đường tận diệt....

Tóm lại phương châm tu hành đạo đức là một cơ quan bảo tồn nhân loại.

## **BÀI SỐ 5** **GIẢI THÍCH CHỮ HÒA** **CHỮ HÒA LÀ THUẬN HÒA**

Trong Kinh Lễ có câu: “Lễ dĩ hòa vi quý”. Lễ nghi phải lấy chữ hòa làm quý, vì ngoài mặt có hòa nhã, thì trong tâm mới có thành kính, lễ nghi mới ra vẻ trang nghiêm long trọng. Nếu hành lễ mà không hòa, thì dầu lễ nghi to lớn Thánh Thần cũng không chứng hưởng. Thầy Mạnh Tử nói: “ Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa”. Nghĩa là: Thời Trời chẳng bằng đất lợi, đất lợi cũng không bằng người hòa. Người có hòa mới cảm tình liên lạc kết dây đoàn thể với nhau, tương thân tương ái đồng tâm hiệp lực cùng nhau thì mới thật hành mọi điều kết quả.

Đời Tam Quốc ông Lưu Tiên Chúa, duy lấy hai chữ nhưn hòa mà thắng cả thiên thời địa lợi, làm cho Tào Mạnh Đức lấm trận kinh hồn, Ngô Tôn Quyền nhiều phen mất vía. Xem như thế đủ biết chữ hòa mạnh mẽ là dường nào.

Nhớ lại tích xưa 3 vị anh hùng LƯU, QUANG, TRƯỜNG hiệp đồng nhứt tâm, dù tất có một chữ hòa mà lập nên giang san Hớn Thất.

SÀI, TRIỆU, TRỊNH cũng dùng chữ hòa mà dựng nên cơ

nghiệp Tống Triều. Quốc dân Việt Nam trên 25 triệu đồng bào, chung cả tín đồ Đạo Cao Đài, nếu biết hiệp lực đồng tâm, thương yêu liên lạc thuận hòa cùng nhau mới có thể phục hồi an ninh trật tự, chấn hưng nền luân lý, (mối cang thường) trở nên tận thiện tận mỹ.

Trong Kinh Thi có câu:

“Âm dương hòa võ trạch giáng, phu phụ hòa gia đạo thành”. Khí âm khí dương hiệp hòa thì mưa thuận rưới khắp, vợ chồng có hòa thì đạo nhà mới nên. Thiết tưởng như hai vợ chồng mà biết thuận hòa với nhau còn tạo thành gia nghiệp được kinh dinh thay. Trái lại, vợ chồng mà không hòa thì tự nhiên tình nghĩa phai lợt cách xa, gia đình ắt phải suy tồi hư hoại.

Còn trong xã hội mà chẳng hòa, thì biến thành xã hội phân vân tranh đấu. Toàn cả thế giới mà chẳng hòa thì đời chiến tranh loạn lạc, ấy là cơ tự diệt lẫn nhau.

Nếu chẳng dùng phương châm đạo đức nhưn nghĩa mà làm kế bảo an, thì nhưn loại vì cuộc chiến tranh ắt phải có ngày tuyệt chủng.

Trong Kinh Thơ có câu:

“Hiệp hòa vạn bang”. Phải hiệp hòa muôn nước. Dầu cho quốc dân chủng tộc nào, hay là sắc da nào chẳng hạn cũng đồng con chung của Đấng Tạo Hóa, thì phải biết thương yêu thuận hòa với nhau như anh em một nhà thì đời mới trở nên thái bình an cư lạc nghiệp.

Đến như Trời Đất âm dương, cùng các bậc thượng cổ Đế Vương còn phải lấy chữ hòa làm gốc. Hướng chi anh em chúng ta là người tu hành đạo đức, há chẳng noi theo chữ hòa hay sao? Có câu: “Hòa giả thiên hạ chi đạt đạo giả”. Hòa là cơ đạt đạo trong thiên hạ vậy.

Trong thế giới có hòa thì mới đặng thái bình thịnh vượng, nhà nước có hòa mới được tấn bộ văn minh, gia đình có hòa mới được sum vầy vui vẻ, cha con có hòa mới trọn câu phụ tử tử hiếu, anh em có hòa mới biết thuận thảo thương yêu, vợ chồng



có hòa mới nên cửa nhà đồ sộ, bậu bạn có hòa mới giữ tròn câu  
tín nghĩa, đạo đức có hòa mới được hoàn toàn.

Chữ hòa rất quý hóa thay!

Thánh Giáo của Đức Chí Tôn dạy:

Kỳ Phổ Độ thứ ba này, Thầy giảng trần khai Đạo là đề xướng  
cho nhơn loại hòa bình đại đồng thế giới.

Ngày nào các con hiệp nhứt tâm thật hành choặng chữ hòa  
thì Thầy sẽ giao chìa khóa cho các con mở cửa Tam Thập Lục  
Thiên mà vào nơi Bạch Ngọc Kinh. Còn các con không thuận  
hòa cùng nhau thì ngọn đèn thiêng liêng chưa đủ rọi tỏ cho  
mấy chục triệu nhơn sanh. Thầy lại dạy rằng: “Cái nhánh của  
các con là cái nhánh của chính mình Thầy làm chủ, một điều  
Thầy vui hơn hết là muốn cho các con liên lạc thuận hòa cùng  
nhau hoài, chia vui sốt nhọc với nhau điu dắt nhau đem lên  
đường đạo đức, hầu tránh khỏi chốn trần ai, chốn chốn (giết hại  
lẫn nhau) ấy là các con hiến lễ cho Thầy trân trọng. Nếu các  
con không thuận hòa cùng nhau, tựa hồ chia phe phân phái thì  
nghịch lẫn nhau, ấy là các con làm đại tội trước mặt Thầy”.

Những lời của Đức CHÍ TÔN đã dạy, anh em chúng ta ghi  
nhớ mà thật hành cho tròn bốn phận là môn đệ của CHÍ TÔN,  
kẻo lằm công trình cực nhọc đem thân vào đường đạo đức, mà  
chẳng tuân theo Thánh Giáo thì sau này không tránh khỏi luật  
Thiên điều.

### THI CHỮ HÒA

Thiên thời địa lợi bất như hòa,  
Tam giáo chơn truyền vốn một cha.  
Chia rẽ phân tâm thành bạc nhược,  
Hiệp hòa chung trí thặng can qua.  
Thương yêu nhơn loại như xương thịt,  
Cảm mến đồng bào thể ruột rà.  
Cả tiếng kêu ai là mẫn thế,  
Nghiêng vai chung gánh Đạo nhà ta.

## BÀI SỐ 6

### GIẢI THÍCH KINH LỄ

Lễ là khuôn viên trọng thể của con người, con người sở dĩ linh hơn muôn vật, tướng cũng nhờ có lễ nghĩa mà đặng phần hơn. Nên có câu: “Nhơn sanh vạn vật tối linh, Lễ giả Thiên Địa chi tự dã”. Nghĩa là người đời có tánh linh hơn muôn vật là nhờ biết Lễ, Lễ vốn là Trời Đất phân ra trật tự khác nhau, cho vạn vật có thứ tự phân minh, nhưng cũng đồng một thể, cũng do theo điều hòa mà tạo thành cơ sanh hóa. Có câu: “Thiên cao địa hạ vạn vật tán thù, nhi lễ chế hành hĩ, Lưu nhi bất tức, hiệp đồng nhi hóa chi nhạc hưng yên”. Trời cao đất thấp muôn vật khác nhau, cho nên Thánh-Hiên mới định ra Lễ Nghĩa, phân tôn ti trật tự. Trời Đất và vạn vật lưu hành, hội hợp tánh chất cho điều hòa để gây tạo thành cơ sanh hóa.

Căn nguyên của Lễ cao xa như thế, cho nên mới có giá trị tôn quý, Thánh Hiên đời trước lấy lễ làm căn bản, để dạy người và trị thiên hạ. Có câu: “Tiên Vương chế lễ nhạc giả, phi dĩ cực khẩu, Phúc nhĩ mục chi dục giả, tương dĩ giáo dân binh hảo ố, nhi phản nhơn đạo chi chánh dã”. Tiên Vương chế ra Lễ Nhạc, chẳng phải để làm cho cùng cực cái sở dục của miệng, bụng, tai, mắt, nhưng để dạy dân giữ lòng hảo ố cho vừa phải mà sửa lại cái nhơn đạo cho chánh vậy.

Quy củ chữ Lễ là để chế sửa phong tục, nhơn quần xã hội, Quan Hôn Tang Tế, triều đình hương đảng, cả thủy đều dùng lễ mà làm cho tận thiện tận mỹ vậy.

Lễ là thuộc việc tế tự có thể trạng thái tình cảm rất hậu, tế là do tâm thành kính Trời, Phật, Tiên, Thánh hay là Tổ Tông.

Có câu: “Phù tế giả phi vật tự ngoại, tự trung xuất sanh ư tâm dã”. Trong việc cúng tế chẳng phải tại lễ vật ở ngoài, chỉ tại lòng thành kính mà sanh ra vậy.

Lễ là cốt để giữ sự chừng mực cho sự hành vi của con người. Đức Khổng Tử nói: “Đạo đức nhơn nghĩa phi lễ bất thành, giáo hóa chánh tục phi lễ bất bị, phân tranh kiện tụng phi lễ bất

quyết, quân thần thượng hạ phụ tử huynh đệ phi lễ bất định, hoạn học sự sư phi lễ bất thân, ban triều trị quân tỵ quan hành pháp phi lễ oai nghiêm bất thành. Đảo từ tế tự cung cấp Thánh Thần, phi lễ bất thành bất trang, thị dĩ quân tử cung kính tôn tiết thái nhượng dĩ minh lễ”. Lời của Đức Khổng Tử dạy, những người đã làm đạo đức như nghĩa, mà thiếu lễ cũng chẳng nên, dạy bảo sửa đổi phong-tục mà thiếu lễ thì cũng chẳng đủ. Xử việc phân tranh kiện tụng mà thiếu lễ thì không quyết đoán, Vua tôi trên dưới cha con anh em, mà không có lễ thì chẳng định, học làm quan thờ Thầy mà không có lễ thì chẳng thân mật, sắp đặt thứ vị trong triều, cai trị quân lính, đi làm quan thi hành pháp lệnh, mà không có lễ thì chẳng oai nghiêm, cầu khẩn, cung cấp, tế tự Thánh Thần mà chẳng có lễ thì không trang nghiêm thành kính.

Bởi thế cho nên người quân tử dung mạo phải đoan trang trong tâm phải thành kính, giữ gìn pháp độ để làm cho lễ ra sáng tỏ vậy.

Đức Khổng Tử, chỉ chung làm những việc gì, cũng cần giữ bực trung dung, nếu không dùng lễ để làm tiêu chuẩn cho sự hành vi thì biết thế nào là trung được, nên Ngài nói rằng: “Lễ hồ sở dĩ chế trung dã”. Lễ vậy ôi!... để đặt chế cho vừa bực trung vậy.

Lễ là dùng phương diện phân tôn ty trật tự, tức là cái phép để tạo nên luân lý trong gia đình và xã hội quốc dân vậy.

Có câu: “Phù lễ Tiên Vương dĩ thừa thiên chi đạo, dĩ trị nhân chi tình”. Lễ là các vì Tiên Vương vâng theo cái Đạo của Trời, để trị tình dục của con người, tình dục của người vừa biến sanh, chỉ có dùng lễ mà ngăn cản lại được.

Khổng Tử viết: “Ấm thực nam nữ nhân chi đại dục, tồn yên tử vong bản khổ như chi đại ố, tồn yên cố dục ố giả tâm chi đại đoan dã, nhân tàn kỳ tâm bất khả trắc độ giả, mỹ ác giai tại kỳ tâm bất kiến kỳ sắc dã, dục nhưt dĩ cùng chi xá lễ hà dĩ tai”.

Đức Khổng Tử nói: Các việc tội lỗi của con người là do nơi sự ăn uống quá độ mà sanh ra, nhưt là trai và gái ăn chung với

nhau, thì cái sở dục bao giờ cũng có.... Còn cái giận cái ghét của con người, là do sự nghèo khổ bịnh hoạn chết mất mà nảy sanh, cái ố dục là mối lớn của tâm vậy, cái tâm của con người thường giấu kín, chẳng khá độ lường đặng, tóm lại nếu muốn biết cho cùng mà không dùng lễ thì chẳng thế nào biết được.

Các bậc Đế Vương đời trước, sở dĩ trị được thiên hạ, là nhờ hiểu rõ cái tình dục của con người, nên mới chế ra Lễ Nghĩa, để phân tôn ty trật tự chuyên trị thất tình là: Hỉ, Nộ, Ai, Lạc, Ái, Ố, Dục, sửa thập nghĩa là: Phụ tử tử hiếu, huynh đễ đệ cung, phu nghĩa phụ tiết, trưởng huệ, ấu thuận, quân nhân, thần trung. Giảng giáo điều tín nghĩa chuộng sự hòa thuận, bỏ sự cạnh tranh trộm cướp.

Sự giáo hóa của Đức Khổng Tử, là tinh vi hiệu quả rất sâu xa. Có câu: “Lễ chi giáo hóa giả vi kỳ chỉ tà dã ư dị hình sử nhân nhứt tỹ thiện viễn ác như bất tự tri dã”. Sự giáo hóa của Đức Khổng Tử mà dùng lễ là cao sâu mầu nhiệm, có thể ngăn ngừa các điều tội lỗi trong lúc chưa bày ra, khiến cho người ngày ngày đến gần chỗ lành, lánh xa điều dữ là người biết lễ vậy.

Đức Khổng Tử rất trọng lễ vậy, nên Ngài nói: “Phù lễ cấm loạn chi sở do sanh, do phượng chỉ thủy tự lai dã”. Lễ là ngăn cấm các điều rối loạn lúc chưa sanh ra, cũng như con đường đắp để ngăn cho nước đừng tràn vào vậy.

Người giàu sang mà biết lễ thì không dâm tàn, không kiêu căng, người bản tiện mà biết lễ thì không nản chí, không làm quấy, người làm Vua mà biết lễ thì mới biết phép sửa nước trị dân. Tóm lại: “Lễ chi ư chánh quốc giã, do hành chi ư khinh trọng giã, thặng mạc chi ư khúc trực giã, qui củ chi ư phương viên dã”. Lễ đối với việc sửa nước trị dân, chẳng khác nào như cây cân để đối với vật nặng vật nhẹ, cũng như sợi dây để đối với vật thẳng vật cong, cũng như cái quy cái củ để đối với vật tròn vật vuông vậy.

Nếu con người từ ấu chí trưởng mà biết trọng lễ nghĩa khiêm cung, thì khỏi chịu dưới luật hình trừng trị, mà đời sẽ trở nên thái bình an cư lạc nghiệp. Sánh với đời Nghiêu Thuấn, Võ

Thang, Văn Võ, Châu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử, Nghiêu Thuấn không lập luật hình, Võ Thang không tạo khám đường ngục thất, đời vô vi nhi trị thiên hạ thái bình là nhờ dân tộc thời kỳ ấy biết giữ lễ.

Thánh Giáo của Đức TÔN SƠN dạy:

Lễ nơi mình là khuôn viên trọng thể,

Lễ nơi nước là phép trị an,

Lễ nơi toàn cầu là đại đồng thế giới.

Nếu không có lễ thì chẳng làm việc gì mà nên đặng.

### THI CHỮ LỄ

LỄ là trật tự của Thần Tiên,

LỄ dạy nhơn sanh giữ tánh hiền.

LỄ đối toàn cầu điều yếu trọng,

LỄ qui Tam Giáo thuận cơ Thiên.

## BÀI SỐ 7

### GIẢI THÍCH CHỮ KHIÊM

Chữ Khiêm là khiêm nhượng, dầu mình khôn ngoan trí hóa, tài hay nghề giỏi cũng phải kính nhường người. Có câu: “Thánh nhơn bất tự mãn túc, Nghiêu Thuấn kỳ du bịnh chư”. Đức Thánh Nhơn còn chưa gọi mình là đầy đủ, Vua Nghiêu, Vua Thuấn còn có chỗ thiếu sót thay. Ấy là bậc Thánh Hiền còn phải khiêm nhượng như thế.

Người đời thường có tánh tự đắc, kiêu ngạo, chẳng biết khiêm nhượng là gì, hễ mở miệng ra thì tự tôn tự đại, coi mình như Thần Thánh, khinh bỉ người nhẹ như mảy lông.

Có câu: “Khinh bạc chi thái, thị chi quân tử tắc tán ngô đức, thị chi tiểu nhân tắc tán ngô thân”. Nghĩa là: Cái thói khinh bạc mà đối với người quân tử thì tổn cái đức của mình, còn đối với kẻ tiểu nhân thì hại cái thân của mình.

Cho nên Đức Khổng Tử dạy rằng: “Thông minh huệ trí thủ chi dĩ ngu, công bị thiên hạ thủ chi dĩ nhượng, đồng lực chấn thế

thủ chi dĩ khước, phú hữu tứ hải thủ chi dĩ khiêm”. Đức Khổng Tử nói: dầu mình có thông minh trí huệ hơn người cũng phải coi mình như ngu dốt vậy, dầu mình có công lao đầy đủ trong thiên hạ, thì cũng phải kính nhường người, mình có sức mạnh hơn đời, cũng phải coi mình như kẻ mềm yếu vậy, dầu mình giàu có trong bốn biển, thì cũng xem mình như nghèo khổ vậy. Ấy là cái hạnh khiêm nhường của Đức Thánh Nhân, để roi truyền cho đoàn hậu tấn.

Chữ khiêm đối với các phương diện cần phải thật hành tất cả. Người bác học mà biết khiêm nhường thì kẻ tài sơ mới hết lòng mến phục, còn kẻ tài sơ mà biết khiêm nhường, thì người bác học mới vui dạ đất đai. Còn tánh hui hui tự đắc, thì thành ra người không được tiến hóa.

Trong gia đình mà biết khiêm nhường thì mới được trên thuận dưới hòa. Trong xã hội mà nhiều người biết khiêm nhường, thì xã hội mới được thái bình. Còn người tu hành đạo đức mà biết khiêm nhường thì mới đặng hoàn toàn.

Trong quyển Phương Châm Hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông dạy rằng: Quý hóa thay cái hạnh khiêm nhường, nguy hiểm thay cho tánh tự kiêu.

### THI

Khiêm cung nhĩn nại mới là hay,  
Tự đại tự tôn chẳng phải tài.  
Xem hạnh người xưa gương trước mắt,  
Mất dầu không thấy vẫn còn tai.

## BÀI SỐ 8

### GIẢNG GIẢI CHỮ CUNG CHỮ CUNG LÀ CUNG KÍNH

Đối với các sự đời và hành vi cử chỉ của con người hằng ngày phải giữ tấm lòng cung kính. Dầu lúc nào cũng xem mình như ở giữa chốn triều đình, đứng trên sân tế lễ. Dầu ngồi trong nhà kín cũng tưởng như: thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ. Nghĩa là mười mắt trông vào và mười tay chỉ vào mình.

Trong Kinh Thư có câu: “Như lâm thâm uyên, như lý bạc băng”. Phải coi mình như đến vực sâu, như nơi giá mỏng.

Cách cử động của các bậc Cổ nhơn cung kính như thế. Con người còn có tánh linh hơn vật, là do nơi biết cung kính lễ nghĩa mà cao hơn.

Nếu con người chỉ biết đói thì ăn, khát thì uống, no ấm thì vui mừng, đói rách thì lo buồn, còn ngoài ra chẳng biết cung kính lễ phép là gì. Người như vậy phỏng có khác chi cái hình bằng gỗ chẳng? Thiết tưởng hạng người như thế thiên hạ kêu là giá áo túi cơm cũng phải.

Đức Khổng Tử, giáo hóa nhơn sanh có dạy năm điều là: “Ôn, Lương, Cung, Kiệm, Nhượng”. Vua tôi có cung kính thì thiên hạ mới được thái bình, cho nên vua Nghiêu đối với bá quan thường dùng một chữ Khâm, ngàn thu còn để tiếng Thánh quân. Cha con có cung kính thì gia đình mới được thuận hòa. Ông vua Thuấn thờ cha mẹ trọn niềm thủ kính, mà muôn đời còn lưu danh là đại hiếu. Anh em có cung kính với nhau, mới có tình cảm thân yêu mến. Đời xưa ông Lý Tịch làm quan to, ông đã già mà cung kính bà chị một cách lạ thường. Một hôm bà chị đau ông thân hành đi nấu cháo cho chị ăn, thổi lửa rủi bị cháy hết râu, người chị thấy em như vậy thì hết lòng thương xót. Còn vợ chồng mà biết cung kính với nhau, thì tình thân ái mới được thuận hòa, tạo nên cửa nhà đồ sộ.

Đời xưa vợ chồng ông Khước Khuyết tương kính như tân, vợ chồng của ông kính nhường nhau ví như khách quý, thường bữa ông đi cày bà vợ đem cơm phải quì mà dâng cho ông, rồi chấp tay đứng hầu đến trọn bữa.

Ngày kia có quan Đại Phu, đi ngang qua xem thấy cách cung kính của vợ chồng ông như vậy, bèn về tâu lại với Vua nước Tấn, Vua liền mời ông Khước Khuyết phong làm quan Hạ Đại Phu, ấy là vợ ngoan làm quan cho chồng.

Người tu hành mà biết cung kính, thì tinh thần đạo đức mới được tăng tiến lên cao. Trong xã hội từ lớn chí nhỏ đều biết cung kính lễ phép thì xã hội mới có vẻ điều hòa thuận phong

mỹ tục.

Toàn thể nhân loại mà biết giữ lễ nghĩa cung kính với nhau, thì thế giới sẽ được hòa bình phục hồi thượng cổ.

## THI CHỮ CUNG

Cung kính là đầu của thế gian,  
Lễ nghi biết giữ đặng trang hoàng.  
Tài sơ bác học đều lưu ý,  
Nghiêu Thuấn thường dùng đối bá quan.

## BÀI SỐ 9 GIẢI THÍCH CHỮ NHẪN

Chữ Nhẫn là kiên tâm nhẫn nại. Bền lòng nhịn nhục được thì cái tâm mới an tịnh, nhưt là về phương diện tu hành đạo đức, phải thật hành chữ nhẫn trước hết.

Đức Khổng Tử nói: “Tiểu bất nhẫn, tắc loạn đại mưu”. Việc nhỏ mà chẳng nhịn thì cái mưu lớn ắt phải hư hoại. Ở đời ta thường thấy những việc nhỏ bằng sợi tóc, vì không nhịn được mà xảy ra sóng gió to lớn, nhiều khi gây nên tai họa giết hại lẫn nhau, là do nơi chẳng chịu kiên nhẫn mà biến sanh ra nông nổi.

Có tích xưa: Ông Quách Tử Nghi, đời nhà Đường khi còn nhỏ đang đi học, một hôm ông xem kinh Phật thấy câu “Hắc phong xuy châu phiêu nhập chi khổ hải”. Nghĩa là luồng gió đen thổi chiếc thuyền trôi vào trong biển khổ. Ông không hiểu ý câu ấy ra sao, bèn đến hỏi một Hòa Thượng. Vị Hòa-Thượng thấy hỏi như vậy, thì thịnh nộ mắng ông Quách Tử Nghi rằng mày còn con nít biết gì mà dám hỏi những câu đó. Ông Quách Tử Nghi thấy vị Hòa Thượng trả lời như vậy thì nổi giận hầm hầm tím mặt. Lúc ấy vị Hòa Thượng bèn ung dung dạy lại cười mà cắt nghĩa cho ông Quách Tử Nghi biết rằng: Sự thịnh nộ của công tử từ nãy đến giờ tức là luồng gió đen thổi chiếc thuyền trôi vào biển khổ đó....

Ông Quách Tử Nghi hồi tâm tỉnh ngộ, bèn chấp tay tạ ơn vị



Hòa Thượng, đã dùng một cách gián tiếp mà chỉ giáo cho mình. Ôi! Ở đời biết bao nhiêu luồng gió đen, hằng ngày lẫn quần xung quanh mình của chúng ta, nếu chúng ta không hết sức lấy tấm lòng kiên nhẫn ra chống chỏi, thì cơ hồ thân thể của chúng ta như một chiếc thuyền nhỏ kia, có ngày chìm đắm vào trong bể khổ.

Có bài sách Thầy Tử Trương hỏi Đức Khổng Phu Tử về chữ nhẫn. “Tử Trương dục hành từ ư Phu Tử, nguyện tứ nhưt ngôn vi tu nhân chỉ yếu”. Thầy Tử Trương muốn đi làm việc chánh, bèn đến từ tạ Đức Khổng Phu Tử, xin cho một lời để làm phép sửa mình.

Phu Tử viết: “Bá hạnh chi bốn nhẫn chi vi thượng”. Đức Khổng Tử nói: Trăm nét chung gốc chỉ có chữ nhẫn là cao thượng hơn hết.

Tử Trương viết: “Hà vi nhẫn chi”. Thầy Tử Trương hỏi tại sao mà phải nhin đó. Phu Tử viết:

Thiên Tử nhẫn chi quốc vô hại,  
Chư Hầu nhẫn chi thành kỳ đại.  
Quan Lại nhẫn chi tấn kỳ vị,  
Huynh đệ nhẫn chi gia phú quý,  
Phu phụ nhẫn chi chung kỳ thế,  
Bằng hữu nhẫn chi danh bất phế,  
Tự thân nhẫn chi vô họa họa.

Nghĩa là:

Làm Vua mà biết nhin thì trong nước không có điều tai hại, bậc chư hầu mà biết nhin thì nên nghiệp lớn.

Bậc Quan Lại mà biết nhin thì phẩm vị đặng cao thăng.

Anh em biết nhin với nhau thì nhà cửa đặng giàu sang.

Chồng vợ biết nhin thì niềm ân ái mới đặng trọn đời. Bậu bạn biết nhin thì danh nghĩa chẳng hư, còn thân của mình mà biết nhin chẳng lo tai họa.

Tử Trương viết: “Bất nhẫn hà như”. Thầy Tử Trương hỏi: Còn chẳng nhin thì đường nào? Phu Tử viết:

Thiên Tử bất nhẫn quốc không hư,  
Chư Hầu bất nhẫn tán kỳ xu,  
Quan Lại bất nhẫn hình phạt tru,  
Huynh đệ bất nhẫn cát phân cư,  
Phụ phụ bất nhẫn tình ý sơ,  
Tự thân bất nhẫn hoạn bất trừ.

Nghĩa là:

Làm Vua mà chẳng nhịn thì nước phải trống không. Bậc Chư Hầu chẳng nhịn thì hư bại thân mình. Bậc Quan Lại không nhịn thì phải chịu hình phạt. Anh em chẳng biết nhịn nhau, thì chia của cắt nhà phân ly thủ túc. Chồng vợ chẳng nhịn thì tình nghĩa ra phai lợt. Còn bốn thân của mình mà chẳng biết nhịn thì mọi việc hoạn họa chẳng dứt....

Đức Khổng Tử giải nghĩa các bậc rồi, Thầy Tử Trương ngậm ngùi mà than rằng: phải lắm, phải lắm, thật là khó thay nếu không có chí kiên nhẫn thì cũng khổ cho bốn phận làm người. Trong Kinh Hoa Nghiêm có câu rằng: “Nhứt niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai”. Một phen nư giận nổi lên thì muôn ngàn nghiệp chướng nảy sanh. Trong các kinh sách của Phật, Tiên, Thánh-Hiền hằng ngày dạy nhưn sanh chữ nhẫn làm đầu, mà con người mơ màng chưa tỉnh ngộ.

Chúng ta nhận xét qua một trận giông tố, ắt phải có cây ngã, nhà sập, thuyền tàu chìm đắm. Còn người trải qua những cơn thịnh nộ rồi, thường có xảy ra lắm điều tai ương hoạn họa, khi biết tự tỉnh ăn năn thì việc đã muôn rồi.

Vậy mà có nhiều người trải qua biết bao nhiêu lần giông tố, mà cũng không biết kiên nhẫn chút nào, thật cũng đáng buồn cho đó ...

Có tích Ông Trương Công Nghệ:

Ngày xưa ông Trương Công Nghệ chín đời cùng ở với nhau một nhà. Có câu: “Trương Công Nghệ cửu thế đồng cư”. Vợ chồng con cháu có mấy trăm người mà trọn đời chưa có điều chi xích mích, trong gia đình bao giờ cũng đầm ấm như khí hòa mùa xuân.

Ngày kia Vua nghe tin bèn ngự giá đến nhà ông mà hỏi rằng: nhà của người dùng cách gì mà trong gia đình vui vẻ thuận hòa với nhau như vậy?

Ông Trương Công Nghệ bèn viết một chữ NHẪN thiết lớn vào trong tấm giấy mà dâng lên cho Vua.... Vua xem rồi lấy làm kính phục, liền ban cho ông một trái lê thử coi ông xử sự ra sao. Ông bèn sai người cắt trái lê bỏ vào trong cái thùng lớn đổ nước nấu sôi, rồi kêu tất cả người trong nhà đến trước mặt, cho uống mỗi người một muỗng, để gọi là chung hưởng ân Vua.

Ôi! Tấm lòng nhẫn nại của ông quý biết chừng nào.

Đến đổi nhà của ông có nuôi một trăm con chó, mỗi bữa ăn cho ăn cơm nếu thiếu một con nào thì hết thảy cả bấy đều không ăn đứng đợi....

Sự nhẫn nại của ông kịp đến cả súc vật cũng biết nhẫn nhượng như thế. Đời nay những người không biết kiên nhẫn mà xem đến truyện của ông thì há chẳng hổ mình lắm sao?

Có câu:

Trương Công Nghệ trăm phần nhẫn nại,  
Chín đời cùng xúm xích ở chung.  
Tiếng lành đồn thấu bộ rông,  
Một nhà sum hiệp Cửu Trùng ban khen.  
“Bá nhẫn đường trung hưởng thái hòa”

Nếu trăm điều mà nhẫn được hết, thì trong gia đình sẽ được thuận hòa vui vẻ vô cùng.

### THI

Huệ Lan chung đứng mái tây hiên,  
Biết phải cùng nhau dữ hóa hiền.  
Kẻ đó người làm đôi lứa hại,  
Trăm điều nhẫn nại mới là Tiên.

(Còn tiếp)

# TÓM LƯỢC ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI (HIỀN TÀI DỰ PHONG) & THỂ THỨC NỘP HỒ SƠ

## I.- ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP.

Muốn gia nhập vào Ban Thế Đạo với danh xưng Hiền Tài Dự Phong, các ứng viên cần phải hội đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1- Phải là Tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh (có nhập môn).

2- Hội đủ một trong các điều kiện về Văn hóa, chuyên môn hoặc các điều kiện đặc biệt dưới đây:

\* Tốt nghiệp Đại Học ở hải ngoại (Bằng BA, BS hoặc tương đương trở lên)

\* Hoặc tốt nghiệp bằng Tú Tài II hoặc Cựu Sĩ Quan (thời kỳ trước năm 1975) cấp bậc từ Đại Úy trở lên hiện sinh sống ở hải ngoại.

\* Hoặc những nhà kinh doanh, nhân sĩ có đạo tâm có công nghiệp giúp ích cho Đạo.

3- Đối với các trường hợp (a, b, c, d, và e) cần được sự tiến cử của Chức sắc Thiên Phong cấp Giáo Hữu trở lên hoặc của ít nhất là (01) một vị Hiền Tài trở lên. Nếu người tiến cử là Chức sắc Hành Chánh Đạo tại địa phương (cấp Châu Đạo, Tộc Đạo) thì (01) một vị Quyền Đầu Tộc đương quyền hành Đạo trở lên tại địa phương đó có quyền đứng ra tiến cử.

Tại các địa phương chưa có Tộc Đạo, Chức Việc trong Bàn Trị sự được quyền đứng ra tiến cử nhưng phải có ít nhất là (02) hai vị trở lên mới hợp lệ.

## I.- HỒ SƠ XIN GIA NHẬP.

Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

**a- Đối với Quý vị Hiền Tài Khóa VI :**

Quý vị thuộc Hiền Tài Khóa VI trước đây được trân trọng mời tham gia hoạt động trong Ban Thế Đạo, không cần phải lập lại toàn bộ Hồ sơ (không cần người Tiến cử, miễn chứng minh về điều kiện văn hóa chuyên môn . . .), mà chỉ cần hoàn tất các thủ tục dưới đây:

\*Nếu còn Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ: Chỉ cần làm Phiếu Gia Nhập (Mẫu HT6/1) và kèm Bản chính Biên nhận nộp Hồ sơ là hợp lệ (Bản chính sẽ được hoàn lại).

\*Trường hợp Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ bị thất lạc, chỉ cần làm Tờ Cam Kết (Mẫu HT6/2).

**b- Đối với Ứng viên Hiền Tài Dự Phong thuộc thành phần-Trí Thức ở Hải ngoại:** Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

-Phiếu Gia nhập Ban Thế Đạo (Mẫu A)

-Tờ Tiến cử (Mẫu B).

-Bản sao (Photocopy) các Văn Bằng, Chứng Chỉ theo quy định.

-Giấy Nhập Môn vào Đạo (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh).

**\*Các Trường hợp đặc biệt:**

b1- Đối với con em trong gia đình Đại Đạo (Tòa Thánh Tây Ninh):

-Nếu đã Nhập Môn nhưng Giấy Nhập Môn bị thất lạc, cần phải Tái Thê.

-Nếu chưa Nhập Môn, thì cần đến các Cơ sở Hành Chánh Đạo như Hương Đạo, Tộc Đạo.. để làm lễ Nhập Môn vào Đạo.

b2- Đối với con em gia đình Đại Đạo (Không thuộc Tòa Thánh Tây Ninh) và những người chưa nhập môn vào Đạo:

-Nếu hội đủ các điều kiện về Văn hóa chuyên môn, về Tiến cử ... ,được nộp Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo nhưng Giấy Nhập Môn phải nộp bổ sung trong vòng (06) sáu tháng.

**c- Đối với những Vị có Tú Tài II trở lên và những vị Sĩ Quan cấp bậc từ Đại Úy trở lên (Trước năm 1975 chưa có**

cơ hội gia nhập vào Ban Thế Đạo) : Nếu muốn gia nhập, hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại cũng cần lập đủ Hồ sơ như quy định cho thành phần Trí Thức ở Hải ngoại ( Điểm b, Mục II).

**d- Đối với những vị đã có đóng góp công nghiệp đặc biệt cho Đạo:**

- Được miễn Điều kiện về Văn hóa chuyên môn.
- Cần hội đủ điều kiện về Tiến cử, về Nhập môn quy định.
- Giấy chứng minh đóng góp công nghiệp cho Đạo.

**III - NƠI NỘP HỒ SƠ.**

Hồ sơ gửi về Ban Thế Đạo Hải Ngoại, địa chỉ:  
**BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI**  
Số: 3076 Oakbridge Dr,  
SAN JOSE, CA.95121-1716

**IV - THỜI HẠN NỘP ĐƠN.**

Không có thời hạn. Ban Thế Đạo Hải Ngoại luôn luôn lúc nào cũng hân hoan đón nhận các hồ sơ gia nhập.

**V- NƠI LIÊN LẠC CẦN THIẾT:**

- HT. Nguyễn ngọc Dũ:- Phone: 408-238-6547  
Email: dutani@comcast.net
- HT.Nguyễn văn Cầu- Phone: (408) 292-2686.

**Nội Luật Ban Thế Đạo**

.....  
Có nhiều bậc ưu thời mẫn thế sẵn có Đạo tâm, giàu lòng nhân ái, muốn phụng sự Đại Đạo, nhưng còn ràng buộc trách nhiệm đối với quốc gia, xã hội, chưa thể Đời hành Đạo được. Ban Thế Đạo là nơi dụng hiền, tạo cơ hội cho những bậc có Đạo tâm thực hành thiện nguyện ấy.

**Trích Chương Mở Đầu  
Nội Luật Ban Thế-Đạo**

# **Tập San Thế Đạo**

## **Chủ Trương**

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

## **Thực hiện & Trách nhiệm**

HT Nguyễn Ngọc Dũ

Tố Nguyên

## **Phụ Trách Kỹ Thuật**

Ngọc Dao - Thanh Điền

Ngọc Diệp

## **Phụ Trách Phát Hành**

Duy Hòa

## **Cộng Tác Thường Xuyên**

B.S Nguyễn Văn Thọ - TS Nguyễn Anh Tuấn

Lê Văn Thêm- Mai Văn Tâm- Bạch Y

Duy Văn- Nguyễn Trung Đạo- Tố Nguyên

Trần Công Bé- Song Nguyên- Vân Dương

Quang Thông- Lê Tấn Tài (Úc châu)

Lê Tấn Tài (USA)

## **Yểm Trợ**

Bài vở gửi đăng & Tài Chánh yểm trợ

Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo

xin gửi về:

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại**

**3076 Oakbridge Dr**

**San Jose, CA 95121-1716**

Phone: 408-238-6547 (H)

Email: dutani@comcast.net



# GIỚI THIỆU CƠ SỞ ĐỒNG ĐẠO - THÂN HỮU

## *DHT Collision & Service Center*

Justin or David - *Managers*

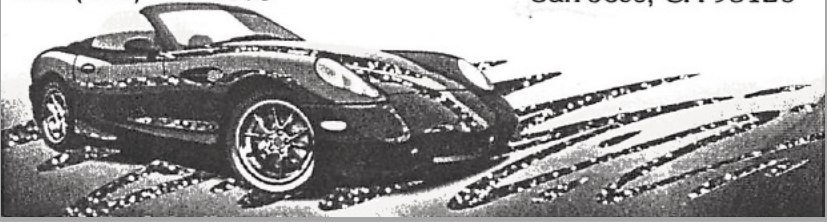
Email: [dhtauto@yahoo.com](mailto:dhtauto@yahoo.com)

Phone (408) 288-8856

Fax (408) 288-8855

60 Stockton Ave.

San Jose, CA 95126



## *Lisa's Flowers*

Flowers For All Occasions

2424 Quimby Rd., San Jose, CA 95148

(408) 828-5833 - (408) 528-7675

Fax: (408) 440-2974

*Free Wedding  
Consultation*

Uncompromised Quality & Service

Weddings • Parties • Birthdays • Funerals • Gift Baskets